



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 0866-7322

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 58 - KỲ I - 6/2019



TÍN NHIỆM QUỐC GIA NÂNG HẠNG
ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG
CHO NỀN KINH TẾ VIỆT NAM



BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP
CƠ HỘI ĐÓN ĐẦU
LÀN SÓNG ĐẦU TƯ MỚI



NGÀNH LOGISTICS
VỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI:
BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ CỦA MỘT SỐ
QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN Ý YÊN TRÊN LỘ TRÌNH ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

Những năm qua, nhờ thực hiện hiệu quả công tác phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất và xây dựng được môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao, cùng với những chính sách hợp lý trong việc chăm lo đời sống cho người lao động nên Trung tâm Y tế huyện Ý Yên đã có những bước phát triển vững chắc, trở thành một trong những trung tâm y tế tuyến huyện có chất lượng khám, chữa bệnh (KCB) tốt nhất của tỉnh Nam Định.



Ông Lê Minh Hiển, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Y tế huyện Ý Yên giới thiệu với phóng viên về Phô tượng và những lời răn của Đại Y Tôn Hải Thượng Lãn Ông, Lê Hữu Trác

Xác định nhân lực là yếu tố quan trọng, mang tính tiên phong trong nâng cao chất lượng khám và điều trị, thời gian qua, Trung tâm Y tế huyện Ý Yên luôn dành ưu tiên cho công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sĩ. Bên cạnh việc tuyển dụng các y, bác sĩ có trình độ, tay nghề, Trung tâm còn thường xuyên cử bác sĩ, điều dưỡng đi học tập các lớp ngắn hạn, dài hạn, chuyển giao kỹ thuật tại bệnh viện tuyến Trung ương như: Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức, Bệnh viện Tim Hà Nội, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Phụ sản Trung ương. Nhờ đó, Trung tâm đã tiếp nhận chuyển giao thành công nhiều gói kỹ thuật mới như: Kỹ thuật kết hợp xương, kỹ thuật phẫu thuật nội soi, kỹ thuật hồi sức sơ sinh, kỹ thuật hồi sức cấp cứu nhi nâng cao, qua đó vừa giúp nâng cao trình độ cho cán bộ y tế, vừa nâng cao khả năng khám và điều trị của Trung tâm. Song song với đó, Trung tâm thực hiện kiện toàn, bố trí hợp lý đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng tại các khoa phòng, thường xuyên tổ chức tập huấn, tập huấn lại cho đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên

về quy trình khám chữa bệnh, cũng như chăm sóc người bệnh toàn diện.

Bên cạnh đó, nhận thức bản lĩnh chính trị và ý thức là yếu tố tinh thần, có vai trò quan trọng trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng KCB, những năm qua, công tác bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức cho cán bộ y, bác sĩ trong Trung tâm được thực hiện thường xuyên, liên tục, thông qua các hoạt động như: Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn đơn vị trên tinh thần “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “học đi đôi với làm theo”; tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ, y, bác sĩ, người lao động của Trung tâm luôn có bản lĩnh chính trị vững vàng, hết lòng phục vụ người bệnh và luôn đặt ý thức lên hàng đầu, giúp cho công tác KCB được nâng cao, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh, tạo được niềm tin cho người dân trên địa bàn.

Bên cạnh đầu tư phát triển nguồn nhân lực, việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được Trung tâm coi là yếu tố quan trọng tiếp theo để nâng cao chất lượng công tác

khám và điều trị. Từ nguồn trái phiếu Chính phủ, nguồn từ Dự án NORRED, nguồn tiết kiệm của ngành, Trung tâm đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất khang trang, các khu chức năng là những toà nhà kiên cố, công năng hợp lý phục vụ hiệu quả hoạt động KCB; hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, lò đốt rác được bố trí hợp lý, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trong KCB, cũng như triển khai các kỹ thuật mới. Hệ thống trang thiết bị hiện đại phục vụ cho KCB của Trung tâm cũng được bổ sung, đầu tư mới, như: Giường cấp cứu đa năng, monitor theo dõi sản khoa, máy xét nghiệm sinh hóa 200 test/giờ, máy xét nghiệm huyết học tự động 23 thông số, máy khí dung, hệ thống khí oxy trung tâm cung cấp đến tận các giường bệnh. Đặc biệt, Trung tâm Y tế huyện Ý Yên còn là một trong những đơn vị y tế tuyến huyện đầu tiên của tỉnh, triển khai thành công kỹ thuật chạy thận nhân tạo, qua đó không những giúp nâng cao khả năng khám và điều trị của Trung tâm mà còn giúp bệnh nhân tiết kiệm được chi phí điều trị.

Bác sĩ chuyên khoa I Lê Minh Hiển, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Y tế huyện Ý Yên, cho biết: Ngoài hai yếu tố kể trên thì việc xây dựng và thực hiện các cơ chế chính sách để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động là nhiệm vụ rất quan trọng. Theo đó năm qua, công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động luôn được Trung tâm quan tâm đặc biệt. Bên cạnh việc tạo điều kiện để cán bộ y, bác sĩ có cơ hội học tập, nâng cao tay nghề, bố trí những cán bộ có năng lực, kinh nghiệm vào những vị trí phù hợp để có thể phát huy hết khả năng chuyên môn, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, Trung tâm còn thực hiện kịp thời và đầy đủ các chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động như: tiền lương, tiền trực độc hại, ưu đãi nghề, thai sản...Đi đôi với đó, Trung tâm còn thực hiện nghiêm túc cơ chế dân chủ, minh bạch trong mọi hoạt động từ đó tạo sự tin tưởng giữa công chức, viên chức và người lao động với cán bộ lãnh đạo quản lý, qua đó giúp củng cố tinh thần đoàn kết trong toàn đơn vị, đây là một trong những yếu tố quan trọng để Trung tâm Y tế huyện Ý Yên không ngừng đổi mới và phát triển./

Minh Châu



BỔ NHIỆM CHỨC VỤ PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Chiều ngày 16/5/2019, tại trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT), Bộ KH&ĐT đã tổ chức Lễ công bố quyết định điều động, bổ nhiệm cán bộ của một số đơn vị trực thuộc Bộ. Đồng chí Nguyễn Chí Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ KH&ĐT đã trao quyết định và phát biểu chỉ đạo.

Căn cứ theo Quyết định số 669/QĐ- BKHĐT ngày 14/5/2019 về việc bổ nhiệm công chức, Bộ trưởng Bộ KH&ĐT Nguyễn Chí Dũng đã trao Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Trung Tiến - Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ (Tổng cục Thống kê) giữ chức vụ Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (Bộ KH&ĐT). Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cũng tại buổi lễ, các quyết định điều động, bổ nhiệm: Ông Lương Văn Kết - Vụ trưởng Vụ Kinh tế Công nghiệp giữ chức vụ Chánh thanh tra Bộ; ông Lê Tuấn Anh - phó vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Kinh tế Công nghiệp; bà Nguyễn Thị Thu Lan - Phó Trưởng ban Ban Chiến lược phát triển nhân lực và xã hội (Viện Chiến lược phát triển) làm Chủ tịch Công đoàn; ông Nguyễn Ngọc Hiền chuyên viên phòng Thư ký Văn phòng Bộ giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;



ông Đinh Trọng Thắng - Trưởng ban Ban Nghiên cứu kinh tế ngành và lĩnh vực (Viện nghiên cứu và quản lý Trung ương) giữ chức vụ Phó vụ trưởng Vụ Quản lý quy hoạch đã được công bố.

Phát biểu chỉ đạo tại buổi lễ, thay mặt Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng chúc mừng 6 đồng chí và hy vọng trên cương vị mới, với trọng trách nặng nề hơn, các đồng chí sẽ tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, học tập nâng cao trình độ, bản lĩnh trí tuệ, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

M.T

HỘI THẢO ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG CHO NGÀNH THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2017-2025, TẦM NHÌN 2030

Thực hiện các giai đoạn tiếp theo của Đề án 501 về ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông (CNTT-TT) trong hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 -2025, tầm nhìn 2030, sáng ngày 17/5/2019, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo đề xuất giải pháp phát triển CNTT-TT cho ngành Thống kê giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn 2030. Ông Phạm Quang Vinh và ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng TCTK chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK; một số đơn vị hoạt động trong lĩnh vực CNTT: CMC, Viettel, SFI.

Sau khi nghe đại diện của TCTK trình bày về những yêu cầu xây dựng Đề án CNTT 5 năm (2017 -2025), tầm nhìn 2030 của ngành Thống kê, các đại biểu được nghe đại diện CMC trình bày, đề xuất



giải pháp phát triển CNTT ngành Thống kê; demo về Data lake, EKG và Deep learning.

Hội thảo cũng dành thời gian để các đại biểu tham gia cùng thảo luận và phản biện về những nội dung có liên quan nhằm hoàn thiện các giải pháp phát triển CNTT-TT cho ngành Thống kê giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn 2030./.

TH

KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỘI NHẬP THỐNG KÊ ASEAN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trong những năm qua, Thống kê Việt Nam đã có nhiều bước tiến quan trọng trong quá trình hội nhập với thống kê cộng đồng ASEAN, thể hiện qua việc tham gia tích cực vào quá trình hình thành Hệ thống thống kê cộng đồng ASEAN, chương trình hài hòa hóa số liệu giữa các quốc gia ASEAN trong các lĩnh vực thống kê, thực hiện tốt nghĩa vụ cung cấp số liệu cho Ban Thư ký ASEAN... Để thống kê ngày càng hội nhập sâu rộng vào cộng đồng thống kê ASEAN, ngày 23/7/2015 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2020 (viết gọn là Đề án thống kê ASEAN) tại Quyết định số 1161/QĐ-TTg. Mục tiêu chung của Đề án thống kê ASEAN là đến năm 2020, Thống kê Việt Nam hội nhập toàn diện, đủ năng lực để đáp ứng cơ bản yêu cầu và có sự hài hòa, tương thích với Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN, đưa Thống kê Việt Nam thuộc nhóm các nước có nền thống kê phát triển trong khu vực ASEAN.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2015 về việc phê duyệt Đề án thống kê ASEAN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 871/BKHĐT-TCTK ngày 03 tháng 02 năm 2016 về Kế hoạch thực hiện Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 gửi các Bộ, ngành (sau đây gọi là Kế hoạch Bộ, ngành) để các Bộ, ngành chủ động triển khai thực hiện. Kế hoạch Bộ, ngành được xây dựng và hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Theo nội dung Đề án thống kê ASEAN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các hoạt động của Đề án thống kê ASEAN trong ba năm 2016 - 2018 chủ yếu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cùng với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do đó, kết quả triển khai thực hiện các hoạt động chủ yếu là của ba Bộ, ngành này.

Các hoạt động do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện

Thực hiện Kế hoạch Bộ, ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã triển khai các hoạt động trong ba năm 2016 - 2018 theo bảy nhóm nội dung công việc chính như sau:

(1) Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án ASEAN

Trong năm 2016, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ký Quyết định số 67/QĐ-TCTK ngày 29 tháng 02 năm 2016 ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020 của Tổng cục Thống kê. Đây là văn bản quan trọng giúp ngành Thống kê triển khai một cách có hệ thống và hiệu quả các hoạt động thực hiện Đề án ASEAN.

(2) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý

Bộ Kế hoạch Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiến hành rà soát các quy định của pháp luật về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thống kê. Một trong những văn bản pháp lý quan trọng nhất làm cơ sở cho hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thống kê là Luật thống kê 2015 đã

được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Luật thống kê 2015 được ban hành đặt ra yêu cầu phải xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê thay thế cho các văn bản quy phạm pháp luật ban hành theo Luật thống kê 2003 đã hết hiệu lực thi hành.

Do đó, ngành Thống kê đã xây dựng và ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để triển khai Luật thống kê 2015, như Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thống kê; Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê; Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 ngày 7 tháng 2016 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình



điều tra thống kê quốc gia; Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã; Thông tư số 05/2017/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê. Các văn bản này đều tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn của thống kê Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc tham gia ký kết.

Ngoài ra, Bộ Kế hoạch Đầu tư (Tổng cục Thống kê) tiến hành rà soát, cập nhật Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong năm 2018.

(3) Nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiến hành triển khai nhiều hoạt động trong Kế hoạch thực hiện Đề án thống kê ASEAN nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ. Cụ thể:

- Triển khai các hoạt động liên quan đến việc cập nhật và áp dụng phương pháp luận thống kê Tài khoản quốc gia năm 2008 (SNA 2008) theo khuyến nghị của Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc, gồm biên soạn và xuất bản cuốn sách "Phương pháp biên soạn hệ thống Tài khoản quốc gia năm 2008 ở Việt Nam"; nghiên cứu và hoàn thiện nguồn thông tin để tính toán giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm của một số ngành theo SNA 2008 như hoạt động nghiên cứu và phát triển, hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, hoạt động gia công chế biến; hoàn thiện nguồn thông tin, phương pháp phân bổ FISIM cho các ngành kinh tế theo SNA 2008; nghiên cứu tách hoạt động tái bảo hiểm khỏi hoạt động bảo hiểm chính thức theo SNA 2008; hoàn thiện nguồn thông tin,

phương pháp tính tích lũy tài sản và khấu hao tài sản cố định theo SNA 2008; hoàn thiện các nguồn thông tin và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành lộ trình áp dụng phương pháp thống kê tài khoản quốc gia năm 2008 vào Việt Nam. Ngoài ra, Tổng cục Thống kê còn nghiên cứu lập các tài khoản theo khu vực thể chế như: Tài khoản sản xuất, tài khoản tạo thành thu nhập, tài khoản phân phối thu nhập lần đầu, tài khoản phân phối thu nhập lần hai, tài khoản thu nhập khả dụng.

- Triển khai các hoạt động trong kế hoạch cập nhật và áp dụng phương pháp luận về thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) theo khuyến nghị quốc tế thông qua các báo cáo chuyên đề nghiên cứu phương pháp luận thống kê FDI quốc tế, đánh giá thực trạng thu thập thông tin thống kê FDI tại Việt Nam, tính thử nghiệm số liệu FDI cho Việt Nam theo phương pháp luận quốc tế, từ đó khuyến nghị phương pháp luận thống kê FDI phù hợp với thực tiễn Việt Nam và đề xuất lộ trình áp dụng phương pháp luận thống kê FDI theo chuẩn quốc tế.

- Triển khai các hoạt động trong kế hoạch áp dụng phương pháp luận thống kê về xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ. Cụ thể, đã xây dựng biểu mẫu và quy định nội dung, phạm vi thống kê hàng hóa xuất, nhập khẩu áp dụng đối với Tổng cục Hải quan và được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 về Quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia; thực hiện các chuyên đề nghiên cứu gồm: Phương pháp thu thập, tổng hợp số liệu về dịch vụ gia công, lắp ráp hàng hóa cho nước ngoài của Việt Nam; đề xuất thu thập và tổng hợp số liệu theo phương thức vận tải; nghiên cứu đề xuất phương pháp thống kê giá trị gia tăng đối với hoạt động gia công hàng hóa cho nước ngoài;

phương pháp thu thập và tổng hợp số liệu về hàng chuyển khẩu; Ngoài ra, Tổng cục Thống kê đã hiệu đính bản dịch tiếng Việt cuốn Cẩm nang thống kê thương mại quốc tế về hàng hóa phiên bản 2010 của Liên hợp quốc; phối hợp với Tổng cục Hải quan rà soát số liệu xuất, nhập khẩu hàng hóa theo hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (mã HS) 8 chữ số cung cấp cho Ban Thư ký ASEAN.

Đối với các hoạt động liên quan đến thống kê xuất, nhập khẩu dịch vụ, Tổng cục Thống kê đã nghiên cứu áp dụng phương pháp luận quốc tế và kinh nghiệm các nước trong tổng hợp số liệu xuất, nhập khẩu dịch vụ theo phương thức cung cấp dịch vụ; nghiên cứu Danh mục xuất, nhập khẩu dịch vụ theo Cẩm nang thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ phiên bản 2010 và đề xuất sửa đổi Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam để phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 06/2018/TT-BKHĐT, ngày 11/12/2018 về Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN của Việt Nam, bao gồm: (a) danh mục 103 chỉ tiêu thống kê ASEAN thuộc 16 lĩnh vực; (b) các nội dung chi tiết về khái niệm, phương pháp tính; phân tổ chủ yếu; kỳ công bố, nguồn số liệu; cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp của các chỉ tiêu nói trên. Việc ban hành hệ thống chỉ tiêu ASEAN có ý nghĩa quan trọng khi Thống kê Việt Nam cùng với 9 quốc gia thành viên khác của cộng đồng ASEAN vừa thông qua Hệ thống chỉ tiêu thống kê cộng đồng ASEAN (sửa đổi) tại Kỳ họp lần thứ 8 của Ủy ban Thống kê cộng đồng ASEAN được tổ chức tại Xin-ga-po vào tháng 10 năm 2018. Đây cũng là căn cứ pháp lý để các Bộ, ngành liên quan phối hợp với Tổng cục Thống kê thu thập, biên soạn và cung cấp thông tin thống kê kịp thời theo yêu cầu của Ban Thư ký ASEAN.

(4) Hoàn thiện tổ chức thống kê

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 394/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 3 năm 2016 giao Tổng cục Thống kê là cơ quan đầu mối quốc gia về cung cấp số liệu thống kê cho ASEAN giai đoạn 2016 - 2020.

Trên cơ sở đó, ngày 04 tháng 7 năm 2016, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ban hành Quyết định số 515/QĐ-TCTK giao Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối tại Tổng cục Thống kê về cung cấp số liệu thống kê cho ASEAN giai đoạn 2016 - 2020.

Để đảm bảo Đề án được thực hiện nghiêm túc, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định số 662/QĐ-TCTK ngày 30 tháng 9 năm 2016 về việc thành lập Tổ thường trực thực hiện Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020.

(5) Phát triển nhân lực

Phát triển nhân lực là một trong những giải pháp quan trọng giúp ngành Thống kê Việt Nam hội nhập thành công vào cộng đồng Thống kê ASEAN. Trong ba năm 2016 - 2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tổ chức 16 lớp học với tổng số 435 lượt công chức được đào tạo về kỹ năng nghiệp vụ và ngoại ngữ.

(6) Phổ biến thông tin thống kê ASEAN

Hoạt động phổ biến thông tin thống kê ASEAN được đẩy mạnh, tuân thủ theo Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Tổng cục Thống kê và Lịch phổ biến thông tin thống kê nhà nước. Cụ thể:

- Biên soạn và xuất bản hai ấn phẩm "Hệ thống Thống kê Cộng đồng ASEAN" và "Số liệu kinh tế - xã hội các quốc gia thành viên ASEAN giai đoạn 2000 - 2014" nhằm cung cấp đầy đủ và có hệ thống các thông tin về lịch sử hình thành và phát triển, cơ sở pháp lý và cơ chế hoạt động của Thống kê ASEAN cũng như số liệu kinh tế -

xã hội của các quốc gia thành viên ASEAN cho các cơ quan Chính phủ, Bộ ngành.

- Đẩy mạnh phổ biến thông tin trên Trang Thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê; Tăng cường áp dụng đồ họa thông tin (infographics) trong phổ biến thông tin thống kê nhằm truyền tải nội dung hiệu quả.

- Tiến hành nghiên cứu để áp dụng hình thức phổ biến thông tin thống kê qua phần mềm hình ảnh hóa dữ liệu PowerBI do Cơ quan Thống kê ASEAN đào tạo.

- Triển khai biên soạn dự thảo Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đưa các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN vào cơ chế chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê và các Bộ, ngành sau khi Thông tư số 06/2018/TT-BKHĐT có hiệu lực thi hành.

(7) Hợp tác quốc tế và khu vực

Thực hiện chủ trương tăng cường hợp tác song phương, đa phương và khu vực, chủ động tham gia vào các tổ chức thống kê quốc tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã triển khai nhiều hoạt động hợp tác quốc tế và khu vực. Cụ thể:

- Thực hiện chương trình hợp tác "ASEAN giúp ASEAN", Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiếp nhận 1 đoàn khảo sát của Cơ quan Thống kê Lào và 2 đoàn khảo sát của Cơ quan Thống kê Mi-an-ma đến làm việc và học tập kinh nghiệm về xây dựng Luật thống kê, xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển thống kê quốc gia, Chính sách phổ biến thông tin thống kê, hệ thống chỉ tiêu và chương trình điều tra thống kê quốc gia, triển khai thực hiện hệ thống chỉ tiêu phát triển bền vững, cơ cấu tổ chức thống kê... Năm 2017 và 2018, Tổng cục Thống kê đã tổ chức khóa đào tạo về thống kê cho 34 công chức thống kê nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tại Trường Cao đẳng Thống kê. Bên cạnh đó, Tổng cục

Thống kê cũng cử các chuyên gia sang Cam-pu-chia hỗ trợ tổ chức khóa đào tạo về thu thập dữ liệu, dữ liệu gốc và cách tính GDP cho 60 cán bộ Kế hoạch và Thống kê của 25 tỉnh, thành phố trong khuôn khổ hợp tác giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và Bộ Kế hoạch Cam-pu-chia. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) cũng tổ chức 3 đoàn khảo sát đến các nước thành viên của ASEAN để học tập kinh nghiệm về một số lĩnh vực thống kê chuyên ngành.

- Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thống kê ASEAN tổ chức thành công Hội thảo lần thứ nhất của các nước Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma, Việt Nam và Hội thảo lần thứ 3 của khu vực ASEAN về Thống kê Thương mại quốc tế về dịch vụ (SITS); khóa đào tạo về sử dụng đồ họa Infographics trong phổ biến thông tin thống kê; hội thảo phổ biến hoạt động thống kê của Ủy ban Thống kê cộng đồng ASEAN.

- Biên soạn và cung cấp kịp thời số liệu thống kê cho Cơ quan thống kê ASEAN để xây dựng các ấn phẩm của cộng đồng Thống kê ASEAN như Hệ thống giám sát tiến bộ Cộng đồng ASEAN 2015, Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN, Niên giám thống kê ASEAN.

- Tích cực và tham gia có trách nhiệm vào các Nhóm làm việc, hội thảo, hội nghị do Ban thư ký ASEAN tổ chức. Trong ba năm 2016 - 2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã cử 45 đoàn với 64 lượt công chức, viên chức tham gia vào các hoạt động khác nhau do Ban Thư ký ASEAN tổ chức.

Các nội dung do Bộ Tài chính thực hiện

Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), cơ quan phối hợp chính với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trong việc thực hiện các hoạt động thống kê xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đã triển khai nhiều hoạt động. Cụ thể:

- Xây dựng phần mềm thống kê mới giúp hiện đại hóa các hoạt động thống kê từ thu thập, xử lý số liệu đến phổ biến các sản phẩm đầu ra; tiến hành khảo sát nhu cầu và đánh giá mức độ hài lòng của người sử dụng số liệu; xây dựng các bảng tương quan phục vụ mục đích thống kê và phân tích kinh tế; hoàn chỉnh và đưa hệ thống thống kê hàng hóa xuất, nhập khẩu đi vào hoạt động; nghiên cứu công cụ tính chỉ số đơn giá và lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tốt công bố số liệu thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu theo đúng lịch công bố thông tin thống kê hải quan hàng năm, tuân thủ Quy chế điều chỉnh số liệu đã ban hành, đồng thời tăng cường phổ biến thông tin qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan cho các đối tượng dùng tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) cung cấp số liệu theo yêu cầu của Ban Thư ký ASEAN.

- Tham gia xây dựng Quy chế trao đổi thông tin thống kê giữa Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thông tư quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Tài chính và chế độ báo cáo thống kê Tài chính, các văn bản quy phạm pháp luật khác về thống kê.

- Tổ chức 2 lớp đào tạo tại Đà Nẵng và Quảng Ninh nhằm nâng cao năng lực thống kê cho các công chức làm công tác thống kê trong năm 2017; 01 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 70 công chức hải quan làm thống kê ở các địa phương Tổng cục Hải quan trong năm 2018.

- Đăng cai tổ chức Hội thảo khu vực về thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu và Kỳ họp lần 2 của Nhóm làm việc ASEAN về thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu và tiếp nhận một đoàn nghiên cứu khảo sát về thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu cho các nước thành viên ASEAN gồm Campuchia, Lào

và Mi-an-ma trong năm 2016; hỗ trợ có hiệu quả các cơ quan chính phủ Lào (Cơ quan Hải quan Lào, Bộ Công Thương Lào, Cơ quan Thống kê Lào và Ngân hàng quốc gia Lào) thực hiện thống kê hàng hóa xuất, nhập khẩu; tiến hành các hoạt động hợp tác song phương như phối hợp với Hải quan Thụy Sĩ trong lĩnh vực thống kê hải quan, duy trì việc trao đổi số liệu song phương theo các thỏa thuận đã ký kết với cơ quan Hải quan các quốc gia Liên bang Nga, Ucraina và Lào.

- Tích cực tham gia các hoạt động thống kê trong khu vực ASEAN do Ban Thư ký ASEAN tổ chức như: Phiên họp hàng năm của Nhóm công tác ASEAN về Thống kê hàng hóa xuất nhập khẩu, các hoạt động của Dự án tăng cường năng lực thống kê EU-ASEAN (COMPASS) cũng như các sáng kiến, hoạt động khác có liên quan; rút ngắn thời gian cung cấp số liệu xuất nhập khẩu của Việt Nam cho Ban Thư ký ASEAN (60 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo).

Các nội dung do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan phối hợp chính với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trong việc thực hiện các hoạt động thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài và thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ. Cụ thể:

- Chủ động tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) trong việc cập nhật phương pháp luận thống kê FDI theo đúng chuẩn mực quốc tế (BPM6).

- Hoàn thành cuộc điều tra toàn bộ kết hợp với chọn mẫu về FDI vào Việt Nam năm 2015. Từ cuộc điều tra này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã biên soạn bộ số liệu FDI vào Việt Nam năm 2015 với đầy đủ các hợp phần, tuân thủ các khuyến nghị của Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế.

Trong năm 2018, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã phối hợp

chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Đầu tư nước ngoài) tổng hợp số liệu FDI phục vụ việc lập cân cân thanh toán quốc tế; phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) nghiên cứu khả năng khai thác, tổng hợp số liệu về lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp FDI từ cơ sở dữ liệu thuế nhằm ước tính đầy đủ hơn cấu phần chi trả thu nhập đầu tư và lợi nhuận tái đầu tư của khu vực FDI, giúp nâng cao chất lượng thống kê FDI mà không làm tăng gánh nặng báo cáo đối với doanh nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng phối hợp tốt với Tổng cục Thống kê trong việc nghiên cứu áp dụng phương pháp luận thống kê thương mại dịch vụ theo hướng dẫn quốc tế (SITS 2010). Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã căn cứ vào kết quả Tổng điều tra kinh tế 2017 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện để đề xuất điều chỉnh số liệu hạng mục hàng hóa và hạng mục dịch vụ theo đúng hướng dẫn của Quỹ Tiền tệ quốc tế tại cuốn Hướng dẫn thống kê cân cân thanh toán phiên bản 6 (BPM6). Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì thu thập và cung cấp cho Tổng cục Thống kê số liệu dịch vụ ngân hàng, tài chính, các khoản chi trả phí học tập, chữa bệnh của người cư trú Việt Nam tại nước ngoài, chỉ tiêu qua thẻ tín dụng quốc tế... để biên soạn số liệu xuất, nhập khẩu dịch vụ theo SITS 2010.

Tham gia tích cực vào Nhóm công tác của ASEAN về Thống kê thương mại dịch vụ quốc tế (WGSITS) và Nhóm công tác về Thống kê đầu tư quốc tế (WGIIIS). Định kỳ hàng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp số liệu FDI cho Ban Thư ký ASEAN theo đúng các mẫu biểu yêu cầu.

Trong thời gian tới kế hoạch triển khai Đề án thống kê ASEAN tập trung vào một số nội dung chính sau:

- Phổ biến Thông tư số 06/2018/TT-BKHĐT ngày 11/12/2018 về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN. Trên cơ sở Thông tư số 06/2018/TT-BKHĐT, các Bộ, ngành bổ sung các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN vào Hệ thống chỉ tiêu thống kê do Bộ, ngành chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp cũng như xây dựng, hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin đầu vào cho việc biên soạn, công bố các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê ASEAN;

- Sửa đổi, bổ sung nội dung, cơ chế cung cấp và chia sẻ thông tin giữa Tổng cục Thống kê và các Bộ, ngành theo hướng bổ sung nội dung, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê cung cấp cho ASEAN.

- Nghiên cứu, cập nhật các nội dung mới và áp dụng vào các lĩnh vực thống kê: tài khoản quốc gia, đầu tư nước ngoài, thương mại quốc tế về hàng hóa và dịch vụ.

- Tăng cường công tác phổ biến thông tin thống kê ASEAN thông qua việc đa dạng hóa hình thức phổ biến, nâng cao chất lượng các sản phẩm thống kê và đẩy mạnh phổ biến số liệu thống kê ASEAN trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phân bổ đều trong các tháng của năm nhằm tăng cường đào tạo nghiệp vụ và ngoại ngữ cho đội ngũ công chức thống kê thực hiện nhiệm vụ hội nhập thống kê ASEAN.

- Về hợp tác quốc tế, tiếp tục duy trì tốt quan hệ hợp tác song phương, đa phương và khu vực trong lĩnh vực thống kê, đặc biệt mở rộng hơn nữa hợp tác với các quốc gia có hệ thống thống kê phát triển trong khu vực. Tiếp tục thực hiện chương trình hợp tác “ASEAN giúp ASEAN”, góp phần nâng cao vị thế của thống kê Việt Nam trong khối ASEAN; Làm tốt công tác cung cấp số liệu cho Ban Thư ký ASEAN; Triển khai các hoạt động chuẩn bị đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN về thống kê của Việt Nam trong năm 2020.

Để thực hiện được các nội dung trên, một số giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới là:

- Tập trung nguồn lực tiếp tục rà soát và nghiên cứu tài liệu, phương pháp luận thống kê của Liên hợp quốc làm cơ sở cập nhật và hoàn thiện phương pháp luận thống kê tài khoản quốc gia, thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài, thống kê thương mại quốc tế về hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam.

- Tăng cường phối hợp giữa các đơn vị nghiệp vụ, đơn vị chức năng trong Tổng cục Thống kê và các Bộ, ngành trong việc thực hiện các hoạt động của Đề án thống kê ASEAN.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu, tập trung vào nội dung phân tích và dự báo thống kê cũng như tổ chức các lớp ngoại ngữ.

- Các Bộ, ngành chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Đề án thống kê ASEAN hàng năm, gửi Bộ Tài chính phê duyệt để đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm thành công cho Đề án./.

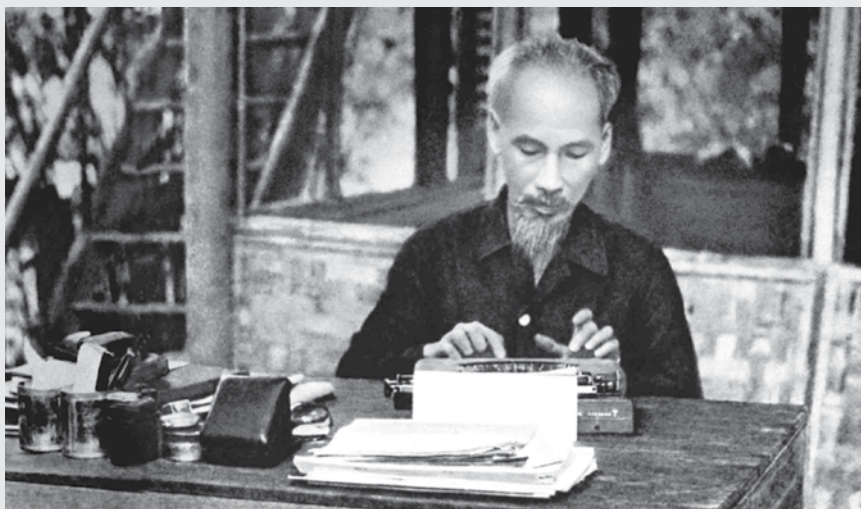
Chu tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại, nhà cách mạng thiên tài và là người đặt nền móng khai sinh cho nền Báo chí cách mạng Việt Nam. Là người am hiểu tinh hoa văn hóa đông tây, kim cổ và sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, trong quá trình đấu tranh, giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò, sức mạnh to lớn của báo chí và coi đó là “công cụ” quan trọng góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng và trong việc nâng cao dân đức, dân trí.

Cuối năm 1917, khi trở lại Pháp, Bác Hồ bắt đầu sự nghiệp viết báo của mình. Từ những mẫu tin, bài, tư liệu tản mạn có chủ đề nhỏ, Bác viết thành các bài có chủ đề lớn, tập trung. Bài báo đầu tiên của Bác có nhan đề “Quyền các dân tộc” với bút danh Nguyễn Ái Quốc, đăng báo Nhân Đạo, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, ra ngày 18/6/1919. Những bài viết của Bác đăng trên báo cánh tả (là các báo ngân quỹ ít ỏi) hầu như không có nhuận bút, nhưng lại mang ý nghĩa tinh thần rất lớn. Năm 1921, với tên Nguyễn Ái Quốc, Bác cùng một số chính khách thành lập Hội Liên hiệp Thuộc địa và năm 1922 lập ra báo *Le Paria (Người cùng khổ)* là cơ quan ngôn luận của Hội. *Le Paria* thể hiện tinh thần đoàn kết và giải phóng con người, số đầu xuất bản ngày 1/4/1922. Nguyễn Ái Quốc trở thành nòng cốt của tờ báo: Vừa là biên tập viên chính, vừa là phóng viên, nhiếp ảnh viên kiêm việc tổ chức, quản lý, phát hành và Bác đã viết tới 38 bài cho tờ báo này. Tháng 11/1924, Bác được Quốc tế Cộng sản phân công về Quảng Châu (Trung Quốc), tổ chức huấn luyện cán bộ cách mạng, thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, với báo *Thanh niên* là cơ quan ngôn luận. Tại đây, Bác trực tiếp chỉ đạo, biên tập, trình bày, viết nhiều bài chính luận sắc bén và chuyển báo về nước bằng đường thủy để phục vụ công tác tuyên truyền cách mạng cho nhân dân. Tháng 12/1926, Bác lập ra báo *Công nông* cho giai cấp công nhân và nông dân nước ta. Tháng 1/1927, báo *Lính gác mệnh* (tiền thân của báo *Quân đội nhân dân* ngày nay) dành cho đội ngũ chiến sĩ cách mạng cũng được Bác sáng lập. Các báo này xuất bản chủ yếu bằng tiếng Việt, nhưng còn có cả một số tin, bài bằng tiếng Hán, Pháp, Anh..., hình thức mới mẻ mà gần gũi, nội dung phong phú nhưng luôn bám sát các chủ trương, mục tiêu cách mạng.

Từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930, tại Hồng Kông, Bác trực tiếp tổ chức, chỉ đạo Hội nghị thống nhất các đảng phái, phong trào cộng sản ở Việt Nam để thành lập một đảng mới với tên

SỰ NGHIỆP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ CÁCH MẠNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Đảng Cộng sản Việt Nam, quyết định định bản những tờ báo riêng rẽ của các tổ chức đảng trước đây, để tập trung xuất bản báo *Tranh đấu* và tạp chí *Đỏ*, những số đầu phát hành vào tháng 8/1930. Trong thời kỳ này, với nhiều bút danh khác nhau, Bác còn cộng tác với các báo tiến bộ trong nước, đồng thời viết hàng loạt bài cho những tờ báo cách mạng nổi tiếng thế giới: *L' Humanité* (Nhân đạo) của Đảng Cộng sản Pháp, *La Vie d'Ouvriers* (Đời sống thợ thuyền) của Liên đoàn Lao động Pháp, *Mezdunarodnaia Telegramma* (Điện tín Quốc tế) của Quốc tế Cộng sản III, *Pravda* (Sự thật) của Đảng Cộng sản Liên Xô... Tháng 1/1941 Bác về nước, chỉ đạo Hội nghị Trung ương 8 thành lập Mặt trận Việt Minh, cho ra tờ báo *Việt Nam độc lập* từ năm 1941 và báo *Cứu quốc* từ năm 1942. Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II tháng 2/1951, Bác chỉ đạo thành lập báo *Nhân dân* - cơ quan ngôn luận của Đảng. Ngoài sáng lập, tổ chức hoạt động, Bác là cộng tác viên nhiệt tình của nhiều tờ báo lớn. Chỉ riêng với báo *Nhân dân*, từ số 1 ngày 11/3/1951 đến số 5526 ngày 1/6/1969, Bác đã gửi tới và được đăng 1.206 bài viết với 23 bút danh khác nhau. Bài báo cuối cùng của Bác là bài "Thư trả lời Tổng thống Mỹ", đăng báo *Nhân Dân* ngày 25/8/1969, tức là trước một tuần ngày Bác đi xa. Có tài liệu cho rằng: Bài báo cuối cùng của Bác là bài "Nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng", ký tên CB, đăng báo Nhân Dân, số ra ngày 1/6/1969.



Để chỉ đạo báo chí cách mạng trong nước, Bác đã chỉ ra những nhiệm vụ vừa khái quát, vừa cụ thể của các nhà báo, đồng thời đề cao tính trung thực - một đặc trưng quan trọng hàng đầu của báo chí, và đây cũng là sự mở rộng luận điểm nổi tiếng của Bác về báo chí cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Viết để nêu những cái hay, cái tốt của dân ta, của bộ đội ta, của cán bộ ta, của bạn ta. Đồng thời để phê bình những khuyết điểm của chúng ta, của cán bộ, của nhân dân, của bộ đội. Không nên chỉ viết cái tốt mà giấu cái xấu. Nhưng phê bình phải đúng đắn. Nêu cái hay, cái tốt thì phải có chừng mực, chớ phóng đại. Có thể nào, nói thế ấy". Nói cách khác, Bác phê phán hai khuynh hướng "tô hồng" và "bôi đen" của báo chí nói chung và khẳng định báo chí cách mạng phải phản ánh trung thực hiện thực khách quan - với mục đích: "Để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Để phục vụ quần chúng".

Trong sự nghiệp 50 năm viết báo cách mạng, Bác Hồ đã có trên 2 nghìn bài báo thuộc các thể loại, viết cho hơn 50 tờ báo và tạp chí ở trong và ngoài nước, bằng nhiều thứ tiếng, với trên 50 bút danh hiện có tài liệu cho biết: Bác Hồ dùng tới trên 100 bút danh. Những bài báo của Bác thể hiện tư tưởng cách mạng, yêu nước thương dân và đạo đức cao cả, với ngôn ngữ giản dị, bình dân, với phong cách đa dạng và hấp dẫn, có sức lay động trái tim và khối óc của hàng trăm triệu người trên toàn thế giới, thôi thúc họ đứng lên làm cách mạng và tiến tới những giá trị cao đẹp Chân - Thiện - Mỹ. Với 60 năm hoạt động cách mạng cứu nước, cứu dân, Bác Hồ đã dùng báo chí như một vũ khí sắc bén để đấu tranh với các loại kẻ thù của dân tộc, đồng thời tuyên truyền, động viên, giác ngộ nhân dân làm cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng Xã hội chủ nghĩa./.

P.V (tổng hợp)



TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

5 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 5/2019 gặp khó khăn. Dịch tả lợn châu Phi diễn biến khá phức tạp, tiếp tục lây lan trên diện rộng. Sản lượng lúa đồng xuân ước tính giảm 45 nghìn tấn so với vụ đông xuân năm trước.

Vụ lúa đông xuân năm nay cả nước gieo cấy được 3.123,4 nghìn ha, bằng 100,7% cùng kỳ năm trước, trong đó các địa phương phía Bắc đạt 1.116,7 nghìn ha, bằng 99% (giảm 10,9 nghìn ha) do một số địa phương chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang sử dụng cho mục đích khác; các địa phương phía Nam đạt 2.006,7 nghìn ha, bằng 101,6%.

Năng suất lúa đông xuân của các địa phương phía Bắc ước tính đạt 63,8 tạ/ha, giảm 0,3 tạ/ha so với vụ đông xuân trước; sản lượng ước tính đạt 7,1 triệu tấn, giảm 103,4 nghìn tấn.

Ước tính năng suất lúa đông xuân của các địa phương phía Nam năm nay đạt 66,9 tạ/ha, giảm 0,8 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước; sản lượng đạt 13,4 triệu tấn, tăng 58,8 nghìn tấn.

b) Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng tập trung 5 tháng đầu năm ước tính đạt 85,9 nghìn ha, giảm 6,9% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 28,1 triệu cây,

giảm 3,2%; sản lượng gỗ khai thác đạt 5.370 nghìn m³, tăng 4,5%; sản lượng củi khai thác đạt 7,3 triệu ste, giảm 1,7%.

5 tháng đầu năm, diện tích rừng bị thiệt hại là 496,7 ha, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 290,4 ha, tăng 49%; diện tích rừng bị chặt phá là 206,3 ha, tăng 0,2%.

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm ước tính đạt 3.004,5 nghìn tấn, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 1.496,7 nghìn tấn, tăng 7%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 1.507,8 nghìn tấn, tăng 5,4% (sản lượng khai thác biển đạt 1.441,3 nghìn tấn, tăng 5,5%).

2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2019 đạt mức tăng khá nhờ kết quả sản xuất tích cực trong tháng Năm của ngành chế biến, chế tạo; ngành sản xuất, phân phối điện và cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, IIP ước tính tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 10,3% của cùng kỳ năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng 7,4% và 6,6% của cùng kỳ năm 2016 và năm 2017. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,9% (cùng kỳ năm trước tăng 12,1%), đóng góp 8,4 điểm phần trăm vào mức tăng

chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,3%, đóng góp 0,9 điểm phần trăm; ...

Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/5/2019 tăng 1,4% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 2,2% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,9%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 1,3%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 3,1%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp¹

Làn sóng khởi nghiệp tiếp tục là kênh huy động nguồn vốn cho nền kinh tế. Trong 5 tháng đầu năm 2019 có gần 54 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, số lượng doanh nghiệp đăng ký cao nhất trong 5 năm qua. Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới là 669,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% về số doanh nghiệp và tăng 29,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 12,4 tỷ đồng, tăng 25,6%². Nếu tính chung cả

1 Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới 5 tháng các năm 2015-2019 lần lượt là: 36.055 DN; 44.740 DN; 50.534 DN; 52.322 DN; 53.998 DN.

2 5 tháng năm 2018, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước; số vốn đăng ký tăng 6,4%; vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp tăng 2,8%.

vốn đăng ký mới và vốn đăng ký tăng thêm, trong 5 tháng đầu năm nay ước tính các doanh nghiệp bổ sung vốn đăng ký cho nền kinh tế gần 1,7 triệu tỷ đồng.

Bên cạnh đó, còn có 19,6 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 48,1% so với cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 5 tháng lên hơn 73,6 nghìn doanh nghiệp.

Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 5 tháng đầu năm nay là 537,2 nghìn người, tăng 30,2% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong 5 tháng đầu năm nay là 19,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong 5 tháng đầu năm nay còn có 19.354 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể; Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 5 tháng đầu năm 2019 là 6.371 doanh nghiệp, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước.

4. Đầu tư

Tình hình thực hiện vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng Năm và 5 tháng đầu năm 2019 chưa cải thiện nhiều, đạt mức tăng thấp nhất trong các năm giai đoạn 2016-2019³. Trong khi đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục khởi sắc với mức kỷ lục về cả số dự án và vốn đăng ký cấp mới. Tính đến thời điểm 20/5/2019, số dự án cấp mới là 1.363 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 6,5 tỷ USD, tăng 26,7% về số dự án và tăng 38,7%

về vốn đăng ký so cùng kỳ năm 2018, cao nhất trong vòng 3 năm trở lại đây⁴. Bên cạnh đó có 505 dự án đã cấp phép từ năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 2.628,8 triệu USD, tăng 5,5% so cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 5 tháng đầu năm đạt 9.086,7 triệu USD, tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2018. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 5 tháng ước tính đạt 7,3 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 5 tháng còn có 3.160 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 7,65 tỷ USD, gấp 2,8 lần so với cùng kỳ năm 2018.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 5 tháng năm nay có 55 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là 98,3 triệu USD; 14 dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 84,8 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) 5 tháng năm 2019 đạt 183,1 triệu USD.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/5/2019 ước tính đạt 553,5 nghìn tỷ đồng, bằng 39,2% dự toán năm, trong đó thu nội địa 447,6 nghìn tỷ đồng, bằng 38,1%; thu từ dầu thô 21,8 nghìn tỷ đồng, bằng 48,9%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 83,3 nghìn tỷ đồng, bằng 44%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/5/2019 ước tính đạt 486,9 nghìn tỷ đồng, bằng 29,8% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 358,2

nghìn tỷ đồng, bằng 35,8%; chi đầu tư phát triển 82,5 nghìn tỷ đồng, bằng 19,2%; chi trả nợ lãi 43,9 nghìn tỷ đồng, bằng 35,2%.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.983,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,6% (cùng kỳ năm 2018 tăng 8,5%).

b) Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 5 tháng đầu năm 2019 ước tính đạt 202,02 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 100,74 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều mức tăng 19% và 17,5% của 5 tháng đầu năm 2017 và 2018.

Xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước đạt 30,33 tỷ USD, tăng 11,6%, chiếm 30,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 70,41 tỷ USD, tăng 4,7%, chiếm 69,9% (tỷ trọng giảm 1,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước).

Đáng chú ý là xuất khẩu một số mặt hàng nông sản như gạo, cà phê, hạt điều, hạt tiêu trong 5 tháng đầu năm tiếp tục giảm về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Trong 5 tháng có 19 mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 84,4% tổng kim ngạch xuất khẩu.

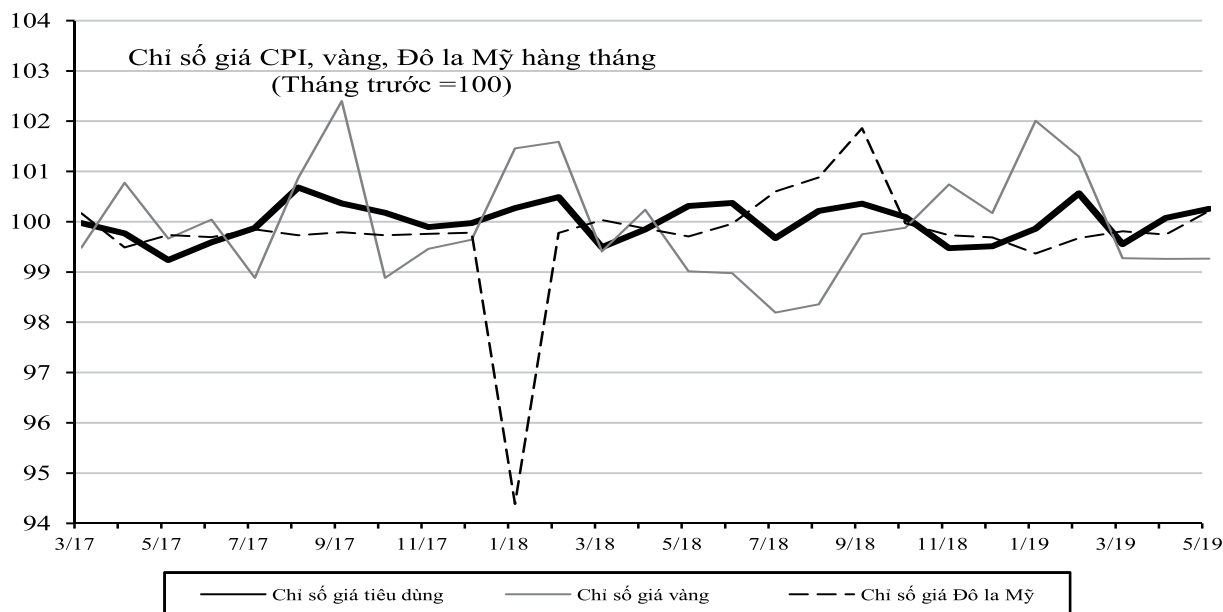
Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 101,28 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 43,61 tỷ USD, tăng 15,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 57,67 tỷ USD, tăng 6,9%.

(Xem tiếp trang 42)

3 Tốc độ tăng vốn đầu tư từ nguồn NSNN tháng Năm so với cùng kỳ năm trước: năm 2016 là 13,1%; năm 2017 là 8,8%; năm 2018 là 8%; năm 2019 là 1,4%. Tốc độ tăng vốn đầu tư từ nguồn NSNN 5 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước: năm 2016 là 12,1%; năm 2017 là 5,5%; năm 2018 là 9,3%; năm 2019 là 3,1%.

4 Số dự án cấp mới 5 tháng các năm 2017-2019 lần lượt là: 939 dự án; 1.076 dự án; 1.363 dự án. Vốn đăng ký cấp mới 5 tháng các năm 2017-2019 lần lượt là: 5,6 tỷ USD; 4,7 tỷ USD; 6,5 tỷ USD.

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ THÁNG 5 NĂM 2019



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 5 NĂM 2019 SO VỚI				5 tháng đầu năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018
	Kỳ gốc năm 2014	Tháng 5 năm 2018	Tháng 12 năm 2018	Tháng 4 năm 2019	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	112,95	103,15	101,72	100,55	102,86
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,33	103,56	100,71	100,09	104,59
1- Lương thực	106,33	99,25	99,84	99,54	100,43
2- Thực phẩm	109,10	104,33	100,57	100,17	105,46
3- Ăn uống ngoài gia đình	114,18	103,60	101,25	100,10	104,38
II. Đồ uống và thuốc lá	109,01	102,18	101,40	100,23	101,98
III. May mặc, mũ nón, giày dép	105,74	101,81	100,50	100,14	101,76
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	113,71	104,53	103,92	101,30	102,84
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,06	101,71	100,98	100,16	101,86
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	182,16	99,52	100,04	99,96	100,19
Trong đó: Dịch vụ y tế	220,22	98,87	99,92	99,92	99,68
VII. Giao thông	95,46	102,35	106,13	102,59	98,80
VIII. Bưu chính viễn thông	95,52	99,02	99,59	99,94	98,90
IX. Giáo dục	136,74	106,69	99,42	100,04	106,83
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	140,85	107,36	99,17	100,00	107,60
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	107,85	102,75	101,35	100,16	102,66
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	114,28	102,39	101,08	100,05	102,24
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	108,78	98,98	102,27	99,50	99,48
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	108,87	102,41	99,99	100,45	102,18

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng

TÍN NHIỆM QUỐC GIA NÂNG HẠNG ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CHO NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

ThS. Trần Thị Anh- ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Hệ số tín nhiệm quốc gia là chỉ số phản ánh tổng thể diễn biến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, đánh giá về khả năng tài chính cũng như khả năng hoàn trả các khoản nợ của một quốc gia. Chỉ trong vòng 1 năm qua, cả ba cơ quan xếp hạng tín dụng lớn và uy tín nhất thế giới là Fitch Ratings, Moody's và Standard & Poor's đồng loạt nâng hạng tín nhiệm quốc gia cho Việt Nam, cho thấy nền kinh tế vĩ mô nước ta ngày càng ổn định, uy tín quốc gia được nâng lên đáng kể trên trường quốc tế.

Đầu tiên là vào tháng 5/2018, hãng Fitch Ratings đã thăng hạng tín nhiệm cho Việt Nam từ mức xếp hạng "BB-" (mức xếp hạng của tháng 11/2014) lên mức «BB» với triển vọng «ổn định». Cơ sở quan trọng để tổ chức này nâng xếp hạng cho Việt Nam là việc Chính phủ xây dựng chính sách hướng đến mục tiêu ổn định vĩ mô, bao gồm cả tỷ giá linh hoạt và gia tăng tập trung vào ổn định lạm phát, qua đó giúp thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Với thứ hạng này, Fitch Ratings nhận định Việt Nam sẽ nằm trong số những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực châu Á – Thái Bình Dương cũng như sẽ tăng trưởng nhanh nhất trong những quốc gia đồng hạng «BB». Mặc dù vậy, Fitch

Ratings đánh giá hệ thống ngân hàng của Việt Nam còn tồn tại một số hạn chế, đồng thời đưa ra cảnh báo Việt Nam không nên "hy sinh" sự ổn định vĩ mô để đổi lấy tốc độ tăng trưởng cao nếu muốn trở thành một nền kinh tế được xếp hạng mức "nên đầu tư".

Tiếp sau Fitch Ratings, tháng 8/2018, một hãng xếp hạng tín nhiệm lớn khác là Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia cho Việt Nam từ mức "B1" lên "Ba3" với triển vọng thay đổi từ "ổn định" lên "tích cực". Ngoài ra, hãng này cũng nâng trần tín nhiệm với trái phiếu dài hạn phát hành bằng ngoại tệ của Việt Nam từ Ba2 lên Ba1; mức tín nhiệm tối đa với tiền gửi ngoại tệ dài hạn được nâng từ B2 lên B1. Kết quả này phản ánh tiềm năng tăng trưởng mạnh của nền kinh tế nước ta nhờ việc sử dụng

lao động và nguồn vốn trong nền kinh tế ngày càng hợp lý hơn; nợ Chính phủ giảm dần nhờ kỳ hạn trái phiếu dài và giảm phụ thuộc vào nợ bằng ngoại tệ; "sức khỏe" của hệ thống ngân hàng cải thiện và được kỳ vọng duy trì.

Theo đánh giá của Moody's, sức mạnh kinh tế của Việt Nam là kết quả của sự kết hợp giữa tăng trưởng mạnh và sức cạnh tranh cao, thể hiện ở nền kinh tế đang chuyển hướng sang các lĩnh vực giá trị gia tăng cao. Với tăng trưởng GDP trung bình trên 6% trong thập kỷ qua, Việt Nam đã vươn lên trong chuỗi giá trị sản xuất chỉ trong thời gian ngắn, giành lấy sự cạnh tranh trong lĩnh vực lắp ráp các sản phẩm điện tử có giá trị gia tăng cao hơn (đơn cử là sản phẩm điện thoại thông minh) mà vẫn giữ lợi thế so sánh trong những mặt hàng cần nhiều lao động như dệt may, giày dép. Dựa vào những yếu tố trên, Moody's dự báo tăng trưởng GDP bình quân của nước ta giai đoạn 2018 – 2022 là khoảng 6,4% và cho biết có thể nâng hạng cho Việt Nam nếu các chính sách tài khóa tiếp tục hỗ trợ giảm thâm hụt và giảm đáng kể nợ Chính phủ, "sức khỏe" của hệ thống ngân hàng tiếp tục được cải thiện bền vững bên cạnh việc tăng cường sức mạnh của thể chế.

Còn mới đây nhất vào tháng 4/2019, Standard & Poor's (S&P) quyết định nâng hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn cho Việt Nam từ mức "BB-" lên mức "BB" với triển vọng "ổn định". Đồng thời, xếp hạng tín nhiệm ngắn hạn cho Việt Nam ở mức "B". Đây là lần đầu tiên tổ chức này cải thiện xếp hạng tín nhiệm cho Việt Nam kể từ tháng 12/2010. Triển vọng "ổn định" cho thấy S&P kỳ vọng nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đà mở rộng nhanh chóng với những cải thiện khá chuẩn mực trong thiết lập, hoạch định chính sách, củng cố việc nâng hạng tín nhiệm. Các chuyên gia kinh tế thế giới cho rằng việc S&P nâng hạng chỉ số tín nhiệm quốc gia cho Việt Nam là một sự công nhận xứng đáng đối với nỗ lực quản lý kinh tế vĩ mô được cải thiện của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong những năm qua.

Trong Báo cáo xếp hạng tín nhiệm của S&P, việc nâng hạng tín nhiệm quốc gia cho Việt Nam được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích hai yếu tố là đặc điểm thể chế, kinh tế quốc gia và tính linh hoạt, hiệu quả, được đánh giá dựa vào 3 nhân tố tích cực chính: (1) Tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định; (2) Chính sách tiền tệ tài khoá tốt hơn trước; (3) Môi trường kinh doanh thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn.

Trong đó, S&P đặc biệt đánh giá cao công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ Việt Nam với những nỗ lực cải cách rõ rệt của hệ thống chính trị nói chung và của Chính phủ nói riêng với tinh thần cầu thị vì một Chính phủ kiến tạo và phục vụ. Các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ Việt Nam trong những năm gần đây đã đưa ra nhiều định hướng chính sách rõ ràng, giúp cải thiện sự ổn định

kinh tế vĩ mô và kiểm chế lạm phát hiệu quả. Ngoài ra, theo S&P, việc Việt Nam tăng cường ký các hiệp định thương mại tự do, trong đó có việc gia nhập Hiệp định thương mại CPTPP cuối năm 2018, đã giúp nâng cao tính cạnh tranh thương mại, đẩy mạnh cải cách về môi trường pháp lý và sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nước ta trong những năm tiếp theo. Đây là những thành tựu đáng ghi nhận kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu diễn ra vào đầu thập kỷ này và hệ thống ngân hàng trong nước gặp nhiều khó khăn.

Những cải cách quyết liệt của Chính phủ đã góp phần củng cố vững vị thế của Việt Nam là một điểm đến đầu tư hấp dẫn và thân thiện, đồng thời hỗ trợ hiệu quả hoạt động của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài FDI cũng như các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến, chế tạo phục vụ xuất khẩu (điện tử, điện thoại, dệt may). Sự tăng trưởng mạnh mẽ của khu vực FDI trong những năm qua cũng đã kéo theo sự tăng trưởng nhanh chóng các hoạt động kinh tế trong nước. Cùng với đó, sự tăng trưởng của hoạt động xuất khẩu cùng với sự gia tăng đáng kể cầu nội địa đã giúp tăng trưởng GDP bình quân đầu người thực tế cao hơn mức dự báo trung bình cho cả giai đoạn. Với những tín hiệu khả quan trên, S&P dự báo tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người của nước ta sẽ đạt 5,7%/năm từ nay đến năm 2022, cao hơn mức bình quân của các nước có mức thu nhập tương đồng. S&P cũng cho rằng Việt Nam tuy là quốc gia có thu nhập nằm trong nhóm trung bình thấp nhưng có nền kinh tế tăng trưởng nhanh và cơ cấu kinh tế đa dạng. S&P tin tưởng những kết quả tích cực này sẽ tiếp tục

S&P nâng hạng tín nhiệm của Việt Nam sau 9 năm

STANDARD & POOR'S

từ mức "BB-" lên mức "BB", với triển vọng ổn định

Việc nâng hạng được S&P căn cứ trên nhiều yếu tố, trong đó có việc thể chế của Việt Nam đang liên tục được cải thiện, giúp nền kinh tế đạt được những kết quả ấn tượng.

MỘT SỐ CĂN CỨ



Nguồn: Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Standard & Poors (S&P)

được cải thiện trong thời gian tới, hỗ trợ tích cực cho hồ sơ tín nhiệm quốc gia của Việt Nam.

Báo cáo của S&P cũng đánh giá tích cực các chỉ tiêu kinh tế đối ngoại của Việt Nam: Đồng tiền VND được ổn định nhờ vào lạm phát tương đối thấp; Cán cân vãng lai được dự báo tiếp tục thặng dư từ nay cho đến năm 2022 là nền tảng giúp Việt Nam tiếp tục ổn định tỷ giá trong thời gian tới. Đây là yếu tố để S&P đánh giá về tính chuyển đổi của đồng VND, nâng hạng từ "BB-" lên "BB". S&P cũng ghi nhận nợ nước ngoài, nhất là nợ Chính phủ Việt Nam được cải thiện đáng kể, việc sử dụng các công cụ mang tính thị trường trong thực thi chính sách tiền tệ đã thực sự phát huy hiệu quả duy trì lạm phát ở mức thấp trong những năm gần đây. Vị thế dư nợ đối ngoại quốc gia (được tính bằng thước đo nợ nước ngoài ròng hẹp) được kỳ vọng ở mức trung bình 9,4% tính cho cả giai đoạn 2018-2021. Tuy trong thời gian tới khả năng Việt Nam tiếp cận nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài sẽ giảm dần, song theo S&P, yếu tố này sẽ không gây ra áp lực cho lĩnh vực tài chính đối ngoại của Việt Nam.

Liên quan đến hoạt động ngân hàng, S&P cho rằng quy mô dư nợ tín dụng so với GDP là tương đối lớn so với các quốc gia khác. Tuy nhiên, cùng với việc Ngân hàng Nhà nước kiểm soát chặt chẽ dòng vốn tín dụng thì tín dụng của hệ thống ngân hàng đã tăng trưởng chậm lại đáng kể trong năm 2018, đồng thời xu thế này nhiều khả năng tiếp tục được duy trì trong những năm tới, góp phần tích cực trong việc củng cố sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó,

S&P cũng đánh giá cao tầm quan trọng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc hiệu chỉnh chính sách tiền tệ cho phù hợp với chính sách tài khóa và những chính sách kinh tế phát triển khác nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững.

Một yếu tố khác củng cố cho việc nâng hạng tín nhiệm là môi trường kinh doanh của Việt Nam được cải thiện vượt bậc trong những năm gần đây với vị trí xếp hạng đạt ở mức 69/190 quốc gia được xếp hạng năm 2018, cải thiện 30 bậc chỉ trong 06 năm (so với vị trí xếp hạng thứ 99 của năm 2012). Nhờ đó môi trường kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ, đồng thời giúp việc thu hút các luồng vốn vào qua đầu tư trực tiếp (FDI), đầu tư gián tiếp (FII) ngày một hiệu quả hơn.

Có thể thấy, việc S&P nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia cho Việt Nam sau 9 năm đã khẳng định những chuyển biến tích cực của nền kinh tế vĩ mô nước ta. Điều này sẽ tạo nên một số hiệu ứng tích cực cho nền kinh tế, như làm giảm chi phí vay nợ nước ngoài cho quốc gia cũng như làm giảm chi phí vốn nói chung cho thị trường vốn trong nước. Các doanh nghiệp cũng được hưởng lợi khi họ có thể tiếp cận với thị trường vốn trong và ngoài nước với chi phí thấp hơn. Với các ngân hàng thương mại, do chi phí tái cấp vốn sẽ giảm nên việc củng cố và cải thiện cơ sở vốn sẽ thuận lợi hơn, góp phần tăng cường "sức khỏe" của hệ thống ngân hàng...

Tín nhiệm quốc gia được các nhà đầu tư xem xét như một yếu tố để xác định mức độ rủi ro và khả năng sinh lời trước khi có quyết định đầu tư vào quốc gia đó. Do đó, việc tăng mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam

được xem như một chất xúc tác kỳ vọng làm gia tăng thu hút FDI trong thời gian tới.

Bên cạnh những đánh giá tích cực, S&P cũng chỉ rõ những thách thức cả trong và ngoài nước mà Việt Nam phải đối mặt. Từ bên ngoài, tranh chấp thương mại giữa các quốc gia lớn có khả năng ảnh hưởng đến tiềm lực xuất khẩu trong ngắn hạn do nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn. Ở trong nước, trong trường hợp nỗ lực củng cố tài khóa không đạt được mục tiêu đề ra có thể gây áp lực lên hoạt động huy động vốn cho nền kinh tế, để đáp ứng nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng ở mức cao. Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng của Việt Nam nhìn chung vẫn còn những yếu kém, thể hiện thông qua quy mô vốn mỏng và chất lượng tài sản hạn chế. Mặt khác, với thứ hạng mới, xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam cùng nhóm với các thị trường mới nổi lớn như Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ và Nam Phi, nhưng vẫn đang ở nhóm thấp của quốc tế, thấp hơn Trung Quốc, Indonesia, Thái Lan và Philippines – đều đang ở cấp độ tín nhiệm "có thể đầu tư được". Tuy nhiên, với nhiều nhận định mang tính tích cực trên, hãng xếp hạng S&P cho biết có thể cân nhắc nâng bậc xếp hạng tín nhiệm quốc gia cho Việt Nam nếu nền tảng kinh tế vững chắc, môi trường thể chế giúp cải thiện kết quả tài khóa tốt hơn kỳ vọng, rủi ro hệ thống ngân hàng tiếp tục giảm sâu.

Việc nâng hạng tín nhiệm quốc gia là rất khó, việc giữ vững thứ hạng trong những giai đoạn tiếp càng khó khăn hơn. Dù vậy, các chuyên gia cho rằng Việt Nam vẫn hoàn toàn có cơ sở để giữ và có dư địa để tiếp tục nâng cao vị trí bởi nước ta đang trên đà phát triển.

Để làm được điều đó, Việt Nam cần tiếp tục có những cải cách mạnh mẽ về thể chế để sớm bước vào nhóm nước có nền kinh tế thị trường. Muốn vậy, phải đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân cả trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào nhiều lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế.

Môi trường kinh doanh là một yếu tố quan trọng để các tổ chức xếp hạng tín nhiệm chấm điểm tín nhiệm. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt để cải thiện môi trường kinh doanh như cắt giảm các điều kiện kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành, tuy nhiên, Việt Nam cần tiếp tục có những hành động quyết liệt hơn trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính để Việt Nam thực sự trở thành một điểm đến đầu tư hấp dẫn, thân thiện, an toàn...

Cùng với đó, Việt Nam cũng cần cải thiện những vấn đề tồn đọng khác như: Đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu kể cả ngân sách nhà nước cũng như khối tổ chức tín dụng; Chú trọng khả năng chống chịu của nền kinh tế với các cú sốc ở bên ngoài bằng việc tăng cường tiềm lực và nội lực, đẩy nhanh hơn tiến trình xử lý nợ xấu, tái cơ cấu ngân sách để chính sách tài khóa bền vững hơn, tăng dự trữ ngoại hối.../.

Hành trình

HIỆN THỰC HÓA GIẤC MƠ XUẤT KHẨU PHẦN MỀM

ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo
Học viện Ngân hàng

Sau khi thực hiện đổi mới vào năm 1986, một số chuyên gia tin học Việt Nam đã “nhen nhóm” giấc mơ xuất khẩu phần mềm và bắt đầu có những bước đi đầu tiên trên hành trình chinh phục thử thách “đặt tên Việt Nam lên bản đồ công nghệ thế giới”. Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến đầu thế kỷ 21, hoạt động xuất khẩu của ngành công nghiệp phần mềm (CNPM) nước ta kém sôi nổi do trình độ và chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Song, với quyết tâm tạo bước chuyển mạnh mẽ, năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Đây được xem như “đòn bẩy” tạo đà để ngành công nghiệp phần mềm Việt Nam hiện thực hóa giấc mơ xuất khẩu của mình.

Giai đoạn 2005-2008, các doanh nghiệp CNPM trong nước chủ yếu thực hiện gia công xuất khẩu, trong đó các phần mềm ứng dụng còn hạn chế, phần lớn là phần mềm hệ thống, mang lại doanh thu không đáng kể. Những năm tiếp theo, do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu diễn ra từ cuối năm 2008, hoạt động kinh doanh và xuất khẩu phần mềm của nhiều doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn bởi sự thu hẹp sản xuất, cắt giảm đơn hàng thuê ngoài của các đối tác nước ngoài quan trọng, dù vậy, ngành CNPM Việt Nam vẫn luôn nỗ lực nâng cao trình độ tay nghề và tìm kiếm đối tác để duy trì tốc độ tăng trưởng và không ngừng vươn ra thị trường quốc tế. Năm 2012, Việt Nam đã vượt Ấn Độ để trở thành

đối tác lớn thứ 2 của Nhật và là “đối tác được ưa thích nhất” của các doanh nghiệp nước này, góp phần quan trọng nâng cao tên tuổi nước ta trong ngành công nghệ thông tin thế giới.

Theo báo cáo “Đánh giá các quốc gia về dịch vụ gia công công nghệ thông tin tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương năm 2016” của Tập đoàn nghiên cứu và tư vấn Gartner, Việt Nam được xếp là 1 trong 6 địa điểm hàng đầu về chuyển giao công nghệ toàn cầu tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Còn trong bảng xếp hạng của hãng tư vấn AT Kearney, Việt Nam đứng thứ 6 trong các quốc gia hấp dẫn nhất về gia công phần mềm toàn cầu năm 2017. Nhiều sản phẩm truyền thống của doanh nghiệp xuất khẩu phần mềm Việt Nam như phát triển ứng dụng, phần mềm nhúng, tích hợp hệ thống, kiểm thử phần mềm (testing)... được khách hàng đánh giá cao. Với sự bùng nổ của mạng xã hội, điện thoại thông minh (smartphone)... các công ty phần mềm trong nước đã đồng thời chuyển hướng sang mục tiêu tạo ra các phần mềm ứng dụng được tích hợp trên các thiết bị cá nhân như tablet, notebook, smartphone...

Đặc biệt, trong 3 năm trở lại đây, làn sóng dịch chuyển thị trường dịch vụ phần mềm từ hai trung tâm lớn của thế giới là Trung Quốc và Ấn Độ sang các nước ASEAN đã góp phần giúp thị trường xuất khẩu ngành phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin của Việt Nam đạt tốc độ phát triển từ 10-25%/năm. Theo số liệu thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, năm 2018, ngành CNPM Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá (13,8%) với doanh thu ước đạt 4,3 tỷ USD, trong đó

xuất khẩu ước đạt 3,5 tỷ USD, tăng 11,6% so năm 2017. Bên cạnh các thị trường truyền thống Nhật Bản, Bắc Mỹ là những thị trường mới nổi như châu Âu, Myanmar... Tổng số doanh nghiệp phần mềm Việt Nam tính đến cuối năm 2018 là khoảng 10.000 doanh nghiệp với lực lượng nhân lực toàn ngành là 120.000 người.

Bên cạnh việc gia công phần mềm cho các đối tác nước ngoài, những năm gần đây, các doanh nghiệp phần mềm trong nước tập trung đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ 4.0, đầu tư mạnh cho sản xuất thiết bị đầu cuối, lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, robotics, đặc biệt là các thiết bị thông minh, có hàm lượng chất xám cao như bàn phím ảo... nhằm thu hẹp khoảng cách và tăng sức cạnh tranh so với những công ty tên tuổi trên thế giới. Đây là hướng đi cần thiết để ngành CNPM phát triển, đưa ngành công nghiệp công nghệ thông tin thành một trụ cột của nền kinh tế và tạo nên những bước tiến mới của Việt Nam trên bản đồ công nghệ toàn cầu. Nhiều doanh nghiệp trong nước đã sớm bắt kịp xu hướng và trở thành đối tác đồng hành phát triển công nghệ mới. Đến nay, Việt Nam đã có những doanh nghiệp phần mềm có thể trực tiếp cung cấp các dịch vụ phần mềm trọn gói (từ tư vấn, thiết kế đến triển khai) cho đối tác nước ngoài theo xu hướng công nghệ mới như điện toán đám mây, công nghệ di động...

Một “ông lớn” tiên phong xuất khẩu phần mềm của ngành CNPM Việt Nam phải kể đến là FPT với hơn 20 năm kinh nghiệm. Chiến lược “chơi với người khổng lồ” đã giúp tập đoàn này hiện diện tại hơn 20 quốc gia trên thế giới với khoảng 500 khách hàng là các tập đoàn lớn trên toàn cầu. FPT

bắt tay với nhiều tên tuổi lớn mà họ “chưa từng hy vọng ngồi cùng” như Airbus, Siemens, GE, Nissan, Microsoft, AWS để cùng hợp tác phát triển các giải pháp, dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ Internet vạn vật - IoT như Skywise, Predix, MindSphere.... Đến nay đối với FPT, xuất khẩu phần mềm đã trở thành trụ cột doanh thu của khối công nghệ với tốc độ tăng trưởng bình quân 26%/năm và chiếm tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận lần lượt là 56% và 94%. Năm 2018, FPT chinh phục “đỉnh núi mới” khi mua 90% Intellinet, một trong những công ty tư vấn công nghệ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất tại Mỹ. Đây là dẫn đầu tiên, một doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam có đủ tiềm lực để mua một công ty tư vấn của Mỹ và cũng dấu mốc quan trọng của FPT trong hành trình trở thành tập đoàn hàng đầu thế giới về dịch vụ chuyển đổi số. FPT đặt mục tiêu xuất khẩu phần mềm vào năm 2020 đạt một tỷ USD. Con số này đang là động lực để tập đoàn tiếp tục mở rộng thị trường ở các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, châu Âu...

Bên cạnh FPT, TMA Solutions được biết đến là công ty phần mềm lớn thứ hai ở Việt Nam, nhận được sự tin cậy của hơn 100 khách hàng từ hàng chục quốc gia trên toàn thế giới, với nhiều tên tuổi viễn thông lớn như Alcatel - Lucent, Avaya, Genband, NTT Data, Hitachi.... Không chỉ dừng lại ở hoạt động gia công, những năm qua TMA Solutions đã triển khai mở rộng phát triển sản phẩm độc lập ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như y tế, tài chính... Hiện TMA Solutions đặt kỳ vọng lớn vào các xu hướng công nghệ mới dựa trên nền công nghệ điện toán đám mây và công nghệ di động, những mảng quan trọng

góp phần lớn vào mục tiêu tăng trưởng 20% doanh thu.

Mặc dù đã điển tên Việt Nam vào danh sách nhóm các nước xuất khẩu phần mềm lớn của thế giới, song đến nay thị phần của ngành CNPM còn khá khiêm tốn trên thị trường toàn cầu. Nguyên nhân là do số lượng doanh nghiệp phần mềm có quy mô lớn là khá ít ỏi, hầu hết các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, dưới 1000 người. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu tham gia vào công đoạn có giá trị gia tăng thấp như gia công lập trình phần mềm với nguồn vốn đầu tư chưa nhiều. Trong khi đó, hoạt động nghiên cứu, sáng tạo giá trị mới (R&D) của ngành CNPM còn hạn chế, do đó các DN chưa tham gia sâu vào quá trình thiết kế, phát triển phần mềm, thiếu đi các sản phẩm phần mềm áp dụng công nghệ cao có tính đột phá sáng tạo. Vấn đề này đã làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước nhất là khi các doanh nghiệp nước ngoài đang có ưu thế trong thị trường các sản phẩm phần mềm cao cấp đòi hỏi độ chuyên nghiệp cao, chẳng hạn như trong lĩnh vực banking, logistic, các giải pháp liên quan đến kết nối tự động hóa trong sản xuất...

Các chuyên gia kinh tế cho rằng, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang mang lại cơ hội

cạnh tranh trực tiếp cho các doanh nghiệp phần mềm Việt Nam và thị trường phần mềm thế giới vẫn là "chiếc bánh lớn" nếu như các doanh nghiệp trong nước thay đổi phương thức phát triển cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh. Cùng với đó, mặc dù là nước đi sau so với Ấn Độ, Trung Quốc nhưng Việt Nam lại đang sở hữu nhiều lợi thế, tiềm năng và uy tín đối với thị trường toàn cầu như: Lực lượng lao động trẻ (một yếu tố bắt buộc trong ngành phần mềm), dễ dàng tiếp cận nhanh chóng những cái mới trong sự thay đổi liên tục của công nghệ; Chi phí lao động của ngành phần mềm Việt Nam còn đủ thấp so với các đối thủ cạnh tranh.

Trong năm 2019 và các năm tiếp theo, ngành CNPM Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển các giải pháp, phần mềm ứng dụng công nghệ của Cách mạng công nghiệp 4.0 như trí tuệ nhân tạo, blockchain; giải pháp, phần mềm trong lĩnh vực an toàn thông tin; phát triển ứng dụng web cấp tiến; tự động hóa việc lập trình. Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) cũng xác định mục tiêu trọng tâm của năm 2019 là "Xung kích Chuyển đổi số", tập trung vào xây dựng các mô hình chuyển đổi số trong các doanh nghiệp phần mềm, để tăng cường hoạt động xuất khẩu. Những yêu cầu thực tế trên cùng tốc độ phát triển

"phi mã" của công nghệ hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp phần mềm trong nước cần xác định chiến lược lâu dài và khác biệt bằng việc liên tục đổi mới, cập nhật, nâng cấp các phần mềm ứng dụng và giá trị dịch vụ để tạo sự chủ động về đổi mới các sản phẩm công nghệ của mình, duy trì lợi thế cạnh tranh, nắm bắt tốt cơ hội cũng như có chiến lược đầu tư phù hợp. Quan trọng hơn, cần nâng cao chất lượng nhân lực để có được đội ngũ nhân viên, kỹ sư giàu kinh nghiệm, xử lý công việc nhanh, tạo ra các sản phẩm tối ưu và đẩy mạnh khả năng tiếp cận vốn... Điều này sẽ giúp doanh nghiệp phần mềm nước ta không chỉ cạnh tranh lành mạnh với các đối thủ mới mà còn có thể giành được thị phần lớn hơn tại những thị trường truyền thống cùng những thị trường mới nổi.

Bên cạnh nỗ lực tự vươn lên của các doanh nghiệp trong nước còn cần có sự hỗ trợ lớn hơn nữa từ cơ quan quản lý Nhà nước về các chính sách liên quan đến nguồn nhân lực, quảng bá ngành phần mềm của Việt Nam ra thế giới. Để tiếp sức cho các doanh nghiệp phần mềm Việt Nam trong cuộc đua mới và học tập kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới, hiện Bộ Thông tin và Truyền thông đang xây dựng chiến lược phát triển những doanh nghiệp công nghệ tiên phong, quy hoạch phát triển một số sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, trong đó có phần mềm cho các giai đoạn 2019-2020, 2021-2025. Việc xây dựng và triển khai chiến lược này được Bộ TT&TT xác định là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm nay, giúp các doanh nghiệp phần mềm trong nước ngày càng nâng cao giá trị, giúp nâng tầm của Việt Nam trên bản đồ công nghệ toàn cầu./.



Trong những năm qua, thị trường mua bán và sáp nhập (M&A) doanh nghiệp tại Việt Nam đã có đột phá nhờ vào sức đẩy mạnh mẽ từ các thương vụ của các doanh nghiệp lớn cùng nhiều chính sách thuận lợi cho thị trường. Trong 10 năm (giai đoạn 2009-2018), tổng giá trị thương vụ M&A đạt 48,8 tỷ USD với hơn 4.000 giao dịch. Theo các chuyên gia, hiện thị trường M&A tại Việt Nam vẫn còn nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư.

Triển vọng

MUA BÁN SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Tiến Hưng - ThS. Lê Thị Huyền Trang

Học viện Ngân hàng

Gia tăng làn sóng M&A

Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài thông qua hàng loạt các thương vụ M&A đình đám đã được thực hiện như: Thaibev mua Sabeco, Central Group mua BigC, Fraser and Neave mua cổ phần Vinamilk; Mizuho mua cổ phần Vietcombank, Tập đoàn Mondelz International mua lại thương hiệu ngành bánh kẹo trong nước Kinh Đô; Holdings mua Metro; Cty cổ phần Thế giới di động mua lại hơn 90% cổ phần của Cty cổ phần Thế giới số Trần Anh; hay thương vụ CJ Cheiljedang Corporation, thành viên của Tập đoàn CJ (Hàn Quốc) đã trở thành cổ đông lớn nhất của Cty cổ phần chế biến Hàng xuất khẩu Cầu Tre...

Cùng với các nhà đầu tư nước ngoài, thị trường cũng ghi nhận ngày càng nhiều doanh nghiệp Việt Nam chủ động tham gia vào hoạt động M&A và thực hiện chiến lược M&A để có bước tăng

trường đột phá như: Vinhomes, Techcombank, Vingroup, Masan, Kido, TTC, Vinamilk hay Pan Group... Doanh nghiệp nội cũng đã bắt đầu thực hiện chiến lược thôn tính doanh nghiệp ngoại để hình thành thương hiệu lớn mang tầm cỡ quốc tế với điển hình VinFast mua GM ở Việt Nam.

M&A không đơn thuần là một hoạt động đầu tư, mà đang có vai trò quan trọng trong quá trình đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế của Việt Nam. Sự tham gia của các nhà đầu tư vào hoạt động này đã mở ra cơ hội để thực hiện tốt nhiệm vụ tái cơ cấu đang hướng tới, đó là xử lý các doanh nghiệp, dự án thua lỗ, dư thừa và tạo ra năng lực sản xuất mới trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nâng cao năng lực quản trị và sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam.

M&A còn giúp doanh nghiệp

đạt được hiệu quả kinh doanh dựa vào quy mô khi doanh nghiệp có thể thâm nhập được vào thị trường mới, có thêm một dây chuyền sản phẩm mới hay mở rộng phạm vi phân phối, mở rộng chi nhánh, phòng giao dịch, các dự án... Hơn nữa, quy mô lớn cũng giúp giảm thiểu chi phí trong kinh doanh như giảm thiểu sự trùng lặp trong mạng lưới phân phối, tiết kiệm chi phí hoạt động và chi phí quản lý...

Cùng với quá trình cải cách thể chế đang diễn ra mạnh mẽ, hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh đã không ngừng được hoàn thiện, đáng chú ý là Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và nhiều luật chuyên ngành khác, xác lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ và tạo thuận lợi cho việc phát triển thị trường M&A tại Việt Nam

Không những thế, trong thời gian tới thị trường Việt Nam còn hứa hẹn sẽ có thêm nhiều thương

vụ M&A đình đám khác. Với xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới, dòng vốn đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam sẽ gia tăng nhanh thông qua con đường M&A. Theo các chuyên gia, những năm tiếp theo, các thương vụ M&A tiếp tục tập trung nhiều vào lĩnh vực hàng tiêu dùng, bán lẻ và bất động sản. Cùng với đó, các lĩnh vực viễn thông, năng lượng, hạ tầng, dược phẩm, giáo dục cũng được kỳ vọng đóng góp giá trị đáng kể cho hoạt động M&A. Đặc biệt, giai đoạn tới cũng có thể trông đợi các thương vụ quy mô lớn hơn, nhất là các thương vụ thoái vốn của các doanh nghiệp Nhà nước lớn cổ phần hóa và sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh danh sách doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa, thoái vốn trong từng năm của từng bộ, ngành địa phương trong giai đoạn 2017 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, công bố công khai, kinh tế Việt Nam còn nhiều cơ hội cho các kế hoạch M&A của giới kinh doanh trong nước và quốc tế.

Mặc dù thị trường M&A thu hút được các nhà đầu tư, tăng trưởng mạnh và nhanh cũng như triển vọng phát triển của lĩnh vực này, song, trong thời gian tới, theo các chuyên gia do còn nhiều khó khăn về quá trình thực hiện nên hiệu quả còn khiêm tốn. Nhất là khi các bên tham gia vào các thương vụ M&A còn gặp nhiều vướng mắc về quy định của pháp luật; sự minh bạch thông tin, công bố thông tin của các doanh nghiệp Việt Nam còn thiếu và chưa rõ ràng.

Quy mô thị trường M&A Việt Nam vẫn ở mức trung bình trong khu vực Đông Nam Á. Các thương vụ M&A chủ yếu vẫn là các giao dịch nhỏ với quy mô 5-6 triệu USD, chiếm tới trên 90% về số lượng thương vụ. Vai trò dẫn dắt thị trường M&A Việt Nam vẫn do các nhà đầu tư nước ngoài.

Kết quả đạt được từ cổ phần hóa và thoái vốn không đồng đều. Nhiều thương vụ cổ phần hóa và thoái vốn đã không đạt được như kỳ vọng. Các doanh nghiệp Việt khi tiến hành M&A do nguồn vốn ít nên sự tham gia của các doanh nghiệp Việt chưa nhiều và còn ở quy mô nhỏ, do đó chưa được hưởng lợi nhiều từ các thương vụ M&A.

Hiểu biết về hoạt động mua bán, sáp nhập DN còn hạn chế, các nhà quản trị doanh nghiệp chưa có sự chuẩn bị tốt, chưa xem M&A như một công cụ để tái cấu trúc hay cạnh tranh do đó làm tăng tỷ lệ thất bại khi thực hiện chưa cao.

Theo Công ty First Asia Limited (thành viên của Hiệp hội tư vấn môi giới mua bán, sáp nhập doanh nghiệp quốc tế - IBBA), có hơn 50% doanh nghiệp Việt Nam phải đóng cửa sau 6 năm hoạt động. Trong khi đó cũng hơn 50% các thương vụ M&A thất bại. Bên cạnh đó, chưa xác định cơ quan quản lý trực tiếp thị trường M&A mà chỉ có quy định Cục Quản lý cạnh tranh quản lý khía cạnh tập trung kinh tế của các thương vụ.

Hành lang pháp lý trong hoạt động M&A chưa hoàn chỉnh thiếu quy định về giao dịch có yếu tố nước ngoài; chưa có quy định cụ thể bảo vệ quyền lợi người lao động, cổ đông; các quy định về công tác quản lý, giám sát đối với hoạt động M&A nhằm hạn chế đầu tư hay đánh mất thương hiệu doanh nghiệp còn thiếu.

Giải pháp phát triển hoạt động mua bán, sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam

Để thị trường M&A phát triển minh bạch, chuyên nghiệp trong thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp như:

Chính phủ cần ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất cho hoạt động M&A. Phân công cơ quan quản lý M&A. Quy định trách nhiệm, quyền hạn; các hình thức

thực hiện M&A; thủ tục và trình tự thực hiện; quy định về công bố thông tin liên quan đến M&A; các hình thức M&A bị cấm.

Cần quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp, đồng thời quy định rõ các loại thông tin và hình thức công bố mà doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện. Các thông tin này có thể được cung cấp cho thị trường như một dịch vụ với chi phí hợp lý.

Nâng cao trình độ các nhà quản trị doanh nghiệp và các nhà quản lý thị trường. Đào tạo nguồn nhân lực cho thị trường phải được thực hiện với sự hợp tác của các doanh nghiệp, các bên tư vấn, các trường đại học và cơ quan quản lý trực tiếp thị trường này.

Tạo điều kiện phát triển các công ty tư vấn chuyên nghiệp cho hoạt động M&A. Sự tham gia của bên thứ ba sẽ giúp giảm rủi ro cho cả hai phía và tăng sự chuyên nghiệp cho mỗi thương vụ.

Cụ thể, Chính phủ đang khuyến khích các nhà đầu tư vào khoa học, công nghệ, kết cấu hạ tầng, nông nghiệp... Đây là những lĩnh vực mà nhà đầu tư quan tâm. Bên cạnh đó, lĩnh vực ngân hàng cũng đang tạo ra những cơ hội mới thông qua kênh M&A hay lĩnh vực phi ngân hàng cũng khá hấp dẫn. Việc chủ trương cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công, trừ bệnh viện và trường học cũng là cơ hội cho M&A. Đặc biệt, nhiều công ty nông, lâm nghiệp có quyền sử dụng đất, rừng, nhưng thiếu khả năng quản trị, thiếu vốn... cũng đang tạo ra nhu cầu rất lớn cần sự tham gia của các nhà đầu tư.

Có thể thấy, sự tham gia sâu rộng từ khối ngoại, sự trỗi dậy mạnh mẽ từ khối doanh nghiệp tư nhân trong nước và cơ hội lớn từ cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước đang mở ra nhiều triển vọng cho thị trường M&A của Việt Nam phát triển nhanh, mạnh trong thời gian tới./.



BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP CƠ HỘI ĐÓN ĐẦU LÀN SÓNG ĐẦU TƯ MỚI

ThS. Trần Thị Hoa - ThS. Mai Thị Diệu Hằng
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Với hàng loạt yếu tố thuận lợi từ thực tế phát sinh đến chính sách phát triển, bất động sản công nghiệp Việt Nam đang hứa hẹn sẽ là phân khúc thị trường có nhiều bứt phá trong năm 2019, trở thành kênh đầu tư hấp dẫn mà các nhà đầu tư lựa chọn. Chính vì vậy, việc phát triển các khu công nghiệp của nước ta cần đồng bộ, hiệu quả hơn nữa để thu hút nhà đầu tư nước ngoài và đón đầu những xu hướng mới.

Thị trường bất động sản công nghiệp Việt Nam – Sôi động cùng nhiều cơ hội đầu tư mới

Thị trường bất động sản khu công nghiệp Việt Nam bắt đầu hình thành với sự ra đời của Khu công nghiệp Biên Hoà 1 vào năm 1963 với tổng diện tích 323 ha. Sau nhiều năm phát triển và hoàn thiện, thị trường bất động sản công nghiệp Việt Nam hiện bao gồm các loại hình: Đất công nghiệp, nhà xưởng xây sẵn, nhà kho và các bất động sản hậu cần khác.

Theo Báo cáo tình hình hoạt động các khu công nghiệp, khu kinh tế của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết năm 2018, cả nước có 326 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên đạt xấp xỉ 93 nghìn ha. Trong đó diện tích đất công nghiệp đạt gần 64 nghìn ha, chiếm 68% diện tích đất tự nhiên. Với 250 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, tổng diện tích đất tự nhiên gần 68 nghìn ha, tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đi vào hoạt động đạt

73%, tỷ lệ khu công nghiệp đi vào hoạt động có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt 88%. Cùng với các khu công nghiệp, nước ta còn có 17 khu kinh tế ven biển được thành lập với tổng diện tích mặt đất và mặt nước trên 845 nghìn ha (trong đó Khu kinh tế Ninh Cơ, tỉnh Nam Định có trong quy hoạch phát triển nhưng chưa được thành lập) cũng đã góp thêm vào sự phát triển chung của bất động sản công nghiệp thời gian qua.

Lũy kế đến hết năm 2018, các khu công nghiệp, khu kinh tế trên cả nước thu hút được khoảng 7.500 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký ước đạt gần 970 nghìn tỷ đồng và khoảng 8.000 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký ước đạt 145 tỷ USD. Song hành với thành công trong xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế, năm 2018 các doanh nghiệp thứ cấp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế đã có những kết quả tích cực trong hoạt động sản xuất

kinh doanh: Tổng doanh thu đạt khoảng 190 tỷ USD, tăng hơn 7% so với năm 2017; kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 130 tỷ USD, đóng góp trên 53% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (tăng khoảng 7% so với năm 2017); đóng góp cho ngân sách nhà nước hơn 120 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2017. Các khu công nghiệp, khu kinh tế cũng đã tạo việc làm cho trên 3,3 triệu lao động.

Hiện đã có nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới đặt nhà máy tại các khu công nghiệp của Việt Nam như Samsung, Intel... đã góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo công ăn việc làm và tăng cầu đối với bất động sản công nghiệp. Năm 2018, một số dự án có số vốn đầu tư lớn vào khu công nghiệp như: Dự án mở rộng nhà máy của công ty TNHH Samsung Display Việt Nam với tổng mức đầu tư 2,5 tỷ USD tại Bắc Ninh; dự án Nhà máy sản xuất polypropylene (PP) và kho ngầm chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tại Việt Nam

với tổng mức đầu tư 1,2 tỷ USD tại khu công nghiệp Cái Mép; Dự án công ty TNHH Laguna (Việt Nam) điều chỉnh tăng vốn thêm 1,12 tỷ USD...

Nhận định về những cơ hội và triển vọng phát triển của thị trường bất động sản công nghiệp ở nước ta thời gian tới, các chuyên gia kinh tế cho rằng bất động sản khu công nghiệp Việt Nam đang có sức hút mạnh mẽ với các nhà đầu tư nước ngoài muốn dịch chuyển sản xuất từ các nước khác sang Việt Nam. Nguyên nhân là bởi Việt Nam có ưu đãi thuế quan và chi phí sản xuất thấp, chỉ dưới 1 USD/giờ, thấp nhất trong khu vực các nước ASEAN và thấp hơn Trung Quốc. Nhiều doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia có kế hoạch đặt nhà máy, mở rộng nhà xưởng tại Việt Nam mang đến cơ hội phát triển tốt cho loại hình bất động sản khu công nghiệp. Ngoài ra, lợi nhuận trên chi phí (YOC) khá cao từ 11-12% so với các nước trong khu vực khiến cho việc đầu tư sản xuất kinh doanh tại Việt Nam khá hấp dẫn.

Bên cạnh đó, mặc dù Mỹ không còn tham gia TPP (nay là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP), song theo nhận định hiện Việt Nam vẫn là điểm đến chiến lược và được xem là "công xưởng" mới cho các nhà sản xuất quốc tế. Dòng vốn đầu tư từ các nước, bao gồm Mỹ, Trung Quốc và một số nước khác do "né" chiến tranh thương mại nên sẽ "chảy" vào Việt Nam nhiều hơn trong năm 2019.

Đặc biệt, các nhà đầu tư còn đặt kỳ vọng vào các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã, đang và sẽ ký kết như Hiệp định Thương mại tự do EU - Việt Nam (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), hay các hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa ASEAN - Hồng Kông (Trung Quốc)

và Trung Quốc có hiệu lực, hứa hẹn về triển vọng tăng cường hơn nữa trong quan hệ thương mại với nền kinh tế lớn nhất trong khu vực.

Ngoài ra, các yếu tố nội tại của thị trường bất động sản công nghiệp cũng đang tạo thêm nhiều cơ hội đầu tư khi lượng cung cầu bất động sản công nghiệp ở nước ta đang có sự tăng trưởng mạnh. Theo dự báo, đến năm 2020 Việt Nam sẽ có khoảng 500 khu công nghiệp, diện tích cần khoảng 500.000 ha. Do đó, cơ hội sở hữu quỹ đất để thâm nhập và phát triển trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp là rất lớn đối với cả nhà đầu tư hiện hữu và các nhà đầu tư tiềm năng trong tương lai.

Báo cáo thị trường bất động sản của Công ty quản lý bất động sản Jones Lang Lasalle (JLL) cho thấy, quý I năm 2019, thị trường bất động sản công nghiệp của Việt Nam ghi dấu ấn mạnh mẽ với sự phát triển ấn tượng của khu vực Bắc Bộ, tâm điểm là Bắc Ninh, Hải Phòng và Hưng Yên. Tỷ lệ lấp đầy trong quý 1/2019 đạt trung bình ở mức 74% ở 5 tỉnh/thành phố năng động nhất vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, dẫn đầu là Hà Nội, Bắc Ninh và Hưng Yên.

Cũng theo Báo cáo trên, trong quý 1/2019, nguồn cung mới tiếp tục gia nhập thị trường. Tổng diện tích đất công nghiệp cho thuê thuộc 5 tỉnh/thành phố phía Bắc đạt 9.071 ha. Trong đó, Hải Phòng và Bắc Ninh do đóng vai trò là trung tâm công nghiệp, có vị trí thuận lợi để đáp ứng nhu cầu sản xuất ở phía Bắc đã có đóng góp khoảng 63% tổng nguồn cung.

Thị trường cũng ghi nhận giá thuê đất giữ đà tăng trưởng cao. Giá thuê đất trung bình trong quý 1/2019 đạt 92 USD/m²/chu kỳ thuê, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2018. Giá thuê trung bình của Hà Nội dẫn đầu với 138 USD/m²/

chu kỳ thuê, cao nhất trong số các tỉnh/thành phố phía Bắc. Giá thuê cho nhà xưởng xây sẵn dao động từ 4-5 USD/m²/tháng với thời hạn thuê tối thiểu 3-5 năm.

Tại thị trường bất động sản công nghiệp miền Nam, những tháng đầu năm 2019 giá thuê đất trung bình đạt 80 USD/m² cho một chu kỳ thuê, tăng gần 11% so với quý II/2018. Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là địa phương dẫn đầu với mức giá 156,8 USD/m² cho một chu kỳ thuê. Giá thuê nhà xưởng xây sẵn duy trì ở mức 2 - 5 USD/m²/tháng.

Ngoài ra, các yếu tố khác như: Sự tăng trưởng của ngành công nghiệp ô tô, sự phát triển của công nghiệp chế biến, chế tạo; sự gia tăng của lượng du khách trong ngành du lịch; thương mại điện tử ngày càng lớn mạnh và sự ổn định của môi trường kinh doanh, chính trị, cùng sự thay đổi hợp lý của cơ chế chính sách, sự hỗ trợ của Chính phủ trong thu hút đầu tư nước ngoài... cũng là những yếu tố quan trọng tác động tới sự sôi động của thị trường bất động sản công nghiệp ở Việt Nam thời gian vừa qua và được dự báo sẽ tiếp tục phát triển trong thời gian tới.

Giải pháp tạo đà phát triển đón đầu xu hướng đầu tư mới

Mặc dù có nhiều thuận lợi để phát triển bùng nổ trong thời gian tới, song thị trường bất động sản công nghiệp ở nước ta hiện vẫn còn một số hạn chế, bất cập cần khắc phục, cụ thể như: Hoạt động quy hoạch khu, cụm công nghiệp chưa thực sự có sự gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế của vùng, lãnh thổ và địa phương. Tính liên kết vùng còn yếu, do vậy chưa phát huy được hết các thế mạnh, tiềm năng phát triển của thị trường bất động sản công nghiệp của từng địa phương nơi có các

khu công nghiệp được xây dựng; Công tác bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, khu kinh tế chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; Vấn đề nhà ở, phúc lợi xã hội và đời sống công nhân trong khu công nghiệp chưa được cải thiện rõ rệt; Hạ tầng kết nối đa phương tiện còn thiếu đồng bộ, hạ tầng nhà xưởng có tiêu chuẩn kỹ thuật thấp; Mất cân đối giữa vận tải đường bộ và các loại hình vận tải khác như đường sắt, đường thủy (hiện chi phí vận tải hàng hóa đường bộ chiếm 77% tổng lượng vận chuyển hàng hóa của cả nước; chi phí logistics chiếm gần 21% tổng GDP, cao hơn so với hầu hết các nước trong khu vực); Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực gắn với ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp còn thiếu; Việc huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn...

Ngoài ra, tính minh bạch trong hoạch định chính sách và thông tin thị trường bất động sản công nghiệp ở nước ta còn hạn chế. Tình trạng thông tin bất cân xứng trên thị trường còn phổ biến với các nguyên tắc thị trường chưa được hoàn thiện, hệ thống pháp luật, các nguyên tắc ứng xử, đạo đức kinh doanh chưa thực sự phát triển... từ đó gây nhiều rủi ro đối với sự phát triển của thị trường bất động sản công nghiệp thời gian qua.

Trước những bất cập còn tồn tại, tại diễn đàn «Bất động sản công nghiệp Việt Nam 2019: Bối cảnh mới - Chính sách mới - Cơ hội mới» được tổ chức tháng 4/2019 vừa qua tại Hà Nội, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia kinh tế cho rằng, việc phát triển thị trường bất động sản công nghiệp tại Việt Nam cần phải có sự thay đổi phù hợp đồng thời từ định hướng chính sách của Nhà nước và từ phía các nhà đầu tư.

Để hỗ trợ, tạo đà cho phân khúc thị trường bất động sản công

nghiệp bứt phá và phát triển theo hướng bền vững, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới, diễn đàn cũng đã đưa ra một số giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện thời gian tới:

- Đổi mới tư duy, đổi mới phương thức quản lý và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản nói chung và bất động sản công nghiệp nói riêng dựa trên cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế phù hợp với thực trạng Việt Nam. Theo đó, quy hoạch các khu công nghiệp cần được lập đồng bộ và công bố công khai để cho các nhà đầu tư nghiên cứu, nắm bắt cơ hội và tham gia đầu tư sớm. Cần thay đổi cách tiếp cận về đầu tư bất động sản công nghiệp, các khu công nghiệp cần gắn kết với các hạ tầng dịch vụ logistics, với hệ sinh thái khởi nghiệp và sự đổi mới sáng tạo. Quy hoạch đất công nghiệp nằm trong quy hoạch tổng thể của vùng, địa phương và cả nước.

- Tiếp tục duy trì mức đầu tư hợp lý vào cơ sở hạ tầng, trong xu hướng phát triển không ngừng của ngành logistics và các ngành công nghiệp. Tạo nền tảng vững chắc trong phát triển cơ sở hạ tầng, bởi đây là yếu tố mang tính cạnh tranh mạnh mẽ. Do đó, việc phát triển hạ tầng cần chú trọng hệ thống đường cao tốc, cảng biển và mạng lưới tiện ích, kể cả năng lượng tái tạo... Đảm bảo hệ thống cơ sở hạ tầng chủ chốt và mạng lưới vận tải đa phương thức thực sự phát triển, qua đó giảm chi phí hậu cần và đáp ứng các dự án có giá trị cao trong tương lai.

- Minh bạch hóa thông tin về thị trường bất động sản nói chung và bất động sản công nghiệp nói riêng, với những chính sách dài hạn, ổn định và có tính đảm bảo mức độ rủi ro chính sách, tạo tâm lý

yên tâm, an toàn cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Nhà nước cần minh bạch hóa các thông tin quy hoạch, tín dụng, thuế, phí... tạo điều kiện để các doanh nghiệp cạnh tranh, bình đẳng trong nền kinh tế thị trường.

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính và hải quan, cải thiện sự kết nối đồng bộ giữa các lĩnh vực kinh tế nhằm giữ chân các nhà đầu tư trong dài hạn. Đồng thời cần tăng tính cạnh tranh cho chi phí giao dịch qua biên giới, trong đó đánh lưu ý là giảm chi phí tuân thủ tài liệu và chi phí xuất nhập khẩu. Hiện nay chi phí tuân thủ tài liệu thủ tục của nước ta vẫn chiếm khoảng 30% trong khi ở các nước khác như Singapore chỉ là 10-15%.

- Có chiến lược áp dụng công nghiệp 4.0 trong phát triển thị trường bất động sản công nghiệp, bởi công nghiệp 4.0 và sự cải tiến trong công nghệ thông tin, tự động hóa sẽ thay đổi bức tranh toàn cảnh ngành công nghiệp. Sự kết nối giữa các dây chuyền sản xuất truyền thống sẽ được tối ưu hóa, xóa mờ ranh giới vật lý, do đó thể hệ nhà xưởng mới trong tương lai sẽ là những nhà xưởng quy mô nhỏ nhưng được kết nối xuyên suốt và đồng bộ.

- Quan tâm giải quyết tốt các vấn đề về môi trường và sức ép lên hạ tầng, tập trung quy hoạch các khu công nghiệp và cụm công nghiệp sạch, sinh thái, thân thiện môi trường và thu hút công nghệ cao với các mục tiêu phát triển bền vững, lâu dài.

- Các địa phương cần tiếp tục có những chính sách đặc thù nhằm thu hút các nhà đầu tư; Từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; Có chiến lược tiếp thị, quảng bá các khu công nghiệp đã xây dựng qua đó nâng cao tỷ lệ lấp đầy./.

SẢN XUẤT LÚA ĐÔNG XUÂN TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NGÀY Càng NHIỀU NỖ LO

Đinh Sỹ Nguyên

Chi đoàn vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản - TCTK

Đồng bằng sông Cửu Long được xem là vựa lúa lớn nhất cả nước với sản lượng lúa hàng năm luôn chiếm từ 54 đến 56% tổng sản lượng lúa toàn quốc, trong đó vụ Đông xuân là vụ sản xuất chủ lực. Sản lượng lúa đông xuân của vùng thường chiếm trên 52% sản lượng lúa đông xuân cả nước và chiếm khoảng 45% trong cơ cấu sản lượng lúa các vụ của vùng. Tuy nhiên những năm gần đây sản xuất lúa đông xuân thường xuyên gặp khó khăn, năng suất lúa liên tục bị sụt giảm.



Những năm mất mùa

Vụ Đông xuân năm 2019 diễn ra trong sự lo lắng của các nhà chuyên môn về thủy nông, thổ nhưỡng và thời tiết; trước khi xuống giống đã có nhiều cảnh báo về điều kiện sản xuất sẽ chịu ảnh hưởng của nắng nóng, hạn hán, có thể xảy ra xâm nhập mặn cuối vụ. Mức độ tác động của thiên tai được cảnh báo tuy không nặng nề và khắc nghiệt như đã từng diễn ra trong năm 2016 nhưng được xem như là nguy cơ đe dọa đến kết quả sản xuất lúa. Ngành nông nghiệp đã lên phương án điều chỉnh

thời vụ đối với những diện tích khô hạn, bị động về nước tưới hoặc chuyển đổi cây trồng khác phù hợp, thậm chí một số diện tích được khuyến nghị ngắt vụ không gieo cấy mà chuyển qua sản xuất vụ sau. Thực tế đã diễn ra đúng như kịch bản được báo trước, mặc dù công tác ứng phó, phòng trừ dịch bệnh, hạn hán thành công nhưng kết quả sản xuất lúa vẫn bị ảnh hưởng bởi thời tiết nắng nóng cực đoan.

Trước những nguy cơ được dự báo từ đầu mùa của Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam bộ, thời vụ

gieo cấy được đề xuất thực hiện xuống giống trà sớm trong tháng 10 năm 2018, chiếm 27% diện tích kế hoạch, tiếp đến xuống giống đợt 1 trong tháng 11 chiếm 38%, đợt 2 trong tháng 12 chiếm 29% và trà muộn trong tháng 1 năm 2019 chiếm 6%. Xuống giống trong tháng 10 sẽ có một số bất lợi ở giai đoạn trổ đồng của cây lúa và thường cho năng suất không cao, tuy nhiên lại khá an toàn đối với vùng bị ảnh hưởng của hạn, mặn hàng năm, do đó đây là sự lựa chọn an toàn ứng phó với kiểu thời tiết những năm gần đây, về lâu dài vùng khó khăn này cần được chuyển sang cơ cấu 2 lúa - 1 màu.

Theo kết quả sơ bộ, nếu không tính phần diện tích lúa đông xuân của Cà Mau chuyển từ lúa vụ Mùa sang thì diện tích lúa đông xuân năm nay của cả vùng ĐBSCL giảm 5,7 nghìn ha so với cùng kỳ (điều này phù hợp với xu hướng chuyển diện tích lúa kém hiệu quả sang trồng cây trồng khác và cũng là biểu hiện cho kết quả của khuyến cáo chuyển đổi tạm thời, ngưng vụ nhằm tránh thiệt hại của hạn hán,

nắng nóng); năng suất ước đạt 67,5 tạ/ha, giảm 1,4 tạ/ha; sản lượng ước đạt 10,8 triệu tấn, giảm 5,4 nghìn tấn so với cùng kỳ (bao gồm 194 nghìn tấn lúa đồng xuân của Cà Mau). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến năng suất lúa giảm là ở những diện tích lúa gieo cấy trong tháng 10 xảy ra tình trạng cây lúa sớm đủ tích ôn và trổ bông trước từ 5-7 ngày so với sinh trưởng bình thường. Điều này dẫn đến tích lũy sinh khối của lúa chưa đầy đủ mà đã làm đồng trổ bông, chiều dài đồng không đạt mức tiêu chuẩn làm giảm chất lượng hạt lúa. Mặt khác lúa trổ sớm hơn lịch bón phân đón đồng của nông dân nên lúa không được tăng cường dinh dưỡng dẫn đến năng suất lúa trà sớm giảm.

Như vậy trong 5 năm gần nhất thì có tới 3 năm năng suất lúa đồng xuân vùng đồng bằng sông Cửu Long sụt giảm do các yếu tố khách quan. Còn nhớ vụ Đông xuân năm 2016 hạn hán, xâm nhập mặn đã biến kết quả sản xuất lúa nơi đây thành ký ức buồn nhất lịch sử hơn 40 năm, năng suất lúa giảm đến 7,0 tạ/ha; Vụ Đông xuân năm 2017 mưa trái mùa và sâu bệnh tiếp tục gia tăng gây thiệt hại cho sản xuất lúa đồng xuân, năng suất lúa giảm thêm 1,6 tạ/ha; đến năm 2019 năng suất lúa lại một lần nữa sụt giảm, lần này con số là 1,4 tạ/ha.

Đến năm mất giá

Vụ Đông xuân năm nay nông dân đồng bằng sông Cửu Long phải chịu cảnh cây lúa mất mùa, mất luôn cả giá, giá bán thóc đầu vụ ở phần lớn diện tích thu hoạch của trà lúa sớm giảm từ 500 đến 1000 đồng/kg. Mặc dù Chính phủ đã cố gắng đồng hành cùng Doanh nghiệp, trợ giá mua thóc, gạo, nhưng thực tế việc chờ được đến khi giá bán thóc được bảo lãnh thì lúa trên bông đã già hạt hơn bình thường, dễ rụng hơn và cũng đã khô hạt trên bông quá nhiều; điều này có lợi cho các thương lái nhưng lại thiệt hại cho người nông dân. Đây là chưa kể đến phần trợ giá cho việc mua gạo đối với các doanh nghiệp. Nếu tính toán sâu hơn, giá thành sản xuất lúa đồng xuân năm nay cao hơn năm trước từ 60 đến 70 đồng/kg, mặc dù chi phí sản xuất cho 01 ha lúa có thấp hơn năm trước do ít sâu bệnh hơn nhưng năng suất giảm nên giá thành sản xuất lúa lại bị tăng lên, lợi nhuận thấp hơn năm trước, có thể thấp hơn đến 8,6 triệu đồng/ha như ở Tiền Giang.

Sản xuất lúa vẫn là trung tâm chú ý ở đồng bằng sông Cửu Long, tuy nhiên kết quả sản xuất những năm gần đây cho thấy chúng ta chưa nhận được kết quả xứng đáng với những nỗ lực khắc phục biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Chính vì vậy, tái cơ cấu cây trồng là bước đi đúng đắn, đặc biệt giải pháp chuyển diện tích lúa kém hiệu quả sang trồng cây trồng khác hoặc sản xuất thủy sản đang từng bước thể hiện được tính phù hợp. Hy vọng những năm tiếp theo đồng bằng sông Cửu Long sẽ sớm vượt qua chặng đường khó khăn, tái cơ cấu cây trồng hiệu quả, đạt được nhiều thắng lợi./.

VIỆT NAM VỚI XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

ThS. Đặng Đình Toàn

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

Xu hướng xây dựng đô thị thông minh (smartcity) với sự ứng dụng triệt để các thành tựu cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 đã và đang trở thành phương thức phát triển tất yếu đối với các đô thị, nhất là với những quốc gia có tốc độ đô thị hóa nhanh, trong đó có Việt Nam. Năm 2018, Đề án Phát triển đô thị thông minh bền vững giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt, theo đó, đến năm 2020, Việt Nam sẽ có ít nhất 3 đô thị được phê duyệt Đề án tổng thể về phát triển đô thị thông minh, tổ chức thực hiện đầu tư hạ tầng và phát triển ứng dụng các tiện ích đô thị thông minh.

Phát triển đô thị thông minh - xu hướng tất yếu của thế giới

Hiện nay, có hơn một nửa dân số thế giới đang sống ở các thành phố, vùng đô thị (ước tính 54,7% năm 2017); tỷ lệ này đang có dấu hiệu tiếp tục gia tăng và đến năm 2030, có thể đạt đến 59,5% (theo Cục điều tra dân số Hoa Kỳ). Sự dịch chuyển dân số này đang khiến tiến trình đô thị hóa diễn ra nhanh, mạnh, gây nên sự xáo trộn về

mặt xã hội, khiến các thành phố phải đối mặt với nhiều vấn đề như: Khan hiếm tài nguyên, ô nhiễm môi trường, cơ sở hạ tầng lạc hậu, tắc nghẽn giao thông, xử lý chất thải, chăm sóc sức khỏe... Trong khi đó, các thành phố là những nơi tiêu thụ 80% nguồn tài nguyên và cũng là nơi tạo ra 80% lượng khí thải nhà kính trong khi diện tích chỉ chiếm khoảng 2% diện tích toàn thế giới.

Những vấn đề của đô thị ngày càng trở thành những thách thức mới trong quản trị và tài chính đô thị. Tất cả những thách thức đó đã tạo áp lực buộc các quốc gia phải điều chỉnh quá trình đô thị hóa để tiến tới hình thành những thành phố đáng sống hơn. Chất lượng đô thị hóa không chỉ được phản ánh bằng tăng trưởng mà còn là sự phát triển hài hòa, tổng thể mọi mặt, quá trình đô thị hóa phải được xử lý bởi những giải pháp "thông minh" hơn. Nhu cầu quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực ngày càng trở nên cấp bách, thúc đẩy các cơ quan quản lý của mỗi quốc gia tìm kiếm và xây dựng mô hình quản lý tiên tiến. Trong bối cảnh đó, sự bùng nổ của CMCN 4.0 và sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đã giúp giải quyết các vấn đề phát sinh do tốc độ đô thị hóa quá nhanh, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, tạo động lực giúp cải thiện sức cạnh tranh của đô thị, từ đó hình thành nên các smartcity.

Trên thế giới có nhiều định nghĩa dành cho khái niệm smartcity, tuy nhiên smartcity thường có các đặc điểm chính là thành phố hiện đại, có nền kinh tế số, môi trường thông minh, quản trị thông minh, giao thông thông minh, năng lượng thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh..., và nhiều yếu tố thông minh khác. Trong đó, công nghệ thông tin và truyền thông (hệ thống IoT trong các ứng dụng,

mạng viễn thông (Wifi, 4G/5G), điện thoại thông minh, Big data, hệ thống phân tích sử dụng trí tuệ nhân tạo AI, blockchain...) được ứng dụng, làm cho công việc xây dựng, quản lý và phát triển thành phố trở nên hiệu quả hơn, cung cấp dịch vụ, tiện ích tới người dân và doanh nghiệp thông minh hơn, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; đồng thời đảm bảo phát triển gắn với bảo vệ môi trường.

Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đang có khát vọng và đã xây dựng thành công nhiều smartcity nhằm giải quyết các bài toán khó trong việc quản lý đô thị. Báo cáo nghiên cứu của công ty công nghệ thông tin IDC cho thấy, các nước Châu Á - Thái Bình Dương (không bao gồm Nhật Bản) đã dành riêng một khoản ngân sách đầu tư vào phát triển smartcity lên tới 30 tỷ USD trong năm 2018. Nghiên cứu của IDC cũng đưa ra dự báo khoản đầu tư này sẽ tiếp tục tăng lên trong những năm tới và có thể đạt 54,4 tỷ USD vào năm 2022. Còn theo Reuters, Ấn Độ dự tính sẽ phối hợp các cơ quan nhà nước với các công ty tư nhân đầu tư khoảng 7,5 tỷ USD cho kế hoạch xây dựng 100 smartcity trên khắp đất nước. Tại Mỹ, có tới 66% thành phố đang đầu tư vào các công nghệ phục vụ xây dựng smartcity và 25% trong số những nơi chưa có bất cứ kinh nghiệm gì đang nghiên cứu phương án phát triển đô thị theo hướng smartcity. Với mục tiêu xây dựng 300 đô thị thông minh trước khi kết thúc năm 2019, từ năm 2012, Ủy ban châu Âu (EC) đã công bố sáng kiến Đối tác sáng tạo Châu Âu về thành phố và cộng đồng (European Innovation Partnership on Smart Cities and Communities - EIPSCC); qua đó, có 78 thành phố tại châu Âu đã bắt tay vào quá trình phát triển smartcity. Tại Asean - một trong số những khu vực có tốc độ phát triển



nhanh nhất trên thế giới, đến thời điểm hiện tại cũng đã có những thành tựu nhất định trong quá trình xây dựng smartcity. Trong đó, Singapore đứng thứ 2 tại Bảng xếp hạng 100 đô thị thông minh trên thế giới dựa theo các tiêu chí: Giao thông, phát triển bền vững, quản lý nhà nước, quá trình số hóa, tiêu chuẩn sống, kinh tế sáng tạo.v.v. Thủ đô Kuala Lumpur của Malaysia đứng thứ 84 trong bảng xếp hạng. Ngoài ra, trên bản đồ đô thị thông minh thế giới đã có sự góp mặt của rất nhiều thành phố tiêu biểu như: Barcelona, Luân Đôn, San Francisco, Oslo... với sự phát triển kinh tế - xã hội mức cao, cơ sở hạ tầng hiện đại theo hướng bền vững.

Tại Việt Nam, khái niệm phổ biến smartcity gắn liền với một thành phố hiện đại, ứng dụng CNTT tiên tiến nhất trong các lĩnh vực: Chính quyền điện tử, Môi trường, nước, năng lượng; Giao thông; Quy hoạch và quản lý cơ sở hạ tầng; Giáo dục; Y tế và an sinh xã hội; An ninh xã hội và phát triển Văn hóa du lịch, trong đó người dân được coi là trung tâm. Việc xây dựng thành công mô hình smartcity sẽ tạo ra giải pháp đột phá cho những vấn đề xã hội bức bách của các đô thị và giúp



Việt Nam bắt kịp với xu hướng phát triển đô thị bền vững trên thế giới. Chính vì vậy, mục tiêu xây dựng smartcity nhằm hướng tới cuộc sống tốt đẹp cho người dân, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ là quan điểm nhất quán của Chính phủ Việt Nam.

Kỳ vọng từ nền tảng phát triển smartcity ở Việt Nam

Là một nước đang phát triển, Việt Nam có nhiều cơ hội bắt kịp các nước phát triển trong khu vực để xây dựng thành công các smartcity, hướng tới quốc gia thông minh (smartnation) trong tương lai. Hiện, Việt Nam đã có những nền tảng cơ bản để tiến hành xây dựng các smartcity, mục tiêu là các smartcity bền vững.

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, tính đến hết ngày 10/4/2019, Việt Nam có 819 đô thị (tăng thêm 6 đô thị so với thời điểm năm 2018), bao gồm: 2 đô thị loại đặc biệt (Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh), 19 đô thị loại I, 29 đô thị loại II, 45 đô thị loại III, 84 đô thị loại IV, 640 đô thị loại V với tỷ lệ đô thị hóa ước đạt 38,4% (tăng 1,4% so với cùng thời điểm năm 2017). Tốc độ đô thị hóa tại Việt Nam được đánh giá là nhanh, đứng đầu trong số các nước Đông Nam Á, đây cũng chính

là tiền đề đầu tiên về cơ sở hạ tầng để xây dựng các thành phố thông minh trong tương lai.

Mặt khác, trong vài năm trở lại đây, sự phổ biến của internet và thiết bị di thông minh (smartdevice), đặc biệt phải kể đến điện thoại thông minh (smartphone) đã tăng lên đáng kể. Năm 2018, lượng người dùng internet ở Việt Nam đã đạt đến con số 64 triệu người, chiếm 67% dân số. Theo dammio.com, con số này có thể tăng lên 76,6 triệu người, chiếm 80% dân số vào năm 2020 và Việt Nam hoàn toàn có khả năng lọt vào top 10 quốc gia có tỷ lệ người tiếp cận internet cao nhất thế giới. Thêm vào đó, tốc độ phổ biến của smartphone tại Việt Nam cũng tăng lên đáng kể trong vài năm qua. Comscore Device Essentials cho biết, 33% lượng truy cập Internet tại Việt Nam là trên điện thoại di động; trong đó, thiết bị Android chiếm 60%, Windows 17% và Apple 16%. Tại Việt Nam, tính đến nay, xu hướng số hóa và chuyển đổi kỹ thuật số đã hiện diện trong tất cả các lĩnh vực từ thương mại, thanh toán đến y tế, giáo dục, du lịch và vận tải. Trong khi đó, các smartcity dựa trên nền tảng công nghệ kỹ thuật số và tích hợp

công nghệ thông minh đã tối ưu hóa quy trình giải quyết các “bài toán” xã hội, đặc biệt là Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), Big data, blockchain. Trong năm 2019, trong xu thế bước đầu tiếp cận và triển khai mạng 5G trên thế giới thì Việt Nam cũng là một trong những nước tham gia vào lực lượng tiên phong này. Các nhà mạng Viettel, Vinaphone, Mobifone cũng đã và đang triển khai kế hoạch thí điểm mạng 5G ở một số thành phố lớn như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh... để nâng tốc độ nhanh hơn 20-30 lần so với 4G, với độ trễ rất thấp, nhằm kết nối hàng nghìn tỷ thiết bị, chuyển tải toàn bộ thế giới vật lý vào thế giới ảo, thay đổi cơ bản cuộc sống con người khi vạn vật “cất tiếng nói và giao tiếp” như con người. Dự kiến ban đầu sẽ tập trung vào một số các ngành như smartcity, những cá nhân có nhu cầu cao, hoặc những ứng dụng mới như thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), ô tô tự lái... Những yếu tố trên đã góp phần tạo ra lợi thế về sự phát triển người dùng Internet nói riêng cũng như sự thúc đẩy phát triển công nghệ, nền tảng CNTT nói chung, giúp Việt Nam có nhiều thuận tiện hơn trong quá trình số hóa các chỉ tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số, phúc lợi số...

Ngoài cơ sở hạ tầng và CNTT, các tập đoàn tiên phong và đội ngũ lao động trẻ lĩnh vực công nghệ trong nước cũng là một trong những nhân tố về nhân lực làm tiền đề cho công cuộc xây dựng smartcity. Trong 3-4 năm trở lại đây, ngoài sự góp mặt của cách doanh nghiệp nước ngoài, hai tập đoàn viễn thông hàng đầu của Việt Nam là VNPT và Viettel đã và đang giữ vai trò tiên phong trong công cuộc hợp tác phát triển smartcity ở nhiều địa phương trên cả nước. Thêm vào đó còn có sự góp sức của các doanh nghiệp bất động sản hàng đầu

cũng đang chuyển hướng đầu tư xây dựng smartcity theo xu thế. Một số dự án smartcity hiện nay đang được triển khai tại các thành phố lớn phải kể đến như: Smartcity hai bên trục đường Nhật Tân - Nội Bài với tổng vốn đầu tư hơn 4 tỷ USD), Vinhomes smartcity (Tây Mỗ - Đại Mỗ), Khu đô thị Gia Lâm..., Khu Công viên Mũi Đèn Đỏ và Khu nhà ở đô thị 6 tỉ USD (TP. Hồ Chí Minh)... Ngoài ra, nguồn nhân lực phát triển smartcity của Việt Nam còn đến từ hơn 11,3 nghìn doanh nghiệp thông tin và truyền thông với gần 236,1 nghìn lao động; trên 46,2 nghìn doanh nghiệp hoạt động chuyên môn, hoa khọc, công nghệ với gần 431,8 nghìn lao động, phần lớn đều trong độ tuổi lao động “vàng” từ 16-45 tuổi (Theo số liệu Tổng điều tra kinh tế 2017 của Tổng cục Thống kê).

Song song với đó, lộ trình xây dựng các smartcity đều được chia thành nhiều giai đoạn, với việc lựa chọn lĩnh vực nào sẽ được “thông minh” hóa trước. Hiện, có tới 40% các dự án đang triển khai là về chính phủ thông minh (chính phủ điện tử). Việc phát triển chính quyền điện tử được coi là nòng cốt để xây dựng thành phố thông minh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp khi giao tiếp với cơ quan chính quyền, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trên cơ sở lựa chọn những lĩnh vực thiết yếu nhất cần cải thiện: môi trường, y tế, giáo dục, giao thông, an ninh an toàn, du lịch, quản lý đô thị. Theo Liên hợp quốc, năm 2018, Việt Nam đứng thứ 88/193 quốc gia tham gia khảo sát về Chính phủ điện tử. Theo đó, Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) 2018 của Việt Nam được đánh giá khá cao so với mức trung bình của thế giới, châu Á và khu vực Đông Nam Á, lọt vào top các nước phát triển Chính phủ điện tử ở mức cao. Thêm vào đó, Đề án Phát triển Đô thị

thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 đã trở thành quyết sách định hướng cho quá trình xây dựng smartcity của Việt Nam. Trong đó, mục tiêu tổng quát được xác định rõ: Phát triển đô thị thông minh bền vững ở Việt Nam hướng tới tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, khai thác, phát huy các tiềm năng và lợi thế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực; khai thác tối ưu hiệu quả tài nguyên, con người, nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời đảm bảo tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân, người dân tham gia nghiên cứu, đầu tư xây dựng, quản lý phát triển đô thị thông minh; hạn chế các rủi ro và nguy cơ tiềm năng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và các dịch vụ đô thị; nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, hội nhập quốc tế. Đề án cũng thể hiện rõ những nhiệm vụ, giải pháp chung nhằm xây dựng và phát triển các smartcity và được chia thành 10 nhóm:

Một là, Rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật và ban hành các hướng dẫn về phát triển đô thị thông minh bền vững.

Hai là, Từng bước hình thành và hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về lĩnh vực đô thị thông minh, thúc đẩy nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu ứng dụng đô thị thông minh bền vững.

Ba là, Hình thành, kết nối liên thông, duy trì và vận hành hệ thống dữ liệu không gian đô thị số hóa và cơ sở dữ liệu đô thị quốc gia.

Bốn là, Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông minh trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị.

Năm là, Phát triển hạ tầng đô thị thông minh.

Sáu là, Phát triển các tiện ích thông minh cho dân cư đô thị.

Bảy là, Xây dựng tiềm lực phát triển đô thị thông minh bền vững.

Tám là, Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật trong và ngoài nước.

Chín là, Tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế, trao đổi chuyển giao công nghệ về phát triển đô thị thông minh bền vững.

Mười là, Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về đô thị thông minh.

Đề án cũng nêu rõ, có 7 nhóm nhiệm vụ được ưu tiên triển khai kèm theo lộ trình, phân công thực hiện, đó là: (i) Nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các cơ chế chính sách phát triển đô thị thông minh bền vững tại Việt Nam. (ii) Thiết lập, duy trì và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu không gian đô thị thông minh số hóa liên thông đa ngành. (iii) Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển quy hoạch đô thị thông minh bền vững. (iv) Lập kế hoạch, thu hút nguồn lực đầu tư xây dựng và quản lý phát triển hạ tầng đô thị thông minh. (v) Lập, thẩm định, phê duyệt Chương trình, dự án thí điểm phát triển đô thị thông minh bền vững. (vi) Đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử. (vii). Thúc đẩy việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển, vận hành đô thị thông minh theo các giai đoạn.

Tuy nhiên, từ kinh nghiệm các nước, Diễn đàn Kinh tế Thế giới cho rằng, đầu tư vào chuyển đổi kỹ thuật số ở Việt Nam cần phải có sự tham gia của cả các doanh nghiệp và xã hội. Do đó, để xây dựng thành công smartcity, ngoài sự nỗ lực của chính quyền, rất cần sự tham gia kết hợp của nền tảng công nghệ, con người và nguồn lực tài chính. Bên cạnh đó, Việt Nam cần chú trọng hơn nữa việc thu hút các nguồn lực đầu tư từ xã hội, đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm và tri thức./



Ngành Logistics

VỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Thu Hòa

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và xu hướng toàn cầu hóa, hoạt động logistics ngày càng giữ vai trò quan trọng đối với năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành sản xuất, dịch vụ nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay ngành kinh doanh này vẫn chưa thực sự được tạo điều kiện để phát triển, nhất là khi nhân lực của ngành đang trong tình trạng thiếu hụt cả về số lượng, chất lượng, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Từ sự phát triển của ngành logistics...

Theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới về Chỉ số hoạt động logistics (LPI) năm 2018, Việt Nam đứng thứ 39/160 nước tham gia nghiên cứu, tăng 25 bậc so với năm 2016 và vươn lên đứng thứ 3 trong các nước ASEAN. Việt Nam cũng là nước xếp hạng ở топ đầu trong các thị trường mới nổi. Đây là kết quả tốt nhất mà Việt Nam có được kể từ khi Ngân hàng Thế giới thực hiện việc xếp hạng LPI bắt đầu từ năm 2007 đến nay.

Theo thống kê của Hiệp hội Doanh nghiệp logistics Việt Nam, hiện cả nước có trên 3.000 doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành dịch vụ logistics với nhiều loại hình vận tải, dịch vụ cho thuê kho bãi, hải quan, xuất nhập khẩu, xếp dỡ... Năm 2018, đánh dấu nhiều bước chuyển mình của ngành logistics, theo đó, hạ tầng cho logistics đã có những bước phát triển mạnh, theo hướng hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm, nhiều tuyến đường cao tốc, cầu lớn đã và đang được nâng cấp xây dựng tập trung vào các công trình có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Về các dự án giao thông đường bộ, năm 2018 cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, cao tốc Hải Phòng - Hạ Long, Hạ Long - Vân Đồn... đã đi vào hoạt động, tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn, hiện đại, góp phần tạo sự kết nối hạ tầng giao thông giữa các tuyến

đường bộ, tăng lưu lượng hàng hóa vận chuyển, từ đó tạo đòn bẩy cho sự phát triển của dịch vụ logistics Việt Nam trong những năm tới.

Về đường biển, cảng quốc tế Lạch Huyện (Hải Phòng) đã đưa vào khai thác, đáp ứng nhu cầu bốc xếp hàng hóa vận tải bằng đường biển ngày càng tăng của các tỉnh, thành phố, khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Khi đi vào khai thác, cảng Lạch Huyện sẽ góp phần đưa hàng hóa xuất, nhập khẩu của khu vực miền Bắc cũng như cả nước có thể đi thẳng tới thị trường châu Âu, châu Mỹ, mà không phải trung chuyển qua các cảng tại khu vực như Singapore, Hồng Kông. Điều này sẽ góp phần giảm đáng kể chi phí vận tải, tăng năng lực cạnh tranh đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, còn góp phần thu hút lượng hàng quá cảnh khu vực Đông Bắc Lào qua tuyến hành lang Đông - Tây và khu vực Nam Trung Quốc.

Về hàng không, cùng với việc nâng cấp các sân bay hiện có, năm 2018, Cảng hàng không Vân Đồn là sân bay đầu tiên của Việt Nam được đưa vào hoạt động. Các sân bay hiện đang mở rộng năng lực tiếp nhận hàng hóa, một số sân bay như Cần Thơ đang xem xét việc xây dựng trung tâm logistics hàng không hiện đại để phục vụ nhu cầu ngày càng tăng tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

Bên cạnh đó, trong năm 2018, hạ tầng logistics tính bao gồm các trung tâm logistics, trung tâm phân phối, cảng cạn, kho ngoại quan cũng có sự gia tăng về số lượng và nâng cấp về công nghệ. Ngoài các chức năng chính gồm bảo quản, dán nhãn, đóng gói, chia tách, xử lý hàng hóa, chuẩn bị đơn đặt hàng, các trung tâm logistics

đang chuyển sang ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng hóa, theo dõi, truy xuất vị trí. Một số trung tâm logistics chuyên dùng được tự động hóa gần như hoàn toàn như các trung tâm logistics của Samsung, Unilever, P&G, Vinamilk, Masan. Các trung tâm logistics lớn hiện nay tập trung ở khu vực Hải Phòng, Đồng Nai và Bình Dương, áp dụng hệ thống quản lý hiện đại thuộc các doanh nghiệp Gemadept, TBS, Tân Cảng Sài Gòn, Transimex, Mapletree, Damco, DHL, Kerry Express, Viettel Post...

... đến thực trạng và nguyên nhân sự khan hiếm nhân lực

Có thể thấy, với doanh thu khoảng 40 tỷ USD/năm, chiếm 21-25% GDP, logistics đang trở thành một trong những lĩnh vực mũi nhọn của nền kinh tế. Theo đánh giá của Bộ Công Thương, nhờ đà tăng trưởng của kinh tế nói chung và xuất nhập khẩu nói riêng cũng như sự quan tâm phát triển dịch vụ logistics của Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương, ngành dịch vụ logistics tiếp tục đà tăng trưởng của các năm trước với mức độ tăng trưởng khoảng 12-14%. Tuy nhiên, điều này đang tạo ra một nghịch lý, đó là hiện có rất nhiều cơ hội việc làm trong ngành logistics cho thế hệ trẻ, song chính chất lượng nhân lực lại đang trở thành thách thức phát triển trong Ngành. Không chỉ thiếu về số lượng, ngành logistics Việt Nam đang đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao cả về kỹ năng, kiến thức chuyên môn và trình độ tiếng Anh chuyên ngành. Mặc dù năm 2018, số lượng các trường, viện, cơ sở tham gia đào tạo về logistics đã có sự gia tăng đáng kể, chương trình đào tạo được nâng cấp theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp, gắn với thực tế, đội ngũ

giáo viên gia tăng về số lượng và nâng cao về trình độ. Lao động trong các doanh nghiệp logistics đã được áp dụng nhiều giải pháp công nghệ trong quản lý kho bãi, quản lý phương tiện và quản lý hàng hóa giúp cho hoạt động dịch vụ được thực hiện tốt hơn, nhanh hơn... tuy nhiên, thực tế cho thấy, lao động ngành logistics hiện mới chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu ở Việt Nam.

Theo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH), cả nước hiện có 24 trường cao đẳng và trung cấp đào tạo các ngành, nghề thuộc lĩnh vực logistics với quy mô đào tạo hàng năm từ 4.500 – 6.000 người trình độ cao đẳng và trung cấp. Ngoài ra, các trường và các trung tâm giáo dục nghề nghiệp đào tạo hàng năm từ 12.000 – 17.000 lượt người ở các trình độ sơ cấp và ngắn hạn dưới 3 tháng về logistics. Trong khi đó, theo Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA), để đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực cho hơn 3.000 doanh nghiệp đang tham gia cung cấp dịch vụ logistics tại Việt Nam, giai đoạn 2017 - 2020, cần thêm khoảng 20.000 lao động chất lượng cao, có trình độ chuyên môn và đến năm 2030, số lượng người lao động mới cần thêm lên tới 200.000 lao động trình độ cao gấp 10 lần so với năm 2020, đáp ứng đủ các yêu cầu về kỹ năng, kiến thức chuyên môn và trình độ tiếng Anh.

Đội ngũ nhân lực logistics hiện nay được tạo ra từ nhiều nguồn khác nhau: Tại các cơ sở đào tạo bậc đại học/sau đại học và nghề, hiệp hội và doanh nghiệp. Tuy nhiên, bắt cập của việc đào tạo là chưa đáp ứng được yêu cầu và chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao, thiếu kiến thức toàn diện, trình độ công nghệ thông tin

và truyền thông (ICT) còn hạn chế. Nhân lực cũng chưa theo kịp sự phát triển của logistics thế giới. Trình độ tiếng Anh nghiệp vụ logistics còn hạn chế, chỉ khoảng 4% nhân lực thông thạo tiếng Anh nghiệp vụ, 30% doanh nghiệp phải đào tạo lại nhân viên. Ngoài ra, đội ngũ quản lý thường là cán bộ chủ chốt được điều động đến các công ty logistics. Đội ngũ này được đào tạo và tái đào tạo để đáp ứng nhu cầu quản lý. Phần lớn họ thiếu kiến thức và kinh nghiệm kinh doanh, ít được cập nhật tri thức mới, phong cách lãnh đạo và quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu. Đội ngũ nhân viên nghiệp vụ phần lớn tốt nghiệp đại học nhưng từ những chuyên ngành ngoài logistics. Lực lượng lao động trực tiếp như bốc vác, xếp dỡ, lái xe, kiểm đếm hàng kho bãi... đa số có trình độ học vấn thấp, chưa được đào tạo tác phong làm việc chuyên nghiệp...

Theo nhận định từ các chuyên gia, những nguyên nhân khiến nhân lực ngành logistics Việt Nam còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng là do:

- Hiện số trường được đào tạo mã ngành logistics ở bậc đại học còn hạn chế. Theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học, chỉ các trường thuộc khối ngành đào tạo về quản lý công nghiệp và hạ tầng công nghiệp được phép mở chương trình đào tạo ở bậc đại học và sau đại học liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng nên chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng cũng như chất lượng nguồn nhân lực ngày càng cao của ngành logistics hiện nay.

- Nội dung các chương trình đào tạo về logistics ở Việt Nam còn sơ lược, khái quát, phần thực hành

chưa nhiều. Bên cạnh đó, nguồn tài liệu tham khảo, sách giáo khoa về loại hình dịch vụ này còn nghèo nàn nên chưa đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu thông tin, học tập của sinh viên. Số lượng các chuyên gia được đào tạo chuyên nghiệp trong lĩnh vực này vẫn còn quá ít so với nhu cầu thực tiễn phát triển của ngành dịch vụ này tại Việt Nam. Đào tạo nhân lực cho ngành dịch vụ logistics ở bậc đại học hiện nay tập trung chủ yếu ở các cơ sở đào tạo thuộc ngành thương mại và ngành giao thông vận tải. Mặc dù các doanh nghiệp, hiệp hội, trung tâm và các liên đoàn nghề nghiệp cũng đã tích cực tham gia đào tạo nhân lực cho ngành logistics, song nhìn chung các cơ sở đào tạo này còn yếu về chuyên môn, thiếu giáo viên và năng lực tuyển sinh còn gặp nhiều khó khăn. Việc đào tạo nguồn nhân lực logistics của các đơn vị này bước đầu chủ yếu đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực đang đảm nhận công việc liên quan đến logistics của doanh nghiệp.

- Các doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics còn thiếu chủ động trong hoạt động đầu tư, phát triển nguồn nhân lực cho Ngành. Sự liên kết giữa các doanh nghiệp và các trường đại học còn chưa chặt chẽ. Ngoài ra, do logistics là một ngành học mới nên đa phần sinh viên chưa có nhiều thông tin để có thể tìm hiểu và lựa chọn ngành nghề để học.

Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho ngành logistics

Có thể nói, nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, có kỹ năng sẽ là tiền đề cho sự phát triển các doanh nghiệp logistics của Việt Nam trong điều kiện hội nhập, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước. Theo đó, Quyết định

số 200/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 cũng đã nêu rõ 1 trong 6 nhóm nhiệm vụ quan trọng là “Đào tạo, nâng cao nhận thức và chất lượng nguồn nhân lực ngành logistics”. Do đó, bài toán về nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho ngành logistics hiện nay là một nhu cầu cấp thiết đối với các doanh nghiệp ngành dịch vụ logistics nói riêng và các ngành sản xuất nói chung. Để phát triển nguồn nhân lực cho ngành logistics ở nước ta, cần triển khai một số giải pháp sau:

- Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ban, ngành liên quan nhằm phân định rõ vai trò, chức năng và trách nhiệm của mỗi cơ quan, đơn vị trong Chiến lược phát triển logistics nói chung và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong ngành logistics nói riêng. Điều đó sẽ giúp tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nguồn nhân lực cho Ngành, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

- Mở rộng và nâng cấp chương trình đào tạo các ngành hoặc chuyên ngành liên quan tới logistics hiện có. Có kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn giảng viên tại các cơ sở đào tạo, trường, viện... đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành logistics. Đồng thời, từng bước thành lập các trường, các cơ sở đào tạo chuyên ngành logistics riêng biệt, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong hội nhập quốc tế và phù hợp với xu hướng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Các trường cần kết hợp cùng doanh nghiệp có kinh nghiệm nhằm tạo

môi trường tiếp cận, giúp sinh viên đi thực tế, thực tập tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực này, qua đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về triển vọng nghề nghiệp, nắm bắt được các yêu cầu của nghề nghiệp cũng như các quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế liên quan tới hoạt động logistics.

- Tiếp tục phát huy vai trò của các chương trình đào tạo ngắn hạn, trung hạn được thực hiện bởi các trung tâm, hiệp hội và các công ty đào tạo. Động viên các tổ chức này có kế hoạch hợp tác đào tạo với các chuyên gia hoặc tổ chức nước ngoài tại các quốc gia có dịch vụ logistics phát triển mạnh và hiệu quả.

- Ngoài ra, để có thể thu hút được nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực logistics, các doanh nghiệp, công ty cần có chương trình hỗ trợ sinh viên thực tập, qua đó tăng tính hấp dẫn của công việc đối với sinh viên vào làm việc tại công ty, từ đó tăng cơ hội lựa chọn nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao hiểu biết và định hướng nghề nghiệp đối với đội ngũ sinh viên trong mỗi cơ sở đào tạo giáo dục. Chính phủ cũng cần trao đổi và mở rộng cơ hội hợp tác đào tạo quốc tế cho các cơ sở đào tạo đại học, tạo môi trường thuận lợi cho việc đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, đem cơ hội học bổng nhằm khuyến khích, thu hút sinh viên chuyên ngành logistics.

Với mục tiêu phát triển mạnh nguồn nhân lực ngành logistics ở Việt Nam trong thời gian tới, cơ hội và khả năng thành công đối với các sinh viên ngành logistics cũng được đánh giá là sẽ cao hơn, đặc biệt đối với các sinh viên được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao, được làm việc thực tế trong các doanh nghiệp... Do vậy, các cơ sở giáo dục phải không ngừng cải thiện chất lượng, hiệu quả của từng khóa học, tạo cơ hội cho học viên tiếp cận cả lý thuyết, thực tế và cả xu hướng phát triển của logistics trên thế giới... để từng bước đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Ngành trong xu thế hội nhập hiện nay./.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NAM: Chú trọng công tác quản lý thị trường

Tháng 5/2019 ước tính tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh Hà Nam đạt trên 2,0 nghìn tỷ đồng, tăng 14,3% so với cùng tháng năm 2018. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2019 tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 9,9 nghìn tỷ đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2018. Theo loại hình kinh tế, kinh tế cá thể đạt 6,2 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 62,9%, tăng 13,2%; kinh tế tư nhân đạt 3,6 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 36,7%, tăng 15,3%; Theo nhóm hàng, thương mại đạt 8,5 nghìn tỷ đồng, tăng 13,7%; lưu trú và ăn uống đạt 808,1 tỷ đồng, tăng 15,5%; dịch vụ đạt 542,2 tỷ đồng, tăng 13,4%; dịch vụ lữ hành đạt 9,9 tỷ đồng, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2018.

Có được kết quả trên là do công tác quản lý thị trường trên địa bàn tỉnh Hà Nam được chú trọng. Lực lượng Quản lý thị trường tỉnh thường xuyên tăng cường công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc, vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm; chống đầu cơ, găm hàng. Đồng thời, chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng tổ chức kiểm tra, kiểm soát kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, cũng như làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật kinh doanh đến với tổ chức, cá nhân, từ đó đã góp phần vào việc bình ổn giá cả thị trường, bảo đảm thị trường phát triển lành mạnh./.

(Nguồn: Số liệu Cục Thống kê tỉnh Hà Nam)

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: Công nghiệp chế biến, chế tạo là điểm sáng trong sản xuất công nghiệp

Chi số sản xuất công nghiệp tháng 5/2019 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tăng 8,3% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 5,83%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước tăng 1,4%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,22%. Ngành có chỉ số sản xuất tăng cao góp phần làm chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng là công nghiệp chế biến, chế tạo với tốc độ tăng 16,92%. Đa số chỉ số sản xuất các ngành cấp 2 trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đều tăng như: Sản xuất đồ uống tăng 52,58%; dệt tăng 26,13%, sản xuất trang phục tăng 17,33%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 11,33%; sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất tăng 25,78%; sản xuất kim loại tăng 16,56%; sản xuất từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) tăng 42,72%;

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tăng 1,68% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó: Chỉ số sản xuất khai khoáng giảm 2,17%, nguyên nhân là do sản lượng khai thác dầu thô giảm 5,71%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,49%. Chỉ số sản xuất của nhiều ngành cấp 2 trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng cao như: Sản xuất đồ uống tăng 41,41%; sản xuất trang phục tăng 17,65%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 17,34%; sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất tăng 27,28%; sản xuất từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) tăng 21,76%;... Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước giảm 1,02% so với cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,22%. Chỉ số sản xuất công nghiệp trừ dầu thô và khí đốt 5 tháng đầu năm 2019 ước tăng 8,21% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, sản lượng dầu thô khai thác toàn tỉnh ước là 4.904 nghìn tấn, giảm 5,71% so với cùng kỳ năm trước; khí tự nhiên dạng khí ước 3.856 triệu m³, tăng 1,74%; tôm đông lạnh ước 4.462 tấn, tăng 20,79%; bia dạng lon ước 39,3 triệu lít, tăng 41,41%; urê là 433.641 tấn, tăng 8,11%; sắt, thép không hợp kim cán phẳng không gia công quá mức cán nóng là 661.932 tấn, tăng 11,64%; điện sản xuất là 13.627 triệu kwh, có chỉ số so với lũy kế cùng kỳ giảm 1,2%./

(Nguồn: Số liệu Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

KHÁNH HÒA: Sôi động Festival Biển 2019

Sự kiện Festival Biển 2019 với chủ đề «Sắc màu của biển» là dịp để Khánh Hòa quảng bá hình ảnh, nét đẹp văn hóa của xứ sở Trầm Hương đến du khách trong và ngoài nước. Để phục vụ đón khách, các cơ sở kinh doanh du lịch đã có sự chuẩn bị khá tốt. Cùng với đó là một loạt các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao đặc sắc diễn ra trong tuần lễ Festival thu hút đáng kể lượng du khách như: Giải bóng đá bãi biển Khánh Hòa; Lễ hội Lân-Sư-Rồng đường phố; Giải việt dã hưởng ứng Năm du lịch Quốc gia và Festival biển Nha Trang - Khánh Hòa 2019 cúp TTC; Hội chợ hàng Việt 2019; triển lãm ảnh nghệ thuật «Quê hương - Con người Khánh Hòa, Đà Nẵng, Hải Phòng»; Triển lãm mỹ thuật «Sắc biển»; Lễ hội Cà phê Mê Trang; Thi đấu cờ người khu vực Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên; Lễ hội bia tươi Louisiane; Biểu diễn hát Ví dặm và Quan họ; Lễ hội Cầu Ngư... Tháng 5/2019, doanh thu du lịch của tỉnh ước đạt 2,0 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so tháng

trước, với 587 nghìn lượt khách và 1.810 nghìn ngày khách, tăng lần lượt là 5,26% và 5,59%. Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, doanh thu hoạt động du lịch ước đạt 9,5 nghìn tỷ đồng, tăng 21,6% so cùng kỳ năm trước; khách lưu trú ước đạt 2,7 triệu lượt người với gần 8,3 triệu ngày khách, tăng lần lượt là 11,06% và 20,4%, trong đó có trên 1,4 triệu lượt khách quốc tế, chủ yếu đến từ Trung Quốc, Liên bang Nga và Hàn Quốc. Số lượt khách tham quan du lịch trên toàn tỉnh 5 tháng đầu năm 2019 được 13,38 triệu lượt người (không tính khách tham quan bằng tàu biển), tăng 23,79% so cùng kỳ năm trước./

(Nguồn: Số liệu Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa)

QUẢNG BÌNH: Thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp

Thời tiết tại Quảng Bình trong những tháng đầu năm tương đối thuận lợi cho công tác gieo trồng cây hàng năm trong vụ sản xuất Đông Xuân năm 2019, do đó tình cơ bản kết thúc gieo trồng đúng lịch thời vụ, hầu hết các địa phương gieo trồng hết diện tích, một số cây trồng diện tích có giảm nhưng không đáng kể.

Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân năm 2019 ước đạt 54,5 nghìn ha, giảm 0,4% so với vụ Đông Xuân năm trước, trong đó diện tích cây lúa ước đạt 29,6 nghìn ha, giảm 0,9%. Nguyên nhân diện tích lúa giảm chủ yếu là do chuyển đổi mục đích sử dụng sang xây dựng cơ bản và chuyển đổi cây trồng.

Một số cây trồng có diện tích gieo trồng tăng so với vụ Đông Xuân năm trước như: Cây lấy củ có chất bột 9,2 nghìn ha, tăng 0,04%; Cây mía 194,3 ha, tăng 17,9%; Cây có hạt chứa dầu 4,3 nghìn ha, tăng 3,5%; Cây hàng năm khác 2,5 nghìn ha, tăng 15,4%. Nhiều diện tích cây ngô, khoai lang, khoai sọ được thay thế trồng cây khác như hoa các loại, cây gia vị, dược liệu hàng năm, cây thức ăn gia súc... cho cho hiệu quả kinh tế cao hơn.

Tuy một số thời điểm có nắng nóng gay gắt, một số nơi có xuất hiện sâu bệnh nhưng với thời tiết tương đối thuận lợi nên cây trồng phát triển tốt, cho năng suất khá. Ước tính năng suất bình quân chung của cây lúa đạt 62,27 tạ/ha, tăng 0,7% so với vụ Đông Xuân năm trước. Cây ngô đạt 58,71 tạ/ha, tăng 1,3%; cây khoai lang đạt 79,36 tạ/ha, tăng 2,1%; khoai sọ đạt 99,44 tạ/ha, tăng 4,7%;... Dù có năng suất khá song do diện tích gieo trồng giảm nhẹ, nên sản lượng lương thực vụ Đông Xuân 2019 giảm nhẹ (0,2%) so vụ Đông Xuân năm trước./

(Nguồn: Số liệu Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình)



Bình Dương:

Sáng tạo, hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới

Thu Hường

Theo Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bình Dương hiện đang là địa phương đứng thứ 4 trong cả nước về xây dựng nông thôn mới (NTM), vượt xa nhiều tỉnh, thành khác nhờ những cách làm riêng, sáng tạo và hiệu quả. Đến nay, 100% xã trên địa bàn tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn NTM. Tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí NTM nâng cao để làm cơ sở đánh giá việc nâng cao các tiêu chí, hướng đến chăm lo đời sống của người dân nông thôn ngày một tốt hơn.

Sáng tạo, hiệu quả trong xây dựng NTM

Ngay từ đầu giai đoạn 2010-2015, tỉnh Bình Dương đã thực hiện chủ trương huy động mọi nguồn lực để xây dựng NTM, cũng như lồng ghép với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia khác, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn theo hướng hiện đại. Theo đó, các địa phương trong tỉnh đã chủ động, linh hoạt huy động nguồn lực từ Nhà nước, nhân dân, doanh nghiệp phục vụ xây dựng NTM, trong đó phong trào thi đua "Toàn tỉnh chung sức xây dựng NTM" được các cấp, các ngành và

nhân dân trong tỉnh nhiệt tình tham gia.

Từ đó tới nay, Bình Dương đã luôn có những cách làm sáng tạo, hiệu quả, phát huy được sức dân trong xây dựng NTM. Chẳng hạn, đối với việc xây dựng cơ sở hạ tầng tại các vùng nông thôn, tỉnh đã lồng ghép với chiến lược đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ công nghiệp hóa, đô thị hóa toàn tỉnh. Nhờ đó, các công trình giao thông, trường học, y tế... được đầu tư đồng bộ, giảm được chi phí không cần thiết...

Song song với việc xây dựng NTM, Bình Dương đã lồng ghép những chương trình phát triển

nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản. Qua đó, tỉnh đã kêu gọi được nhiều nhà đầu tư rót vốn vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, góp phần thay đổi tư duy sản xuất của người nông dân tại các địa bàn nông thôn trong tỉnh.

Từ những kết quả bước đầu đạt được trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010-2015, trong 3 năm qua (2016-2018), Tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các ngành liên quan đổi mới phương pháp, đa dạng hóa cách thức

tuyên truyền để các cơ chế, chính sách, những cách làm hay, mô hình hiệu quả trong xây dựng NTM... đến rộng rãi với các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; Các địa phương tiếp tục đầu tư nâng chất lượng các tiêu chí NTM, như giao thông, văn hóa, giáo dục, y tế, điện, nước sạch nông thôn, môi trường...

Với sự quyết tâm vào cuộc của cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, sự đồng lòng hưởng ứng của nhân dân, doanh nghiệp, Bình Dương đã đạt nhiều kết quả tích cực trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Tổng nguồn vốn huy động trong giai đoạn 2016-2018 để xây dựng NTM là 6,7 nghìn tỷ đồng, trong đó, vốn ngân sách là 2,9 nghìn tỷ đồng. Điều đáng mừng là đến nay, không có địa phương nào của tỉnh để xảy ra tình trạng nợ công trong xây dựng NTM.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở vùng nông thôn trong Tỉnh được đầu tư ngày càng hoàn thiện, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao. Kết quả này được thể hiện qua những tiêu chí NTM cơ bản như: Duy trì 100% số xã đạt chuẩn y tế; 100% nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng, không còn nhà tạm, nhà dột nát; 100% số ấp sử dụng điện thoai di động, cố định không dây và truy cập Internet bằng nhiều hình thức; 100% số xã có nhà văn hóa ấp đạt tiêu chí; 66,3% trường học đạt chuẩn quốc gia. Đến nay, 100% tuyến xã, đường từ trung tâm xã đến huyện, thị trong tỉnh đã được nhựa hóa (tăng 15% so với 2015), 100% đường trục ấp và đường liên ấp được nhựa hóa, bê tông hoặc cứng hóa, 100% đường ngõ xóm không lầy lội vào mùa mưa (tăng 21% so với năm 2015),

Bài học kinh nghiệm khi xây dựng NTM tại Bình Dương

Theo văn phòng điều phối NTM tỉnh Bình Dương, quá trình xây dựng NTM của Bình Dương đã rút ra nhiều bài học quan trọng, trong đó, xác định xây dựng NTM là quá trình lâu dài nên không thể vội vàng huy động một lúc tối đa nguồn lực. Chính vì vậy, để đạt kết quả cao trong xây dựng NTM phải có sự bàn bạc thống nhất giữa Nhà nước và nhân dân để thực hiện các công trình, dự án ưu tiên hoàn thành trước, làm rõ nhiệm vụ của Nhà nước và nhân dân; cùng với đó triển khai các đồ án, đề án để người dân hiểu rõ và đồng thuận góp công, góp của để hoàn thành mục tiêu đề ra. Đồng thời, trong xây dựng NTM, tỉnh luôn lấy người dân làm trọng tâm, các công trình xây dựng, nhất là giao thông nông thôn phải công khai, dân chủ trên cơ sở dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi, từ đó tạo sự đoàn kết, đồng lòng cùng nhau góp sức xây dựng NTM.

100% đường trục chính nội đồng bảo đảm vận chuyển hàng hóa. Toàn Tỉnh có 42 chợ nông thôn (tăng 2 chợ so với năm 2015); tỷ lệ hộ dân sử dụng điện tại khu vực nông thôn đạt 99,98%, tăng 0,58% so với năm 2015... Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều mới của tỉnh còn 1,62% (trong đó hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là 0,65%, hộ thuộc chỉ tiêu giảm nghèo là 0,97%); tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch đạt 73%; thu nhập bình quân đầu người ở vùng nông thôn đạt 58 triệu đồng (tăng 11% so với năm 2015)...

Tính đến cuối năm 2018, toàn Tỉnh có 43/46 xã đạt 19 tiêu chí được công nhận đạt chuẩn NTM, trong đó huyện Dầu Tiếng đạt chuẩn NTM vào năm 2015; thị xã Tân Uyên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2016. Và trong những tháng đầu năm 2019, 03 xã còn lại trên địa bàn tỉnh gồm: An Bình, Phước Hoà (huyện Phú Giáo) và Trừ Văn Thố (huyện Bàu Bàng) được công nhận xã đạt chuẩn NTM năm 2018. Như vậy, đến nay, 100% xã của tỉnh Bình Dương đều đã hoàn thành xây dựng NTM.

Xây dựng NTM nâng cao

Có thể nói, để đạt được những kết quả tích cực trong công cuộc xây dựng NTM là do chính quyền và nhân dân tỉnh đã nêu cao chủ trương không chạy theo hình thức, chú trọng chất lượng với mục đích chính là nâng cao đời sống cư dân nông thôn, chương trình NTM của Tỉnh đã có bước đi đúng hướng, vững chắc.

Để chương trình xây dựng NTM ngày càng đi vào chiều sâu, UBND Tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2018-2020 tại Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 16/7/2018, làm cơ sở đánh giá việc nâng cao các tiêu chí sau khi đạt chuẩn NTM. Các chỉ tiêu nâng cao đều hướng tới việc chăm lo đời sống của người dân ở nông thôn tốt hơn, giảm khoảng cách được hưởng các dịch vụ giữa nông thôn và thành thị, tạo điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân ở nông thôn.

Căn cứ Quyết định này, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng



tâm như: UBND các huyện, thị chỉ đạo UBND các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM rà soát, đánh giá các tiêu chí đạt được, tiếp tục đầu tư thực hiện nâng chất các tiêu chí còn hạn chế để đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2017-2020 ban hành tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh. Đối với các xã đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2017-2020, khẩn trương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện xã NTM nâng cao giai đoạn 2018-2020, nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. Các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn UBND các huyện, thị tổ chức thực hiện các tiêu chí nâng cao thuộc lĩnh vực ngành quản lý. UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, hướng dẫn UBND các huyện, thị lựa chọn xây dựng một số mô hình điểm để thực hiện xây dựng xã NTM kiểu mẫu làm cơ sở cho việc tổ chức triển khai nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.

Với mục tiêu xây dựng NTM nhằm chăm lo đời sống của người dân nông thôn ngày một tốt hơn, trong năm 2019, Bình Dương phấn đấu có 5 - 7 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao, kiểu mẫu; có thêm 2 huyện đạt chuẩn NTM, nâng tổng số huyện, thị xã đạt chuẩn NTM lên 5 huyện, thị xã. Đến năm 2020, tỉnh phấn đấu có 12 - 15 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, kiểu mẫu; 100% huyện, thị xã đạt chuẩn NTM và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Để đạt được mục tiêu trên, Bình Dương sẽ tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ cấp cơ sở và nhân dân nắm vững mục tiêu, phương pháp xây dựng NTM, qua đó phát huy vai trò chủ đạo của nhân dân trong thực hiện xây dựng NTM tại địa phương; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn phù hợp với định hướng, lộ trình phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thị, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm. Đồng thời thực hiện lồng ghép các nguồn vốn, ưu tiên đầu tư cho những công trình cấp bách như nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, bảo vệ môi trường, cơ sở vật chất y tế, văn hóa, trường học...; song song với việc xây dựng mới, tiếp tục thực hiện cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường giao thông, cây xanh, cảnh quan môi trường trong các khu dân cư nông thôn để xây dựng môi trường sống văn minh, xanh, sạch, đẹp trong thời gian tới./.

Kể từ khi triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2011 đến nay, có thể nói xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào thi đua sôi nổi, lan tỏa trong cả nước và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Theo Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương, tính đến tháng 3/2019, cả nước đã có 4.144 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, tăng 306 xã so với cuối năm 2018. Có được kết quả đó là nhờ cách làm sáng tạo của nhiều địa phương, điển hình là việc xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu tại nhiều tỉnh, thành phố như: Hà Tĩnh, Quảng Ninh, Quảng Nam, Đồng Nai, Thanh Hóa, TP. Hồ Chí Minh, Lào Cai, Quảng Ngãi...

Hà Tĩnh là một trong những địa phương dẫn đầu trong phong trào xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu. Xuất phát từ thực tiễn là địa phương thường xuyên chịu tác động của biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan, cùng tính bền vững chưa cao của kết quả những năm đầu thực hiện chương trình xây dựng NTM, năm 2014, Hà Tĩnh đã mạnh dạn xây dựng thí điểm 5 khu dân cư NTM kiểu mẫu và 240 vườn mẫu đại diện cho ba vùng sinh thái với những chính sách cụ thể nhằm khuyến khích người dân tích cực tham gia. Giai đoạn đầu thực hiện (2014-2016), Hà Tĩnh hỗ trợ 300 triệu đồng/khu dân cư NTM kiểu mẫu; 20 triệu đồng/vườn mẫu (mỗi xã 10 vườn) đối với xã phấn đấu đạt chuẩn trong năm và năm kế tiếp, tập trung hỗ trợ chủ yếu cho các nội dung như: Quy hoạch, làm hàng rào xanh, hỗ trợ giống cây, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất... Tiếp sau đó, Hà Tĩnh ban hành bộ tiêu chí về khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu và có chính sách thưởng theo kết quả đầu ra, mỗi khu dân cư NTM kiểu mẫu đạt chuẩn thưởng 300 triệu đồng, mỗi vườn mẫu đạt chuẩn thưởng 05 triệu đồng. Với những bước đi, cách làm cụ thể, sáng tạo, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng khu dân cư mẫu, vườn mẫu của tỉnh Hà Tĩnh đã trở thành phong trào rộng khắp, đi vào chiều sâu, mang lại hiệu quả cao hơn, hài hòa hơn về KT-XH - môi trường và gặt hái được những kết quả đáng mừng, không chỉ góp phần đưa chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới (NTM) của Tỉnh phát triển nhanh, bền vững mà còn được chọn làm gương điển hình để triển khai nhân rộng trong cả nước.

Tính đến năm 2018, toàn tỉnh Hà Tĩnh có 1.116/1.802 (chiếm 62%) thôn triển khai xây dựng khu dân cư kiểu mẫu và trên 8.200 vườn triển khai thực hiện vườn mẫu, trong đó có 228 khu dân cư, 2.300 vườn mẫu đạt chuẩn. Sự hình thành các khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu đã tạo nên làng quê trù phú trên mảnh đất "chảo lửa, túi mưa", đồng thời tạo sự chuyển biến lớn về nhận thức, ý thức

KHU DÂN CƯ KIỂU MẪU, VƯỜN MẪU SỰ BỀN VỮNG TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Bích Ngọc

của người dân trong việc phát triển kinh tế, làm thay đổi được tập quán của người dân từ sản xuất truyền thống tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, kết nối thị trường; khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng đất vườn và tận dụng được lao động nhàn rỗi, từ đó từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong tỉnh. Hà Tĩnh hiện có trên 1.200 vườn cho doanh thu từ 500 triệu đồng/năm trở lên, trong đó có 261 vườn cho doanh thu trên 1 tỷ đồng/năm. Thu nhập bình quân/vườn ở vùng đồng bằng đạt trên 70 triệu đồng, miền núi và bán sơn địa trên 150 triệu đồng. Song song cùng hiệu quả kinh tế, việc xây dựng các khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu đồng thời giúp Hà Tĩnh khôi phục, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và hình thành nét văn hóa cộng đồng NTM văn minh.

Tiêu biểu, tại thôn Sơn Bình, xã Thượng Lộc (thuộc huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh), mô hình khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu đã gây ấn tượng bởi không gian, cảnh quan, môi trường và những kết quả về phát triển kinh tế, văn hóa. Tính đến năm 2018, 100% các vườn hộ của thôn được quy hoạch và thực hiện tuân thủ quy hoạch, trong đó có 15 vườn mẫu đạt chuẩn. Trên địa bàn có 19 mô hình sản xuất

cho thu nhập trên 100 triệu đồng, thu nhập bình đầu người 33,2 triệu đồng/năm. Hệ thống đường giao thông trục thôn, ngõ xóm có tổng chiều dài 7,8 km được bê tông hóa; 100% các tuyến đường đều xây bồn hoa, trồng hàng rào xanh, đảm bảo chuẩn theo quy định. Trong khi đó, thôn Phong Giang, xã Tiên Điền (thuộc huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh) lại gây chú ý bởi cách xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tập trung vào nâng cấp các tuyến đường, chỉnh trang vườn hộ, khuôn viên nhà văn hóa thôn, khởi tạo xây dựng mô hình lưu trú tại gia (homestay)... trở thành điểm đến của không ít du khách trong và ngoài nước.

Tại tỉnh Quảng Ninh, trên cơ sở bộ tiêu chí quốc gia, Tỉnh đã chủ động xây dựng bộ tiêu chí mới giai đoạn 2016-2020, gồm 20 tiêu chí, 53 chỉ tiêu, trong đó có tiêu chí số 20 về xã NTM kiểu mẫu, khu dân cư (thôn) NTM kiểu mẫu, vườn mẫu NTM. Thực hiện tiêu chí mới này, ngoài việc tập trung đầu tư nguồn lực, các địa phương trong tỉnh triển khai xây dựng kế hoạch, xác định lộ trình thực hiện xây dựng điểm thôn (khu) NTM kiểu mẫu, vườn mẫu NTM, hộ gia đình kiểu mẫu... Đối với xây dựng vườn mẫu NTM, các địa phương tập trung triển khai quy hoạch và thực hiện quy hoạch

vườn hộ, chỉnh trang lại vườn hộ để trồng các loại cây có giá trị kinh tế; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác vườn hộ, đặc biệt là thực hiện ứng dụng hệ thống tưới nước tự động; xây dựng môi trường, cảnh quan vườn hộ, di chuyển và chỉnh trang lại chuồng trại chăn nuôi, đầu tư và cải tạo hệ thống thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường, thu gom và phân loại chất thải rắn... Với sự chung sức của người dân và chính quyền các cấp, năm 2018, tỉnh Quảng Ninh đã và đang thực hiện 1.094 vườn mẫu, trong đó có 351 vườn đạt chuẩn.

Một địa phương khác cũng đạt được kết quả thành công trong xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu là tỉnh Quảng Nam. Năm 2016, Quảng Nam ban hành Quyết định số 2663/QĐ-UBND về Bộ tiêu chí khu dân cư NTM kiểu mẫu giai đoạn 2016 – 2020 và huy động tối đa nguồn lực cho thực hiện NTM. Theo đó, tổng kinh phí huy động được là gần 260 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước các cấp hỗ trợ 73,3 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 11,2 tỷ đồng, còn lại là lồng ghép và vận động từ các kênh khác.

Theo báo cáo Sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh Quảng Nam, toàn tỉnh hiện có 135 thôn

đăng ký xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu. Bình quân chung số tiêu chí đạt chuẩn của 01 khu dân cư NTM kiểu mẫu là 5,83 tiêu chí/10 tiêu chí, tăng 2,53 tiêu chí so với trước khi thực hiện mô hình; đã có 57 thôn (năm 2017: 20 thôn và năm 2018: 37 thôn) được công nhận đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu. Cùng với đó, Quảng Nam vận động người dân tập trung thực hiện mô hình vườn mẫu nhằm phát huy lợi thế sẵn có của địa phương. Đến nay, đáng vót những khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu đã và đang tạo sức bật mạnh mẽ trong việc hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí NTM cũng như góp phần giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, nét đặc thù của từng vùng, miền ở xứ Quảng, quan trọng hơn là nâng cao đáng kể thu nhập của người dân nông thôn. Đến cuối năm 2018, theo số liệu sơ bộ của Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 31,58 triệu đồng/người/năm (tăng 10,472 triệu đồng so với năm 2015 và tăng 3,98 triệu đồng so với năm 2017).

Một trong những địa bàn khởi sắc nhờ phong trào xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu của tỉnh Quảng Nam là thôn Đại Bình (thuộc xã Quế Trung, huyện Nông Sơn). Khác với hình ảnh xưa kia, khu dân cư Đại Bình ngày nay đã hình thành nhiều khu vườn chuyên canh các loại cây ăn quả đặc sản bản địa, vừa tạo cảnh quan vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện toàn thôn có 22ha bưởi trụ, 6ha sầu riêng và 10ha cam, quýt, lòn bon..., hàng năm cho thu nhập 6 - 8 tỷ đồng. Cùng với đó là sự xuất hiện ngày một nhiều nhà vườn cung cấp các dịch vụ ẩm thực, homestay... thu hút lượng lớn khách du lịch.

Còn tại tỉnh Đồng Nai, việc xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu được triển khai theo mô

hình “sáng – xanh – sạch – đẹp – an toàn”, thực hiện thí điểm tại 4 khu dân cư thuộc các xã, huyện khác nhau. Bên cạnh đó, Đồng Nai đưa ra tiêu chí đạt chuẩn kiểu mới giai đoạn 2016-2020 đối với các tiêu chí thuộc 3 nội dung: Môi trường cảnh quan; văn hóa; an ninh trật tự và an toàn xã hội. Thực hiện tiêu chí mới, tỉnh đặt ra lộ trình thực hiện cụ thể gồm 3 giai đoạn: Năm 2018, hoàn thành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tạm thời giai đoạn 2018-2020; Năm 2019-2020, hoàn thành thực hiện thí điểm đối với 04 khu dân cư kiểu mẫu được chọn; Năm 2020, tổng kết và nhân rộng mô hình. Đi vào triển khai thực tế, Đồng Nai đã xây dựng mô hình khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường với nhiều cách làm hay khác nhau. Toàn tỉnh hiện có 749 mô hình khu dân cư tự quản bảo vệ môi trường, kết quả đó đã góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, thói quen của người dân theo hướng văn minh, hiện đại.

Có thể nói, phong trào xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu đã thực sự lan tỏa trong cả nước, tô màu áo mới cho các miền quê nông thôn Việt Nam, mang lại cảnh quan tươi đẹp, môi trường sạch sẽ, giàu bản sắc văn hóa đặc trưng, duy trì được các mô hình sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... an toàn, gắn kết với thị trường và đem đến cho người nông dân đời sống tinh thần lành mạnh, phấn khởi.

Tuy nhiên, trên thực tế việc xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu tại một số địa phương cũng phải đối mặt không ít khó khăn như: Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu còn hạn chế; việc thực hiện mô hình vườn mẫu gặp khó khăn trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản ... Điều này đòi hỏi các tỉnh, thành phố cần nhanh chóng có những giải pháp

tháo gỡ kịp thời để phong trào xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu lan tỏa sâu rộng hơn.

Trong thời gian tới xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu vẫn được coi là nền tảng quan trọng để hướng tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu và huyện nông thôn mới kiểu mẫu. Do đó, các bộ, địa phương cần xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và quá trình đô thị hoá; nghiên cứu, phát triển các mô hình khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu gắn kết với du lịch trải nghiệm (Homestay); thúc đẩy liên kết sản xuất, coi trọng hỗ trợ các mô hình hợp tác xã kiểu mới, kết nối với doanh nghiệp và thị trường.

Mục tiêu hướng tới xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn, tạo dựng mối quan hệ đoàn kết, gắn bó tình làng nghĩa xóm, sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ. Vì vậy, các tỉnh, thành phố cần đưa ra các tiêu chí, chỉ tiêu phù hợp điều kiện thực tiễn, văn hóa của từng vùng, miền để phát huy tối đa lợi thế của địa phương, bảo đảm công bằng, chất lượng trong việc xem xét, công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu để từ đó nhận được sự đồng thuận cao của người dân địa phương và là hình mẫu cho các địa phương khác học tập, noi theo. Trong đó, chú trọng các nội dung liên quan trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của người dân, như: Việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập, mức hưởng thụ văn hóa của người dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng; công tác bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp; xây dựng mối quan hệ tình làng, nghĩa xóm tốt đẹp; công tác đảm bảo an toàn an ninh trật tự ở khu dân cư nông thôn.../.

MỘT SỐ KẾT QUẢ TÍNH TOÁN CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG TỪ NGUỒN DỮ LIỆU LỚN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Bình - Cục Thống kê Tp. Hồ Chí Minh

Lê Thị Thanh Loan - Trường Đại học Tôn Đức Thắng Tp. Hồ Chí Minh

Hiện nay, rất nhiều cơ quan thống kê quốc gia của các nước đang triển khai nghiên cứu sử dụng nguồn dữ liệu lớn để sản xuất số liệu thống kê chính thức. Một số nước đã xây dựng chiến lược về dữ liệu lớn (Big data strategy) như: Trung quốc, Đan mạch, Phần Lan, Ý, Nhật, Bồ Đào Nha, Romania, Serbia, Thụy Điển, Anh quốc, đặc biệt là triển khai các dự án thống kê chính thức sử dụng dữ liệu lớn để xử lý các vấn đề có liên quan đến giá. Nhận thức được tiềm năng trong việc khai thác dữ liệu lớn, nhóm tác giả thực hiện đề tài “Khai thác dữ liệu lớn trong việc tính chỉ số giá tiêu dùng tại thành phố Hồ Chí Minh” đã nghiên cứu sử dụng công nghệ Web Scraper và các công nghệ tiên tiến khác để thu thập thông tin giá từ 28 trang web trực tuyến lớn và có uy tín để tính chỉ số giá tiêu dùng của thành phố Hồ Chí Minh. Qua nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy các số liệu được thu thập, tổng hợp khá phù hợp với diễn biến thực tế và xu hướng thị trường tại thành phố Hồ Chí Minh cũng như không chênh lệch nhiều so với chỉ số giá tiêu dùng đang được tính toán hiện nay. Mặc dù còn một số hạn chế nhất định nhưng đây là nguồn dữ liệu tốt, đáng tin cậy và cũng mở ra một hướng mới trong công tác thu thập, tổng hợp, sản xuất số liệu thống kê chính thức.

Phương pháp nghiên cứu

Để tính toán CPI từ nguồn dữ liệu lớn, nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng: Phương pháp thu thập dữ liệu, Phương pháp tổng hợp CPI dựa trên dữ liệu lớn.

Dữ liệu được thu thập 3 kỳ trong tháng: Kỳ 1 thu thập vào ngày 01 tháng báo cáo; Kỳ 2 thu thập vào ngày 10 tháng báo cáo; Kỳ 3 thu thập vào ngày 20 tháng báo cáo.

Thời gian thu thập dữ liệu: Bắt đầu từ năm 2017.

Quy trình thu thập và xử lý

- **Bước 1:** Vào các ngày 1, 10 và 20 hàng tháng tiến hành thu thập thông tin tại các trang. Các thông tin này đều là dữ liệu phi cấu trúc.

- **Bước 2:** Xử lý dữ liệu từ phi cấu trúc thành có cấu trúc

Bước này chủ yếu là quá trình “dạy” máy hiểu được ngôn ngữ, bao gồm các nội dung:

(1) Tuyển chọn kỹ thuật viên để xử lý thông tin đã được thu thập vào máy theo cấu trúc quy định; (2) Thiết kế và viết chương trình nhập tin; (3) Tập huấn kỹ thuật viên; (4) Tiến hành cho kỹ thuật viên xử lý thông tin (10% mẫu); (5) Viết chương trình xử lý ngôn ngữ để máy có thể hiểu và xử lý dữ liệu; (6) Kiểm tra dữ liệu sau khi máy đã xử lý; (7) Nếu dữ liệu đạt chất lượng từ 80% trở lên, cho máy xử lý toàn bộ

dữ liệu; (8) Nếu chất lượng dữ liệu chưa đạt tới 80%, tiến hành mở thêm 5% mẫu xử lý và quay lại bước tiến hành cho kỹ thuật viên xử lý thông tin.

- **Bước 3:** Xử lý dữ liệu. Kiểm tra giá các mặt hàng biến động (cao hoặc thấp nhiều) so với tháng trước. Gán giá cho các mặt hàng có giá ở kỳ trước nhưng không có giá ở kỳ này (mặt hàng nào gán giá 3 lần thì sẽ bị loại bỏ, không đưa vào tính toán CPI).

- **Bước 4:** Tính CPI

(1) Tính chỉ số giá cá thể của các mặt hàng hóa và dịch vụ đại diện tháng báo cáo so với tháng trước theo công thức sau:

$$i_{p_i}^{t \rightarrow t-1} = \frac{\bar{P}_i^t}{\bar{P}_i^{t-1}} \times 100$$

Trong đó:

$\bar{P}_i^t$: giá bình quân tháng báo cáo t của mặt hàng hóa hoặc dịch vụ đại diện i;

$\bar{P}_i^{t-1}$: giá bình quân tháng trước t-1 của mặt hàng hóa hoặc dịch vụ đại diện i.

(2) Tính chỉ số giá của nhóm hàng cấp 4 tháng báo cáo so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng của nhóm cấp 4 được tính theo phương pháp bình quân nhân giản đơn, công thức sau đây:

$$I_p^{IV} = \left[\prod_{i=1}^n (i_{pi}) \right]^{(1/n)}$$

Trong đó:

i_p : chỉ số giá nhóm cấp 4;

i_{pi} : chỉ số giá cá thể của các các hàng hóa hoặc dịch vụ đại diện i trong nhóm cấp 4 cần tính;

n: số mặt hàng đại diện tham gia tính chỉ số nhóm cấp 4.

(3) Tính chỉ số giá của các nhóm cấp 4 tháng báo cáo so với kỳ gốc theo công thức:

$$I_j^{t \rightarrow 0} = I_j^{t-1 \rightarrow 0} \times I_j^{t \rightarrow t-1}$$

Trong đó:

$I_j^{t \rightarrow 0}$: chỉ số giá nhóm mặt hàng j tháng báo cáo t so với kỳ gốc cố định;

$I_j^{t-1 \rightarrow 0}$: chỉ số giá nhóm mặt hàng j tháng trước tháng báo cáo t-1 so với kỳ gốc cố định;

$I_j^{t \rightarrow t-1}$: chỉ số giá nhóm mặt hàng j tháng báo cáo t so với tháng trước t-1.

(4) Tính chỉ số giá từ nhóm cấp 3 trở lên đến cấp 1 và chỉ số chung tháng báo cáo so với kỳ gốc theo công thức sau:

$$I^{t \rightarrow 0} = \prod (I_{p_x}^{t \rightarrow 0})^{W_x^0}$$

Trong đó :

$I_{p_x}^{t \rightarrow 0}$: chỉ số giá kỳ báo cáo so với kỳ gốc của nhóm cần tính;

$I_{p_x}^{t \rightarrow 0}$: chỉ số giá kỳ báo cáo so với kỳ gốc của nhóm X (nhóm cấp dưới nhóm cần tính);

W_x^0 : quyền số cố định của nhóm X (nhóm cấp dưới nhóm cần tính).

(5) Tính chỉ số giá của thành phố: Chỉ số giá của thành phố được tính từ chỉ số của các nhóm hàng tương ứng giữa hai khối: thu thập online và thu thập theo phương pháp truyền thống. Quyền số ngang được sử dụng để tính chỉ số giá cả thành phố theo các nhóm hàng từ cấp 4 đến cấp 1 và chỉ số chung.

Nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu lớn và tính toán CPI tại thành phố Hồ Chí Minh theo 4 phương pháp như sau:

- Phương pháp 1: Sử dụng công thức bình quân cộng để tính giá bình quân từ dữ liệu lớn và dùng giá này để tính CPI.

- Phương pháp 2: Sử dụng công thức bình quân nhân để tính giá bình quân từ dữ liệu lớn và dùng giá này để tính CPI.

- Phương pháp 3: Kết hợp giữa chỉ số giá tính theo phương pháp truyền thống và phương pháp

thu thập từ dữ liệu lớn. Phương pháp này tính toán quyền số dựa vào phía cầu hàng hóa (người tiêu dùng), do thu nhập và tỷ trọng chi tiêu hàng hóa và dịch vụ có khác biệt giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn nên phương pháp này tính toán riêng chỉ số giá tiêu dùng cho khu vực thành thị và chỉ số giá tiêu dùng cho khu vực nông thôn. Sau đó kết hợp hai chỉ số này thành chỉ số giá chung cho toàn thành phố với quyền số là tỷ trọng chi tiêu của từng khu vực. Dựa vào Kết quả khảo sát của Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao, người tiêu dùng chọn mua hàng trực tuyến phần lớn tập trung ở khu vực thành thị, phương pháp này sẽ xem kết quả tính toán CPI được thu thập từ dữ liệu lớn ở phương pháp 1 là đại diện cho chi tiêu của người dân ở khu vực thành thị, kết hợp với kết quả tính toán CPI được thu thập từ phương pháp truyền thống ở khu vực nông thôn (đại diện cho chi tiêu của người dân ở khu vực nông thôn). Quyền số kết hợp là tỷ trọng chi tiêu của khu vực thành thị và tỷ trọng chi tiêu của khu vực nông thôn (Theo Tổng cục Thống kê quyền số này là cố định, 5 năm mới thay đổi 1 lần).

- Phương pháp 4: Kết hợp giữa chỉ số giá tính theo phương pháp truyền thống và phương pháp thu thập từ dữ liệu lớn. Phương pháp này tính toán quyền số dựa vào phía cung hàng hóa (doanh nghiệp và hộ cá thể bán lẻ hàng hóa và dịch vụ), do đó sẽ tính toán riêng chỉ số giá tiêu dùng do khối doanh nghiệp cung cấp và chỉ số giá tiêu dùng do khối cá thể cung cấp. Dựa vào danh sách mạng lưới điều tra CPI tại TP.HCM giai đoạn 2015-2019, mà phần lớn mạng lưới được thu thập từ các chợ truyền thống, phương pháp này sẽ xem kết quả tính toán CPI được thu thập từ phương pháp truyền thống đại diện cho khối cá thể và kết quả tính toán CPI được thu thập từ dữ liệu lớn ở phương pháp 1 (toàn bộ hàng hóa và dịch vụ đều được phân phối bởi các doanh nghiệp bán lẻ) đại diện cho khối doanh nghiệp. Quyền số kết hợp là tỷ trọng tổng mức bán lẻ của khối doanh nghiệp và khối cá thể chia chi tiết theo từng nhóm hàng (quyền số này thay đổi hàng năm, dựa vào kết quả điều tra doanh nghiệp hoặc có thể thay đổi theo từng tháng, dựa vào báo cáo tháng của doanh nghiệp mẫu và hộ cá thể mẫu).

Kết quả nghiên cứu

Trong quá trình tìm kiếm các trang web phù hợp, nhóm nghiên cứu đã quan sát nhiều trang thương mại điện tử lớn của Việt Nam và chọn ra 28 trang web lớn và có uy tín để thu thập giá.

Kết quả tính toán thực nghiệm từ dữ liệu lớn đã thu thập và tổng hợp được cụ thể như sau:

Bảng 4: Chỉ số giá tiêu dùng các tháng so tháng trước

ĐVT: %

	Phương pháp truyền thống (*)	Phương pháp 1	Chênh lệch giữa PP truyền thống với PP1	Phương pháp 2	Phương pháp 3	Phương pháp 4	Chênh lệch giữa PP truyền thống với PP4
Tháng 10/2017	100,63	100,66	-0,02	100,59	100,65	100,65	-0,02
Tháng 11/2017	100,17	100,22	-0,05	100,09	100,21	100,21	-0,03
Tháng 12/2017	100,05	100,12	-0,07	100,11	100,11	100,10	-0,05
Tháng 01/2018	100,19	100,49	-0,30	100,41	100,46	100,42	-0,23
Tháng 02/2018	100,34	100,37	-0,02	100,39	100,36	100,36	-0,02
Tháng 03/2018	99,70	99,96	-0,26	99,97	99,94	99,92	-0,22
Tháng 04/2018	100,12	100,01	0,11	100,04	100,02	100,04	0,08
Tháng 05/2018	100,43	100,22	0,21	100,23	100,27	100,32	0,11
Tháng 06/2018	100,55	100,33	0,22	100,33	100,34	100,36	0,19
Tháng 07/2018	99,91	99,89	0,02	99,88	99,90	99,92	-0,02
Tháng 08/2018	100,48	100,20	0,27	100,19	100,21	100,22	0,25
Tháng 09/2018	100,81	100,66	0,15	100,68	100,68	100,71	0,10
Tháng 10/2018	100,64	100,44	0,20	100,45	100,46	100,49	0,15
Tháng 11/2018	99,59	99,78	-0,19	99,84	99,76	99,73	-0,14

(*) Nguồn: Niên giám Thống kê - Cục Thống kê TP. HCM

Kết quả tính toán CPI từ dữ liệu lớn ở cả 4 phương pháp đều thể hiện đúng xu hướng và không có chênh lệch nhiều so với CPI truyền thống. Trong giai đoạn 14 tháng tính toán CPI so tháng trước thì có 6 tháng CPI tính theo phương pháp truyền thống cao hơn CPI tính từ dữ liệu lớn và có 8 tháng thấp hơn. Đặc biệt có 3 tháng, mức chênh lệch này chỉ có 0,02% tháng có mức chênh lệch cao nhất là 0,25%.

So với CPI truyền thống, CPI được tính theo phương pháp 4 có mức độ chênh lệch thấp nhất trong 4 phương pháp tính và là phương pháp kế thừa, kết hợp giữa phương pháp 1 và CPI tính theo phương pháp truyền thống. Phân tích số liệu trong giai đoạn từ tháng 10/2017 đến tháng 11/2018 cho thấy, hai phương pháp thu thập dữ liệu (truyền thống và dữ liệu thu thập từ dữ liệu lớn) cho kết quả tính CPI tương đối giống nhau: Từ tháng 10/2017 đến tháng 11/2018, chỉ số giá tiêu dùng của 2 phương pháp này tăng lần lượt là 3,23% và 3,48% (chênh lệch không đáng kể: 0,25% trong giai đoạn 14 tháng). /.

Ba con Bò!!

Sáng tác: Vũ Liêm (TCTK)

Một lần đến hộ ông A điều tra về chăn nuôi, Điều tra viên hỏi ông chủ: Tại thời điểm 1/4 nhà mình có mấy con bò? Bò đực hay cái?

Ông chủ trả lời: Có 01 con bò cái;

Điều tra viên hỏi tiếp: Đến 1/4 sang năm số bò nhà ông có thay đổi không? Tăng lên hay giảm đi?



Ông chủ trả lời: Nếu thuận lợi, có 02 con, con bò cái này và con bê?

Điều tra viên đang tập trung ghi thông tin vào phiếu, thì cô con gái của ông chủ tiếp lời:

Phải là 3 con chứ, hôm qua bố chả nói: Anh của con uống rượu nhiều, ngu như bò ấy! sang tháng không cưới cô hàng xóm làm vợ nữa mà cho lấy con bò trong chuồng!

Điều tra viên và ông chủ !!!

DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Thu Hường

Theo thông tin từ tổ chức Thú y thế giới (OIE), tính từ năm 2017 đến tháng 4/2019, đã có hàng chục quốc gia thông báo về sự xuất hiện của dịch tả lợn châu Phi. Mỗi quốc gia tùy tình hình đã có những biện pháp để ứng phó ở các mức độ khác nhau.

Dịch tả lợn châu Phi lây lan khắp thế giới

Tả lợn châu Phi được phát hiện lần đầu ở Kenya vào năm 1921 và nhanh chóng lan sang các quốc gia châu Phi khác. Năm 1957, dịch tấn công Bồ Đào Nha. Đây là lần đầu tiên tả lợn châu Phi ảnh hưởng đến châu lục khác song đã được kiểm soát ngay lập tức.

Ba năm sau, dịch tả lợn châu Phi lại trở dậy ở Bồ Đào Nha với quy mô lớn. Từ đây, bệnh lan sang Tây Ban Nha, Pháp, Italy, Malta, Bỉ, Hà Lan rồi vượt đại dương đến Trung và Nam Mỹ (Cuba, Cộng hòa Dominica, Haiti, Brazil).

Năm 2007, dịch tả lợn châu Phi vào Georgia qua cảng và lan sang các nước láng giềng như Armenia và Azerbaijan. Cuối năm đó, dịch xâm nhập Nga qua những con lợn rừng mắc bệnh ở biên giới với Georgia. Ban đầu, dịch chỉ ảnh hưởng đến quần thể lợn rừng phía nam nước này, sau đó lây sang lợn nuôi. Từ năm 2009 đến 2011, Nga đã trải hai đợt bùng phát dịch tả lợn châu Phi.

Tháng 7/2012, Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) nhận báo cáo của

Ukraine về lần đầu tiên dịch xuất hiện trên lợn nuôi. Tháng 6/2013, đến lượt Belarus bị ảnh hưởng. Từ năm 2014 đến 2015, dịch tả lợn châu Phi tiếp tục xuất hiện ở các nước châu Âu nhưng chủ yếu ảnh hưởng tới lợn rừng. Năm 2017, dịch lan sang hai nước mới là Czech và Romania.

Theo thống kê của OIE, dịch tả lợn châu Phi đã xuất hiện cách đây khoảng 100 năm và đến nay, đã có 59 quốc gia và vùng lãnh thổ từng xuất hiện dịch bệnh. Đặc biệt, từ năm 2017 đến nay, tình hình dịch bệnh ngày càng trở nên nghiêm trọng khi có 25 quốc gia và vùng lãnh thổ ghi nhận xuất hiện dịch tả lợn châu Phi với hơn 6.500 ổ dịch; số lợn phải tiêu hủy trên toàn thế giới lên đến trên 1,1 triệu con. Trong đó, nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là Trung Quốc - nhà sản xuất thịt lợn lớn nhất thế giới. Thịt lợn là thực phẩm được sản xuất và tiêu thụ rất nhiều tại các nước châu Á nên các chuyên gia cho rằng, virus tả lợn chắc chắn sẽ xâm nhập vào các nước khác trong khu vực.

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp quốc (FAO) cho biết dịch tả lợn hiện không có vaccine và không thể chữa. Virus dịch tả lợn châu Phi có thể ẩn mình vài tháng trong thịt heo đã qua xử lý và thậm chí vài năm trời trong thịt heo đông lạnh. Các chuyên gia an toàn sinh học nhận định trong vòng một năm tới, có khả năng dịch tả lợn châu Phi sẽ lan tới Mỹ, đe dọa gây thiệt hại 22 tỷ USD/năm.

Biện pháp ứng phó của các nước trên thế giới

Trung Quốc

Dịch tả lợn châu Phi lần đầu được phát hiện tại Thẩm Dương, Trung Quốc vào đầu tháng 8/2018 với 47 con lợn bị nhiễm bệnh và chết. Tính đến thời điểm hiện tại, Trung Quốc đã báo cáo phát hiện dịch tại 30 tỉnh, thành phố với 122 ổ dịch, trong đó có 119 ổ dịch lợn nhà, 3 ổ dịch lợn rừng; số lượng lợn bị tiêu hủy lên đến hơn 950.000 con. Đây là thách thức ở một quốc gia sở hữu gần một nửa số lợn trên thế giới.

Khác với các nước châu Âu chủ yếu chăn nuôi trên quy mô công nghiệp, hệ thống chăn nuôi lợn hiện tại của Trung Quốc bao gồm nhiều loại hình, từ những doanh nghiệp hiện đại, quy mô lớn đến hàng loạt các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, đóng góp hơn 27% sản lượng quốc gia. Vì vậy, khi có dịch tả lợn châu Phi xuất hiện, Trung Quốc đã quyết liệt triển khai nghiêm ngặt các biện pháp để kiểm soát dịch bệnh, trong đó có việc đóng các cửa chợ buôn bán lợn sống, không cho phép vận chuyển lợn và các sản phẩm của lợn ra khỏi địa bàn các tỉnh có bệnh; đồng thời thiết lập các vùng bị dịch đe dọa là 3km và vùng bảo vệ là 10km; tiêu hủy đàn lợn nhiễm bệnh và các đàn có nguy cơ, kèm theo việc hỗ trợ tài chính với mức 115 USD/con lợn (không phân biệt lợn to, nhỏ). Trung Quốc đã tổ chức kiểm tra, rà soát tình hình dịch bệnh tại hơn 23 nghìn địa điểm, bao gồm

giám sát lâm sàng và chủ động lấy mẫu xét nghiệm của lợn chết, lợn bệnh; tăng cường các quy định giết mổ để kiểm soát dịch bằng cách buộc các cơ sở giết mổ phải xét nghiệm vi rút tả lợn châu Phi (ASF) cho sản phẩm lợn trước khi bán ra thị trường, thực hiện giết mổ lợn có nguồn gốc khác nhau ở những khu vực mổ riêng rẽ. Nếu một ổ dịch ASF được phát hiện, các lò mổ phải tiêu hủy tất cả lợn, đồng thời đình chỉ hoạt động trong ít nhất 48 giờ.

Hiện nay, một số cơ sở chăn nuôi lợn lớn tại Trung Quốc đã sử dụng công nghệ cao để nhận diện sớm dịch. Truyền thông địa phương cho biết, các doanh nghiệp công nghệ lớn như Alibaba và JD.com còn dùng công nghệ nhận dạng khuôn mặt và giọng nói để giám sát sức khỏe của lợn nuôi, phát hiện những triệu chứng bệnh và thay đổi trong hành vi của con vật. Công ty Yingzi Technology ở Trung Quốc đang tiên phong trong công nghệ nhận diện khuôn mặt lợn, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao và coi là cuộc “cách mạng hóa” trong ngành công nghiệp thịt lợn. Đây là một chiến lược mà ngành công nghiệp thịt lợn của Australia cũng quan tâm, bởi vì công nghệ này có khả năng nhận ra lợn bị bệnh từ lâu trước khi một người nông dân nhận thấy.

Bộ Nông nghiệp và nông thôn Trung Quốc cho biết, hiện tình hình dịch đã được kiểm soát hiệu quả với xu hướng chậm lại, có 108 vùng dịch và 21 tỉnh, thành phố đã dỡ bỏ cách ly, phong tỏa dịch tả lợn châu Phi. Từ tháng 12/2018 đến nay, số lượng vùng dịch mới xuất hiện thấp hơn nhiều so với số vùng dịch được dỡ bỏ phong tỏa; ba tháng đầu năm 2019, số ổ dịch xuất hiện bình quân mỗi tháng thấp hơn 10 vùng; tình hình chăn nuôi lợn và cung ứng thịt lợn ở Trung Quốc đã cơ bản ổn định.

Về các giải pháp phòng chống dịch tả lợn châu Phi thời gian tới, Trung Quốc sẽ kiên trì thực hiện đồng bộ hiệu quả các giải pháp,

tiến hành phòng chống theo vùng miền, địa bàn; tích cực tham gia hợp tác quốc tế trong phòng chống dịch, cũng như tăng cường nghiên cứu các công nghệ liên quan đến vaccine phòng dịch.

Ba Lan

Ba Lan, quốc gia thành viên sản xuất lợn lớn thứ tư trong EU, đại diện cho biên giới xa nhất phía Tây của khu vực ghi nhận dịch tả lợn châu Phi. Trong năm 2016, Ba Lan có trên 9,5 nghìn lợn nái, sinh sản khoảng 11,3 triệu con lợn tại 172,2 nghìn trang trại. Các trang trại có quy mô hơn 200 con chiếm 61,5% sản lượng lợn ở Ba Lan.

Theo báo cáo của các nhà sản xuất lợn ở Ba Lan, dịch tả lợn châu Phi đã được phát hiện tại 107 trang trại lợn và trên 900 con lợn rừng. Hầu hết các đàn lợn dương tính với dịch bệnh đều từ các trang trại có ít hơn 20 con; chỉ duy nhất một trang trại hơn 1.000 con hoạt động theo quy trình từ nuôi đến giết mổ bị nhiễm bệnh. Để ngăn chặn sự lây lan của dịch tả lợn châu Phi, chính quyền và nhà sản xuất Ba Lan đã thực hiện nhiều biện pháp kiểm soát; bao gồm xét nghiệm tất cả các con lợn bổ sung, kiểm dịch và thực hiện khoanh vùng kiểm soát; tăng cường làm sạch, khử trùng và làm rào chắn. Lợn ở các trang trại nhiễm bệnh bị tiêu hủy và bồi thường cho chủ sở hữu.

Do lợn rừng là một trong những nguồn lây nhiễm ASF nên các bác sĩ thú y cũng được coi là một nhân tố rủi ro làm lan truyền bệnh, đặc biệt khi họ tiếp xúc với lợn nhiễm bệnh hoặc lợn rừng. Ba Lan khuyến khích thợ săn và nhân viên lâm nghiệp thông báo khi có lợn rừng chết bằng các khoản tiền thưởng. Nhà chức trách Ba Lan cho rằng khả năng chính gây ra sự lan truyền ASF rộng rãi năm 2016 và đầu năm 2017 là do các hoạt động vận chuyển động vật trái phép. Việc không tuân thủ các quy tắc an toàn sinh học cũng được xác định là một nguyên nhân lây lan, bao gồm cả

việc sử dụng giường rơm cho động vật, thức ăn cỏ bị ô nhiễm hoặc cho lợn ăn thức ăn thừa. Khoảng 30% nông dân Ba Lan đã chấp nhận bồi thường và đồng ý ngừng nuôi lợn trong ít nhất ba năm.

Đức

Chưa có trường hợp nhiễm dịch tả lợn châu Phi nào được phát hiện ở Đức mặc dù quốc gia này giống như Ba Lan, có số lợn rừng lớn. Theo số liệu thống kê, các thợ săn ở Đức đã giết khoảng 600 nghìn con lợn rừng trong năm 2016. Ngành chăn nuôi lợn của Đức có 1,9 triệu con lợn nái, 48,8 triệu con lợn thịt giết mổ hàng năm và có khoảng 8.000 trang trại lợn nái. Đây là một trong những quốc gia chăn nuôi, cung cấp thịt chính ở châu Âu.

Đức có chính sách bảo hiểm để chi trả bồi thường cho nông dân bị ảnh hưởng do dịch bệnh được lấy từ chính phủ và các khoản nộp bắt buộc của nông dân chăn nuôi. Nông dân có lợn nhiễm dịch tả lợn châu Phi trong khu vực kiểm soát có thể nhận được tiền bảo hiểm tương đương 50% giá trị thị trường, các quỹ công lập sẽ chịu trách nhiệm trả 50% còn lại.

Đan Mạch

Đan Mạch cũng là một quốc gia cung cấp thịt lợn chính ở châu Âu. Tại đây, có 8,7 nghìn trang trại nuôi lợn với hơn 13,4 triệu con lợn giết mổ. Nông dân Đan Mạch sản xuất 2 triệu tấn thịt lợn hàng năm, trong đó 95% được xuất khẩu. Quốc gia này có 12 nhà máy giết mổ trong nước, trong đó có 10 nhà máy được sở hữu và vận hành bởi tập đoàn Danish Crown. Đến nay, Đan Mạch cũng chưa phát hiện trường hợp dương tính với ASF.

Do số lượng lợn rừng ở đây tương đối thấp (ước tính dưới 100 con) nên mối đe dọa lớn nhất đối với việc dịch ASF xâm nhập là thông qua tuyến giao thông vận tải và người di cư. Các nhà sản xuất thịt lợn Đan Mạch đã áp dụng các lệnh hạn chế vận chuyển nghiêm ngặt và những quy trình làm sạch,

khử trùng tuyệt đối. Mặc dù việc tuân thủ những nguyên tắc trên là tự nguyện nhưng báo cáo trên toàn hệ thống chăn nuôi cho biết đã có 99% các nhà sản xuất tuân thủ. Nước này cũng đã dựng hàng rào trị giá hơn 4 triệu Euro dọc theo biên giới Đức nhằm ngăn lợn hoang vào gây ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi nội địa.

Đan Mạch có những trạm rửa xe tải ở biên giới, hàng năm rửa khoảng 26,8 nghìn lượt xe với chi phí 2,1 triệu Euro mỗi năm. Mỗi xe tải được theo dõi bằng GPS để xác minh chính xác những khu nghỉ là có dịch mà xe đã đi qua. Những xe tải này phải được làm sạch và khử trùng kỹ lưỡng trước khi rời Ba Lan và đi qua Đức để trở về một trang trại lợn của Đan Mạch. Khi đến biên giới Đan Mạch, chiếc xe tải

lại phải được kiểm tra và khử trùng một lần nữa và được cấp một chứng chỉ mã màu cho biết các khu vực rủi ro mà xe tải đã ghé qua và xác định thời gian xe tải bị cách ly trước khi trở về những trang trại. Những dữ liệu này được đưa vào cơ sở dữ liệu website cho tất cả các bên liên quan truy cập.

Một số quốc gia khác

Các quốc gia chưa bị lây nhiễm dịch dịch tả lợn châu Phi như: Mỹ, Canada, Mexico hay Australia đều đề cao việc ngăn chặn virus lan truyền vào quốc gia mình qua tất cả các đường hàng hóa, thương mại, hàng không, du lịch... bằng cách kiểm tra ngay tại biên giới và ban hành lệnh cấm nhập khẩu tạm thời các sản phẩm thịt từ những vùng đã mắc bệnh. Các nước cũng tập trung tuân thủ nghiêm ngặt

các thực hành an toàn sinh học trong toàn hệ thống sản xuất và truy cập dữ liệu liên quan giữa các cơ sở sản xuất, bác sĩ thú y, chính quyền và các đội phản ứng nhanh.

Dịch tả lợn châu Phi với đặc tính lây lan nhanh chóng và giết chết lợn rất nhanh, vì vậy, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều nhất trí rằng, phát hiện nhanh dịch bệnh là chìa khóa để ngăn ngừa bệnh lây lan và hạn chế phạm vi ổ dịch. Mặc dù bất kỳ phát hiện nào về dịch bệnh cũng sẽ làm ảnh hưởng đến việc mua bán lợn, cũng như có thể tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu của toàn ngành chăn nuôi lợn của quốc gia đó. Tuy nhiên, bệnh càng sớm được kiểm soát thì quốc gia đó càng sớm có thể trở lại đàm phán kinh doanh, thương mại như bình thường./.

TÌNH HÌNH...

(Tiếp theo trang 9)

Trong 5 tháng có 21 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 80,3% tổng kim ngạch nhập khẩu.

5 tháng năm 2019 nhập siêu đạt 548 triệu USD⁵ (cùng kỳ năm trước xuất siêu 2,6 tỷ USD), trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 13,28 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 12,73 tỷ USD.

d) Vận tải hành khách và hàng hóa

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, vận tải hành khách đạt 2.073,4 triệu lượt khách, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước và 93,9 tỷ lượt khách.km, tăng 9,3%.

5. Trong đó, xuất siêu sang EU đạt 11,6 tỷ USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước; nhập siêu từ Trung Quốc 16,2 tỷ USD, tăng 45,9%; nhập siêu từ Hàn Quốc 11,3 tỷ USD, giảm 3,6%; nhập siêu từ ASEAN 3,3 tỷ USD, tăng 25,7%.

Vận tải hàng hóa 5 tháng đầu năm đạt 684,8 triệu tấn, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước và 130,2 tỷ tấn.km, tăng 6,8%.

e) Khách quốc tế đến Việt Nam

Việt Nam tiếp tục là điểm đến thu hút khách du lịch quốc tế, lượng khách liên tục đạt mức 1,3-1,4 triệu lượt khách mỗi tháng kể từ đầu năm. Tính chung 5 tháng, khách quốc tế đến nước ta đã đạt gần 7,3 triệu lượt người, cao hơn mức 6,7 triệu lượt người của cùng kỳ năm trước.

7. Một số tình hình xã hội

a) Thiếu đói trong nông dân

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, cả nước có 63,2 nghìn lượt hộ thiếu đói, giảm 30,5% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng với 255 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, giảm 29,4%. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 3,6 nghìn tấn gạo.

b) Tình hình dịch bệnh

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến

thời điểm 18/5/2019 là 209,28 nghìn người và số trường hợp đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 96,29 nghìn người; số người tử vong do HIV/AIDS của cả nước tính đến thời điểm trên là 98,29 nghìn người.

c) Tai nạn giao thông

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, trên địa bàn cả nước xảy ra 6.779 vụ tai nạn giao thông, làm 3.128 người chết, 2.024 người bị thương và 3.230 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 5 tháng đầu năm nay giảm 9,5%; số người chết giảm 10%; số người bị thương tăng 1,8% và số người bị thương nhẹ giảm 14,4%.

d) Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Tính chung 5 tháng đầu năm nay, cả nước xảy ra 1.581 vụ cháy, nổ, làm 55 người chết và 83 người bị thương, thiệt hại về tài sản ước tính hơn 484 tỷ đồng./.

(Trích báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2019 - TCTK)

NGÀNH NGÂN HÀNG TỈNH NAM ĐỊNH LÀM TỐT VAI TRÒ LÀ KÊNH CUNG CẤP VỐN CHỦ LỰC CHO NỀN KINH TẾ

Những năm qua, ngành Ngân hàng đã có nhiều đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nam Định. Ngành đã thực hiện tốt vai trò là kênh dẫn vốn chủ lực, đưa nguồn vốn tín dụng vào vận hành hiệu quả tất cả các hoạt động kinh tế của Tỉnh.

Theo số liệu của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nam Định, đến cuối năm 2018, toàn tỉnh có 21 chi nhánh tổ chức tín dụng cấp I, 42 Quỹ tín dụng nhân dân, 14 chi nhánh ngân hàng thương mại cấp II, 4 đơn vị tổ chức tài chính vi mô, 107 phòng giao dịch, 02 quỹ tiết kiệm, 191 ATM và 373 điểm chấp nhận thẻ (POS). Với mạng lưới phát triển gồm nhiều loại hình tổ chức tín dụng (TCTD) là cơ sở để thúc đẩy sự phát triển và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tăng khả năng cạnh tranh lành mạnh giữa các TCTD và khách. Dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đạt gần 56 nghìn tỷ đồng; Nguồn vốn huy động đạt gần 54,4 nghìn tỷ đồng; trong 3 năm (từ 2016 đến 2018), dư nợ toàn hệ thống tăng 20,52%, nguồn vốn huy động tăng 20,65%.

Hàng năm, đồng hành cùng với tỉnh trong thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng, chủ động tập trung vốn tín dụng kịp thời cung cấp vốn cho người dân và doanh nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh; phát triển nông nghiệp, nông thôn; mở rộng sản xuất để xuất khẩu; cung cấp vốn cho phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ khởi nghiệp. Đặc biệt, Chi nhánh luôn sát sao trong việc chỉ đạo các TCTD, bám sát và đáp ứng nhu cầu vốn cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của Trung ương, của Tỉnh như: Chương trình cho vay phát triển thủy sản mà



Hoạt động giao dịch với khách hàng tại Hội sở Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bắc Nam Định

trọng tâm là cho vay đóng tàu; chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; chương trình cho vay hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp, cho vay đối với chăn nuôi, thủy sản... Cùng với đó là triển khai nghiêm túc các chương trình cho vay hỗ trợ thực hiện các chính sách an sinh xã hội, như: Chương trình cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết 02/NQ-CP; chương trình cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP... Đáng chú ý, chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh đã được triển khai đa dạng, theo đúng chỉ đạo của Thống đốc NHNN và UBND tỉnh, tạo được sự đồng thuận và có sức lan tỏa mạnh trong cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn. Các hợp đồng tín dụng sau khi được ký kết và giải ngân, đều được đánh giá là có tác động tích cực, giúp các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, khôi phục và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua hoạt động tín dụng nhiều ngân hàng đã hỗ trợ hiệu quả để các ngành nghề, lĩnh vực của Tỉnh phát triển, qua đó thể hiện rõ nét vai trò

của mình trong nền kinh tế của Tỉnh, như: Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Bắc Nam Định, Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh Nam Định...

Bên cạnh đó, với quyết tâm cao đấu tranh chống lại tín dụng đen, thời gian qua, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nam Định đã chỉ đạo các TCTD trên địa bàn tỉnh tập trung cải cách thủ tục hành chính, tiết giảm chi phí để có điều kiện giảm lãi suất cho vay, giúp người dân và doanh nghiệp thuận lợi trong việc tiếp cận vốn ngân hàng. Để hạn chế và đẩy lùi tín dụng đen trên địa bàn, ngân hàng Chính sách Xã hội Nam Định đã tập trung ưu tiên vốn cho các vùng nông thôn, vùng "trũng tín dụng" để phần nào đưa được đồng vốn kịp thời đến với bà con, giảm thiểu việc các hộ nghèo lại càng nghèo thêm khi vướng vào tín dụng đen.

Có thể nói, với những hoạt động thiết thực, hiệu quả ngành ngân hàng Nam Định đã góp phần quan trọng trong việc cung cấp vốn kịp thời đến các doanh nghiệp, bà con sản xuất, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh./

P.V

Trong những năm qua KBNN Nam Định luôn hoàn thành xuất sắc công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn Tỉnh. Cụ thể năm 2017, thu NSNN là 44.41 nghìn tỷ đồng đạt 113% dự toán và năm 2018 thu NSNN là 5,21 nghìn tỷ đồng đạt 121% dự toán.

Để có được kết quả đó, KBNN Tỉnh đã tranh thủ sự chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, bám sát kế hoạch thu NSNN hàng năm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Thuế, Hải quan, Tài chính và các cơ quan quản lý thu khác để quản lý, tập trung đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản thu NSNN. Hàng ngày các KBNN trên địa bàn tỉnh Nam Định đã gửi số liệu thu NSNN cho cơ quan thu để nắm bắt được tình hình thu nộp của các đơn vị, từ đó có biện pháp đôn đốc kịp thời các khoản phải thu vào NSNN.

Để tạo thuận lợi cho việc thu nộp NSNN, KBNN Tỉnh đã ký thỏa thuận phối hợp thu NSNN với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh nhằm sử dụng mạng lưới của ngân hàng để mở rộng điểm thu và áp dụng nhiều hình thức thu nộp văn minh, hiện đại. Thời gian thực hiện 1 giao dịch nộp NSNN từ 30 phút/giao dịch giai đoạn trước đây giảm xuống còn 5 phút/giao dịch. Hiện tại, Nam Định có 31 điểm thu tại các ngân hàng cùng với các điểm thu tại 10 trụ sở KBNN ở các huyện và Văn phòng KBNN tỉnh.

Song song với nhiệm vụ quản lý thu NSNN, KBNN tỉnh Nam Định luôn chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương và đúng quy trình kiểm soát chi NSNN. Trên cơ sở hướng dẫn của KBNN Việt Nam, KBNN tỉnh Nam Định đã xây dựng và cụ thể hóa thành cơ chế và các quy trình kiểm soát chi NSNN theo hướng đơn giản, rõ ràng minh bạch. KBNN tỉnh Nam Định cũng công bố Bộ thông tin hành chính về chi NSNN tại Cổng thông tin của UBND tỉnh và tại các điểm giao dịch của KBNN để các đơn vị có quan hệ với NSNN biết.

Trong năm 2018, KBNN tỉnh Nam Định đã thực hiện quy trình

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH NAM ĐỊNH HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG KHO BẠC ĐIỆN TỬ

Nhằm góp phần xây dựng nền hành chính kiến tạo và phục vụ, Kho bạc Nhà nước (KBNN) tỉnh Nam Định đã bám sát những chỉ đạo của KBNN Việt Nam để đẩy nhanh việc thực hiện hiện đại hóa các hoạt động nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, tập trung cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các đơn vị nộp/sử dụng ngân sách.



Khách hàng đến giao dịch tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định

kiểm soát chi “một cửa”, thống nhất một đầu mối kiểm soát chi NSNN bao gồm cả chi thường xuyên, chi đầu tư và chi chương trình mục tiêu quốc gia; Các đơn vị sử dụng ngân sách chỉ gửi hồ sơ, chứng từ thanh toán đến một công chức làm nhiệm vụ kiểm soát chi của KBNN theo đúng quy định “Một cửa, một giao dịch viên”.

Đối với những vướng mắc phát sinh thực tế, KBNN Nam Định tích cực hướng dẫn cho các đơn vị SDNS, đưa phương án giải quyết thống nhất trong toàn Tỉnh. Những vấn đề vượt thẩm quyền, KBNN Tỉnh kịp thời báo cáo với KBNN Việt Nam để có hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình kiểm soát thanh toán.

Từ nhiều năm nay, KBNN Nam Định đã tích cực áp dụng và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào trong hoạt động nghiệp vụ của mình nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kho bạc. Ngoài việc triển khai thành công Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), KBNN

Nam Định cũng đã triển khai áp dụng các ứng dụng CNTT khác theo mô hình tập trung có kết nối với TABMIS như: Hệ thống quản lý thu NSNN theo mô hình tập trung (TCS), hệ thống thanh toán điện tử song phương tập trung, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, hệ thống thanh toán điện tử liên kho bạc tích hợp vào TABMIS, nhằm đáp ứng tốt yêu cầu cải cách tài chính - ngân sách và hình thành kho bạc điện tử.

Được sự quan tâm đầu tư của KBNN Việt Nam, KBNN tỉnh Nam Định có được một cơ sở hạ tầng về CNTT đầy đủ và đồng bộ từ các máy chủ, máy trạm đến đường truyền kết nối ổn định. Nhờ vậy, KBNN tỉnh Nam Định đã phát huy tối đa các ưu điểm của hệ thống CNTT vào hoạt động công tác của đơn vị.

Trên nền tảng hạ tầng, CNTT hiện đại, trong quý 1/2019, KBNN tỉnh Nam Định đã tiến hành triển khai áp dụng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho các đơn vị sử dụng ngân sách trên địa bàn toàn Tỉnh, công tác triển khai tập huấn và chuẩn bị về cơ sở vật chất tại các đơn vị đã được tiến hành một cách thuận lợi. Đây cũng chính là bước cải cách hành chính mạnh mẽ của KBNN nói chung và KBNN tỉnh Nam Định nói riêng theo tinh thần Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử và hướng tới kho bạc điện tử./

Trịnh Trung Long

Ngành Y tế Nam Định:

KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC, BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu của người dân với các dịch vụ, chăm sóc y tế cũng ngày một nâng lên. Chính vì vậy, dù đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong những năm trước đây, song cán bộ, nhân viên ngành Y tế Nam Định luôn nỗ lực cao nhất để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, hoàn thành xuất sắc và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của đơn vị, đồng thời lấy thước đo là sự hài lòng của nhân dân về các dịch vụ, công tác y tế để phấn đấu không ngừng...



Bệnh nhân đến khám và điều trị tại Trung tâm Y tế huyện Giao Thủy được đón tiếp và chăm sóc nhiệt tình, chu đáo. Ảnh: Tư liệu.

Trong năm 2018, hệ thống y tế dự phòng đã thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả việc tăng cường, đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống dịch bệnh, nhất là các bệnh dịch mới nổi, nguy hiểm có khả năng xâm nhập. Trên địa bàn Tỉnh không có dịch lớn xảy ra; các bệnh truyền nhiễm, có nguy cơ bùng phát thành dịch và lan rộng đã được giám sát phát hiện, xử lý và khống chế kịp thời, không có người tử vong do dịch bệnh. Việc kiểm soát quản lý bệnh không lây nhiễm được khẳng định, hoạt động có chiều sâu và đạt hiệu quả. Các chương trình mục tiêu, dự án về y tế như tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV AIDS, an toàn thực phẩm... tiếp tục duy trì hiệu quả.

Song song với y tế dự phòng, công tác khám chữa bệnh đã đạt được những kết quả đáng kể. Công tác khám chữa bệnh ở các tuyến đều đạt và vượt các chỉ tiêu. Cùng với đó, công tác nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các thành tựu khoa học mới, công nghệ y học tiên tiến, công nghệ tin học trong quản lý, điều hành, khám chữa bệnh cũng được triển khai thực hiện có hiệu quả ở các đơn vị. Nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, kỹ thuật cao được

áp dụng để chẩn đoán và điều trị như: Kỹ thuật can thiệp mạch vành, nút mạch gan, phẫu thuật nội soi lồng ngực, chụp cắt lớp vi tính, thay khớp gối, vai, phẫu thuật tán sỏi bằng laze, phẫu thuật thần kinh cột sống...

Để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, ngành Y tế Nam Định đã tập trung, tranh thủ các nguồn lực để đầu tư mua sắm các trang thiết bị y tế mới hiện đại. Bên cạnh đó, công tác đào tạo luôn được ngành quan tâm, tạo điều kiện và là động lực cho cán bộ trong ngành tích cực học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với tuyến cơ sở, các trạm y tế tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp và duy trì hoạt động cơ

bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Đến nay, toàn tỉnh đã có 224 xã đạt chuẩn Tiêu chí quốc gia về y tế đạt tỷ lệ 97,81%; 9/10 huyện có 100% xã, thị trấn có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

Song song với đó, Sở Y tế Nam Định đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính từ việc thẩm định, cấp phép đến các thủ tục hành chính trong khám chữa bệnh; xây dựng quy trình chuẩn, đơn giản thủ tục hành chính, áp dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ trong quản lý nhà nước và quản lý chuyên môn, xây dựng kho dữ liệu dùng chung của toàn ngành, hướng tới đồng bộ hóa, hiện đại hóa công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế.

Để quá trình triển khai nhiệm vụ đúng với mục đích, mục tiêu đề ra, ngành Y tế Nam Định xác định phải làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phòng ngừa những sai sót trong quản lý, tổ chức nhân sự, tài chính. Đồng thời, giải quyết kịp thời, trả lời thấu đáo các đơn thư, ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến lĩnh vực y tế góp phần ổn định tại cơ quan, đơn vị và toàn Ngành. /

Trung Long

Trung tâm Y tế huyện Giao Thủy: Điểm sáng của Ngành Y tế Nam Định

Theo lộ trình đổi mới của ngành, kể từ ngày 1/1/2019, Trung tâm Y tế huyện Giao Thủy được bổ sung thêm chức năng dân số KHHGD trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số KHHGD trở thành Trung tâm Y tế đa chức năng.

Để đảm bảo các hoạt động của đơn vị diễn ra thường xuyên ngay sau khi sáp nhập, Trung tâm Y tế mới đã tiếp tục sắp xếp lại các khoa, phòng hợp lý, nghiêm túc thực hiện các chức năng khám chữa bệnh, dự phòng và dân số.

Từ đầu năm 2018 đơn vị triển khai việc khám, chữa bệnh cho bệnh nhân có thể bảo hiểm y tế cả thứ 7 và chủ nhật nên tạo thuận lợi cho người bệnh đi khám. Trong quá trình đến khám, bệnh nhân được các bác sỹ tư vấn, làm các xét nghiệm cận lâm sàng như siêu âm, chụp X.quang, xét nghiệm... chẩn đoán bệnh nhanh, chính xác. Cùng với nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân, đơn vị triển khai làm tốt công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại tuyến cơ sở, chương trình tiêm chủng mở rộng được triển khai đúng quy định, số trẻ trong độ tuổi tiêm phòng đạt tỷ lệ cao...

Những con số đáng tự hào

Thời gian qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và địa phương trong tỉnh, sự ủng hộ góp sức của các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội, ngành Giáo dục tỉnh Nam Định đã tiếp tục duy trì được bước phát triển ổn định.

Về mạng lưới và cơ sở vật chất, tính đến cuối năm 2018, toàn tỉnh có 863 cơ sở giáo dục đào tạo, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng phong phú, đa dạng của nhân dân. Trang thiết bị dạy học ngày càng được đầu tư xây dựng mới. Đến nay, đã có 692 trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học.

Về tổ chức bộ máy, trên tinh thần sắp xếp, tinh gọn bộ máy, các đơn vị đã thực hiện rà soát lại cán bộ, sắp xếp lại công việc cho phù hợp với khả năng cán bộ, viên chức và bố trí cán bộ kiêm nhiệm để giảm nhẹ bộ máy. Chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức nhìn chung bảo đảm và ngày càng được nâng lên.

Về chất lượng giáo dục, ở tất cả các cấp, bậc học đều đạt được kết quả ấn tượng. Nổi bật, trong kỳ thi THPT quốc gia, Nam Định tiếp tục nằm trong tốp đầu toàn quốc (xếp thứ 2); 8/9 môn thi trong top 10 toàn quốc; điểm trung bình môn Toán xếp thứ nhất, môn Hóa xếp thứ 2, môn Vật lý xếp thứ 4, môn tiếng Anh và Địa lý xếp thứ 5, môn GDCD xếp thứ 6, Ngữ văn xếp thứ 8, Lịch sử xếp thứ 9. Tỷ lệ tốt nghiệp đạt 99,77%.

Về giáo dục mũi nhọn, năm 2018, tỉnh có 89 học sinh tham dự ở 11 bộ môn thi học sinh giỏi quốc gia, đoạt 73 giải. Tại các kỳ thi quốc tế, tỉnh Nam Định có 1 học sinh đạt huy chương Bạc Olympic Hóa học quốc tế, 1 học sinh đạt huy chương Đồng Tin học văn phòng thế giới.

Tiếp tục quá trình đổi mới toàn diện

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, ngành Giáo dục Nam Định đã đổi mới mạnh mẽ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo. Nổi bật,

NGÀNH GIÁO DỤC NAM ĐỊNH: NHỮNG DẤU ẤN NỔI BẬT

Trong nhiều năm liên tục, tỉnh Nam Định là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về chất lượng giáo dục đào tạo. Điều này không chỉ thể hiện qua những kết quả đáng ghi nhận về giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn mà còn được phản ánh qua quá trình phấn đấu và đổi mới toàn diện của ngành giáo dục Tỉnh.



Thầy Cao Xuân Hùng, Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định trao đổi thông tin với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện

"CÁI NÔI" ĐÀO TẠO HỌC SINH GIỎI VÀ NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Nhắc tới Nam Định là nhắc đến vùng đất học có tiếng của khu vực và cả nước. Liên tục trong nhiều năm, đoàn Nam Định luôn có mặt ở tốp đầu trong các kỳ thi học sinh giỏi, cuộc thi sáng tạo của cả nước. Đóng góp vào thành công của Tỉnh, Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong giữ vai trò "nòng cốt" trong việc phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng bậc THPT. Với sự quan tâm của tỉnh, sự nỗ lực của thầy và trò nhà trường, nhiều năm liền, Trường THPT Lê Hồng Phong luôn có học sinh tham gia đội tuyển quốc gia dự giải quốc tế và khu vực, nhiều học sinh giành giải cao, trở thành niềm tự hào của Việt Nam trên trường quốc tế.

các trường tích cực đổi mới mô hình, phương pháp giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục mở, thân thiện.

Với định hướng lấy học sinh làm trung tâm, các trường đã áp dụng các phương pháp dạy học tích cực; tạo môi trường giáo dục dân chủ, hợp tác cho học sinh, giúp học sinh chủ động, linh hoạt, sáng tạo, chia sẻ, tôn trọng, giúp đỡ nhau, tự tin và có trách nhiệm, chuyển quá trình giáo dục chủ yếu là cung cấp kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất của người học.

Hình thức và phương pháp thi cũng được cải tiến. Ở cấp trung học, từ năm học 2016 - 2017, Nam Định đã chuyển đổi từ môn thi thành bài thi, trong đó học sinh phải làm ba bài thi bắt buộc là Toán, Ngữ văn và Bài tổng hợp..

Nam Định đã triển khai xây dựng đề án ngoại ngữ 2020 và đề án thí điểm tăng cường giảng dạy tiếng Anh trong các trường phổ thông với giáo viên nước ngoài, hằng năm phối hợp tổ chức IIG đánh giá năng lực tiếng Anh đầu ra cho học sinh các cấp học. Nam Định được Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá là một trong 9 tỉnh điển hình triển khai đề án ngoại ngữ 2020./.

Trọng Linh

TRƯỜNG THPT THỊNH LONG

TỪNG BƯỚC KHẮNG ĐỊNH GIÁ TRỊ

Được hành lập từ năm 2001, Trường THPT Thịnh Long nằm trên địa bàn thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, là trường chuẩn Quốc gia, luôn hướng tới xây dựng môi trường giáo dục toàn diện.

Qua 18 năm xây dựng và phát triển, Trường THPT Thịnh Long luôn tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh như: Xây dựng chuyên đề dạy học, tổ chức dạy học tích hợp liên môn, giáo dục tích hợp bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai...; tổ chức dạy học gắn với hướng nghiệp; Tổ chức sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn và sinh hoạt chuyên môn trên trường học kết nối; đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá. Song song với đó, Nhà trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy và quản lý đổi mới dạy học, trong đó việc quản lý chất lượng học sinh, quản lý nhân sự bằng hệ thống Smart đã giúp Nhà trường quản lý chặt chẽ, chính xác, kịp thời hơn, đồng thời giảm bớt nhiều công việc, thời gian cho giáo viên. Đáng chú ý, nhiều sáng kiến kinh nghiệm được giáo viên của Nhà trường vận dụng, triển khai hiệu quả như: Các sáng kiến về đổi mới phương pháp dạy học, các chuyên đề dạy học, ôn thi THPT Quốc gia, giúp nâng cao hiệu quả dạy và học của Nhà trường.

Bên cạnh việc tích cực đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin, những năm qua, Trường THPT Thịnh Long cũng rất chú trọng đến đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học. Hằng năm, ngoài việc dành một phần kinh phí để mua sắm bổ sung, sửa chữa thiết bị dạy học, Nhà trường còn phát động xã hội hóa, trên tinh thần tự nguyện để kêu gọi các tổ chức, cá nhân ủng hộ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy học và xây dựng cảnh quan nhà trường.



Tọa độ trường THPT Thịnh Long

Đến nay, Nhà trường đã có cơ sở vật chất tương đối đảm bảo theo trường chuẩn quốc gia, với 21 phòng học cố định, ngoài ra còn có 5 phòng học có trang bị âm thanh, máy chiếu, loa đài hỗ trợ giảng dạy. Các phòng học chức năng như phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh, Tin.... được trang bị đầy đủ thiết bị.

Song song với đó, công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên cũng được Nhà trường quan tâm thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Nhà trường đều động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, phân công giáo viên tham gia tích cực, đầy đủ các buổi tập huấn do Sở Giáo dục tổ chức; tăng cường công tác tự bồi dưỡng thông qua sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, thông qua bồi dưỡng thường xuyên. Nhờ đó, đội ngũ giáo viên của Nhà trường đều nắm chắc kĩ năng xây dựng thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh, năng lực đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá và bước đầu thực hiện tốt dạy học theo chuyên đề...

Thầy giáo Nguyễn Văn Chiếu, Hiệu trưởng trường THPT Thịnh Long cho biết: Nhờ đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo viên nên chất lượng giáo dục cũng như các hoạt động của Trường THPT Thịnh Long không ngừng được nâng lên.

Chất lượng giáo dục của Nhà trường luôn nằm trong nhóm giữa của tỉnh, trong đó có một số mặt vượt trội như: Hoạt động rèn luyện thể dục thể thao đứng đầu của tỉnh. Học sinh của Nhà trường chăm ngoan, thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường, quy định của pháp luật, đặc biệt là không vi phạm luật giao thông, không mắc các tai nạn xã hội. Bên cạnh đó, học sinh xếp loại khá, giỏi luôn chiếm tỷ lệ cao, đạt trên 65%; kết quả thi THPT hàng năm đều đạt trên 99%, trong đó có nhiều học sinh đỗ điểm cao vào các trường đại học top đầu. Học sinh và giáo viên của Nhà trường khi tham gia các cuộc thi do sở hay các cụm trường tổ chức, cũng luôn đạt được những kết quả tích cực, điển hình như: năm học 2017-2018, Nhà trường có học sinh đạt giải Nhất Olympic THPT môn Ngữ văn, năm học 2018-2019 đạt cờ Khuyến khích cuộc thi Khoa học kỹ thuật, giải Nhất, Nhi hội thảo, hội giảng cấp cụm.

Nhờ khẳng định được chất lượng đào tạo, xây dựng được môi trường giáo dục chuẩn Xanh-Sạch- Đẹp- An toàn nên Trường THPT Thịnh Long đã chiếm được sự tin yêu của các bậc phụ huynh, của người dân và chính quyền địa phương. Đây là nguồn động viên, khích lệ lớn lao để tập thể giáo viên Nhà trường tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và không ngừng xây dựng Trường THPT Thịnh Long luôn là nơi chắp cánh ước mơ cho các thế hệ học trò./

P.V

Trường THPT Lý Nhân Tông:

TRÊN ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN VỮNG MẠNH

Mặc dù địa bàn tuyển sinh thuộc vùng chiêm trũng của huyện, chất lượng đầu vào thấp, nhưng qua 7 năm xây dựng và phát triển, Trường THPT Lý Nhân Tông, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định đã không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện qua từng năm học, từng bước khẳng định vị thế trong hệ thống giáo dục phổ thông của tỉnh Nam Định.



Trường THPT Lý Nhân Tông được thành lập theo Quyết định số 1355/QĐ-UB ngày 15/8/2011 của UBND tỉnh Nam Định. Với qui mô trường THPT hạng II, từ khi thành lập đến nay, tập thể cán bộ, giáo viên Nhà trường luôn bám sát mục tiêu xây dựng và phát triển Trường THPT Lý Nhân Tông thành một trong những trường có chất lượng giáo dục cao của tỉnh Nam Định, nơi giáo viên và học sinh lựa chọn để làm việc và học tập. Qua 7 năm học, Nhà trường đã giáo dục và đào tạo hơn 1500 học sinh tốt nghiệp THPT, trong đó có trên 60% học sinh đã thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước. Năm 2018, Nhà trường vinh dự được Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia.

Đáng chú ý trong 2 năm học gần đây, chất lượng đào tạo của nhà trường tiếp tục có sự chuyển biến tích cực, kết quả đạt được năm sau luôn cao hơn năm trước và có xu hướng phát triển toàn diện, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi của nhà trường tăng từ 14,75%

lên 21,92%; Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực yếu giảm từ 9,92% xuống còn 4,58%. Đội ngũ giáo viên của Nhà trường không ngừng được củng cố, luôn đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu, Nhà trường hiện có 49 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó có 15 cán bộ, giáo viên có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ, còn lại đạt chuẩn trình độ đại học, đặc biệt có trên 80% giáo viên có tuổi đời trẻ, năng động, nhiệt tình, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, có hiểu biết về tin học, ngoại ngữ, có ý thức trách nhiệm trong xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục. Đặc biệt, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo của Nhà trường tiếp tục được đầu tư phát triển. Khuôn viên của Nhà trường có diện tích hơn 21 nghìn m², không gian thoáng mát, với các tòa nhà mới được xây dựng khang trang, thiết bị đồng bộ và hiện đại đảm bảo đáp ứng tốt cho các hoạt động giáo dục, cũng như thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản và toàn diện sự nghiệp giáo dục.

Những kết quả trên có được là do Trường THPT Lý Nhân Tông đã thực hiện hiệu quả nhiều giải pháp

để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, như: Tích cực đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; thực hiện hiệu quả nội dung các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành giáo dục phát động như: “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; tích cực đổi mới hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, đổi mới cơ chế quản lý chuyên môn, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng và sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý dạy và học; phân công giáo viên có trình độ, năng lực chuyên môn, tâm huyết với nghề đảm nhiệm giảng dạy các lớp đầu cấp và cuối cấp; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng học sinh qua theo dõi việc cho điểm thường xuyên của giáo viên, kịp thời có những điều chỉnh khi phát hiện lớp có nhiều điểm yếu kém.

Thầy Hà Văn Hải - Hiệu trưởng nhà trường cho biết: “Để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, Nhà trường tổ chức trao đổi học tập kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, với thời lượng 2 tiết/giáo viên/ học kỳ. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn thường xuyên dự giờ đột xuất giáo viên khi thấy cần thiết, nhằm đánh giá giáo viên và học sinh để có phương pháp phù hợp trong dạy và học đối với từng học sinh. Cùng với việc chú trọng công tác kiểm tra, trong giảng dạy cán bộ, giáo viên nhà trường luôn lấy học sinh làm trung tâm; tổ chức cho học sinh giúp đỡ lẫn nhau trong học tập như: Học nhóm, phân công bạn khá, giỏi giúp đỡ bạn yếu kém”.

Có thể thấy, vượt qua những khó khăn, bằng tình yêu và lòng nhiệt huyết với nghề, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THPT Lý Nhân Tông đang từng bước tạo dựng nền móng vững chắc, cho sự đổi mới và phát triển của Nhà trường trong thời gian tới./

Minh Hùng

TRƯỜNG THCS ĐÀO SƯ TÍCH: ƯƠM MẦM CHO NHỮNG HẠT GIỐNG TÀI NĂNG

Được thành lập từ năm 1997, trải qua hơn hai thập kỷ trưởng thành và phát triển, trường THCS Đào Sư Tích không chỉ tự hào với chất lượng giáo dục toàn diện mà còn thực sự trở thành thương hiệu cho đào tạo học sinh giỏi của huyện Trực Ninh



Nâng cao chất lượng dạy và học, đặc biệt là chất lượng mũi nhọn – chính là mục tiêu trọng tâm của phong trào thi đua “hai tốt” được nhà trường chú trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để thực hiện mục tiêu trên, các thầy cô giáo Nhà trường đã không ngừng tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiên trì, bền bỉ hết lòng dạy dỗ, rèn luyện học sinh.

Dưới sự hướng dẫn, chỉ bảo của các thầy cô, các em học sinh đã nỗ lực thi đua học tập và đã đạt được những kết quả đáng tự hào. Cụ thể, từ đầu năm học 2018 - 2019, Trường đã liên tiếp đạt được những thành tích cao trong các cuộc thi như: Trong kỳ thi HSG cấp huyện, Trường đã giành 285 giải cá nhân, trong đó có 39 giải nhất, 99 giải nhì, 91 giải ba, 56 giải khuyến khích. Kỳ thi HSG các bộ môn văn hoá cấp tỉnh, Trường đạt giải Nhất toàn đoàn với 96 giải cá nhân gồm 9 giải nhất, 44 giải nhì, 22 giải ba, 22 giải khuyến khích trong cuộc thi giải Toán bằng tiếng Anh cấp tỉnh,

đội tuyển lớp 8 Trường THCS Đào Sư Tích đạt được 4 giải nhất, 2 giải nhì, 2 giải ba và 2 giải khuyến khích, xếp thứ nhất toàn tỉnh.

Bên cạnh các bộ môn văn hóa, Trong cuộc thi sáng tạo Khoa học kỹ thuật dành cho HS trung học, sản phẩm “Bếp điện mini 2 chiều” của trường THCS Đào Sư Tích đã đạt giải nhất, xếp thứ nhất toàn tỉnh, được Sở GD chọn đi dự thi cấp Quốc gia và đã đạt được giải Tư, là một trong 2 sản phẩm của tỉnh Nam Định đạt giải.

Không chỉ đạt kết quả cao trong các kỳ thi, nhà trường còn đứng vị trí 1/237 trường THCS trên toàn Tỉnh và đạt tỷ lệ đỗ 100% vào các trường THPT hệ công lập, nhiều em đỗ thủ khoa vào các trường chất lượng cao của Tỉnh và của huyện.

Bên cạnh lĩnh vực làm nên thương hiệu là đào tạo bồi dưỡng học sinh giỏi, Trường THCS Đào Sư Tích tiếp tục làm tốt chức năng, nhiệm vụ của một Trường chuẩn Quốc gia, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo đại trà.

Đẩy mạnh thực hiện Đề án Ngoại ngữ giai đoạn 2015-2020,

được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã đón nhiều tình nguyện viên người nước ngoài về công tác. Qua quá trình tiếp xúc với giáo viên bản ngữ, học sinh các lớp học không chỉ rèn kỹ năng nghe, nói mà còn tăng thêm sự tự tin trong giao tiếp.

Để tạo môi trường giáo dục toàn diện, trường còn tổ chức các hoạt động thi đua như văn nghệ, thể dục thể thao, học tập ngoại khóa, đi thăm các khu di tích lịch sử để các em có sân chơi, có cơ hội được trải nghiệm cũng như có thêm nhiều kiến thức bổ ích về các lĩnh vực xã hội.

Theo kết quả thi khảo sát chất lượng cuối năm học 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định, so với mặt bằng chung của toàn huyện thì tất cả các môn của các khối đều đạt tỷ lệ điểm thi trên trung bình, cao hơn rất nhiều tỷ lệ bình quân của toàn Huyện. Kết quả xếp loại học lực toàn trường 75,6% số học sinh xếp loại học lực giỏi, 24,3% học sinh xếp loại học lực Khá, có 1 h/s xếp loại học lực Trung bình với tỷ lệ 0,1% số học sinh.

Với những kết quả đạt được, trong nhiều năm qua, Trường THCS Đào Sư Tích được ghi nhận với nhiều danh hiệu tiêu biểu như: “Tập thể lao động xuất sắc” của UBND tỉnh, Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu về phong trào giáo dục... Đây là niềm tự hào cũng là động lực để giáo viên và học trò của Trường tiếp tục phấn đấu, làm sáng thêm “thương hiệu” trường PTCS Đào Sư Tích.

Trọng Linh

XÃ NAM VÂN:

TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

Là xã nằm ở phía Nam thành phố Nam Định, Nam Vân có sông Đào và 3 tuyến đường quan trọng đi qua (quốc lộ 21A, tỉnh lộ 490C, đường Lê Đức Thọ nối cầu Nam Định với QL21A - tỉnh lộ 490C). Phát huy truyền thống của xã Anh hùng lực lượng vũ trang thời kì kháng chiến chống Pháp, năm 2018, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Nam Vân đã đoàn kết một lòng, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thành phố, của Đảng ủy, HĐND Xã về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, UBND xã Nam Vân đã nghiêm túc triển khai toàn diện nhiệm vụ được giao. Phát huy lợi thế có quốc lộ 21A chạy qua, nhân dân địa phương tích cực phát triển thương mại, dịch vụ, ăn uống, kinh doanh buôn bán, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cũng từng bước phát triển. Bên cạnh đó, con em địa phương cũng tích cực tham gia lao động sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp của các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Nam Định và các vùng lân cận, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế và không ngừng nâng cao thu nhập cho người dân. Năm 2018, Xã đã chỉ đạo tốt công tác sản xuất nông nghiệp trên 286 ha diện tích đất gieo trồng, hướng dẫn nhân dân trong xã sử dụng giống lúa mới cho năng suất, chất lượng cao (năng suất gieo cấy 2 vụ đạt 90,5 tạ/ha); triển khai được 30,7 ha diện tích nuôi trồng thủy sản theo hình thức quảng canh, đạt giá trị bình quân 70 - 100 triệu đồng/ha.

Ngoài ra, công tác xây dựng, cải tạo cơ sở hạ tầng cũng được Xã tiến hành triển khai đồng bộ. Thực hiện các chính sách, chương trình xã hội hóa, Xã đã vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm cải tạo 5 tuyến đường phục vụ nhân dân đi lại; trình Thành phố cho chủ trương mở rộng đường giao thông khu Đồng Cầ, làm đường giao thông nội đồng; đầu tư cải tạo trường học, trạm y tế, chợ... Đến nay, 90% các tuyến đường phục vụ sản xuất nông nghiệp đã được bê tông hóa. Mặt khác, công tác

điều hành thủy lợi cũng được Xã quan tâm sát sao: Xã đã đầu tư 250 triệu đồng lắp đặt 66 khẩu cống các loại, xây sửa được 5 máng cống và 1 cầu cống Đồng Lộng, làm 1 cánh phao quay mới tại thôn Địch Lễ B, cung ứng đầy đủ vật tư nông nghiệp, lấy nước phục vụ gieo cấy trong khung thời vụ.

Ngoài việc tập trung phát triển kinh tế, hạ tầng, lãnh đạo xã Nam Vân luôn quan tâm đến đời sống của bà con nhân dân thông qua các chủ chương, chính sách các phong trào nhằm đảm bảo thể chất và nâng cao chất lượng cuộc sống. Theo đó, nhân dân trong xã nhiệt tình hưởng ứng các hoạt động thể dục thể thao do Xã và Thành phố phát động; tham gia các lễ hội văn hóa; thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền trên đài truyền thanh. Song song với đó, Xã đã đẩy mạnh công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân: Tẩy giun cho 97% học sinh tiểu học, tổ chức uống vitamin A, tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, KHHGĐ, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn

thực phẩm. Trong năm 2018, Xã đã thăm và tặng quà cho các hộ nghèo, khó khăn số tiền 6,6 triệu đồng; trợ cấp xã hội cho các cụ cao tuổi số tiền 29,2 triệu đồng, tặng quà cho 15 đối tượng chính sách và 253 người có công với cách mạng số tiền 101 triệu đồng... Toàn xã có 3 cấp trường học là Mầm non, Tiểu học và THCS năm qua đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, giữ vững danh hiệu trường Tiên tiến và Chuẩn quốc gia. Xã quyết tâm duy trì, giữ vững 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 89%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,44%...

Có được những kết quả trên là do Đảng bộ và chính quyền Nam Vân đã quyết liệt chỉ đạo nhân dân phát triển kinh tế - xã hội đúng hướng, đúng mục tiêu và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Toàn xã Nam Vân đang bước vào giai đoạn 2018 - 2020 với một khí thế mới - khí thế quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh một cách toàn diện và vững chắc./

P.V





XÃ NAM PHONG:

TIẾP TỤC Củng cố và nâng cao chất lượng CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng với sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân trong xã, tình hình kinh tế - xã hội của xã Nam Phong, thành phố Nam Định đã có nhiều chuyển biến tích cực: Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên, cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật nông thôn được đầu tư xây dựng, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Nhờ đó nhân dân phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền địa phương. Tích cực thi đua hăng say lao động sản xuất, kinh doanh để làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương...

Ông Nguyễn Văn Dân, Chủ tịch UBND xã Nam Phong cho biết: Năm 2017 Nam Phong được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đây là kết quả của công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới (XDNTM). Khi đến với Nam Phong hôm nay chúng ta có thể cảm nhận ngay một xã NTM hoàn toàn thay đổi: Nhà cửa cao tầng mọc lên san sát, đường giao thông rộng rãi, môi trường cảnh quan nông thôn khang trang, sạch đẹp. Kinh tế địa phương đang trên đà phát triển với thế mạnh nghề trồng hoa cây cảnh đem lại hiệu quả kinh tế cao. Đời sống nhân dân từng bước được nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần; tỷ lệ hộ nghèo của Xã từ 4,2% năm 2016 giảm xuống còn 1,97% năm 2018; 100% hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ...

Mặt khác, nhờ biết phát huy tốt lợi thế về giao thông với Quốc lộ 21A chạy qua; đường trục phát triển phía Nam thành phố Nam Định qua Trung tâm hành chính xã Nam Phong chuẩn bị hoàn thành đưa vào sử dụng và có sự giao lưu trao đổi hàng hóa do gần chợ Đò



Mô hình trồng hoa cúc mang lại nguồn thu nhập cao

Quan; cùng với đó, là một số cơ quan, các trường đào tạo nghề về nông nghiệp, xây dựng, các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn xã, người dân xã Nam Phong đã đẩy mạnh phát triển các ngành nghề như sản xuất đồ mộc dân dụng, đồ gỗ mỹ nghệ, chế biến lương thực, thực phẩm. Bên cạnh đó, Xã cũng hình thành thêm nhiều cửa hàng sửa chữa ô tô, xe máy, kinh doanh, buôn bán các đồ dân dụng, dịch vụ ăn uống, lưu trú... tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần tăng trưởng kinh tế địa phương.

Ngoài ra, cùng với sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, triển khai các dự án dạy nghề, tạo việc làm cho lao động trong xã, bản thân mỗi người dân trong độ tuổi lao động cũng có ý thức tự tìm kiếm việc làm tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Nam Định và các vùng lân cận, thu nhập bình quân của người lao động đạt khoảng 5 - 6 triệu đồng/người/tháng. Góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng tỷ lệ lao động xã có việc làm thường xuyên đạt 97%.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội của xã Nam Phong cũng có nhiều chuyển biến đáng khích lệ. Cơ sở vật chất

các trường học, Trạm Y tế xã được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa. Ba cấp trường học từ Mầm non, Tiểu học, THCS đều đạt chuẩn Quốc gia, Trạm Y tế xã đạt chuẩn. Tình hình an ninh chính trị và trật tự ATXH trên địa bàn luôn ổn định. Trong cộng đồng làng xã luôn có sự đồng thuận, ý thức chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Phong trào xây dựng Đảng bộ, chính quyền trong sạch vững mạnh đạt được những kết quả tích cực, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương.

Ông Nguyễn Văn Dân, Chủ tịch UBND xã Nam Phong phấn khởi chia sẻ thêm: "Với nền tảng kết quả này, thời gian tới Xã sẽ tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân đầu tư nâng cao chất lượng các tiêu chí XDNTM theo hướng bền vững; Tập trung thực hiện các giải pháp tăng cường đầu tư cho phát triển hạ tầng nông thôn; Chủ động khai thác mọi nguồn lực và tiềm năng sẵn có, từng bước đưa Nam Phong vững bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xây dựng thành phố Nam Định ngày càng giàu đẹp, văn minh".

Trọng nghĩa

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 0866 - 7322. Số kỳ I - 6/2019 (550). Phát hành 2 kỳ/tháng. Năm thứ 58
Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971
Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn
Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản
In tại Công ty TNHH In Tiến Sơn
Ấn phẩm được phát hành qua Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê
1. Hội thảo đề xuất giải pháp phát triển công nghệ thông tin truyền thông cho ngành Thống kê giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn 2030
2. Kết quả bước đầu triển khai thực hiện Đề án hội nhập Thống kê ASEAN giai đoạn 2016-2020
6. Sự nghiệp hoạt động báo chí cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

KINH TẾ - XÃ HỘI

8. Tình hình kinh tế - xã hội 5 tháng đầu năm 2019
10. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 5 năm 2019
11. Tín nhiệm quốc gia nâng hạng - Động lực tăng trưởng cho nền kinh tế Việt Nam
- ThS. Trần Thị Anh - ThS. Nguyễn Thị Ngọc Anh
14. Hành trình hiện thực hóa giấc mơ xuất khẩu phần mềm

ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

17. Triển vọng mua bán sáp nhập doanh nghiệp tại Việt Nam
- ThS. Nguyễn Tiến Hưng - ThS. Lê Thị Huyền Trang
19. Bất động sản công nghiệp - Cơ hội đón đầu làn sóng đầu tư mới

ThS. Trần Thị Hoa - ThS. Mai Thị Diệu Hằng

22. Sản xuất lúa Đông xuân tại Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng nhiều nỗi lo

Đinh Sỹ Nguyên

23. Việt Nam với xu hướng phát triển đô thị thông minh

ThS. Đặng Đình Toàn

27. Ngành Logistics với công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Thu Hòa

30. Tin địa phương

CẢ NƯỚC CHUNG TAY XÂY DỰNG NTM

32. Bình Dương: Sáng tạo, hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới

Thu Hương

35. Khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu - Sự bền vững trong xây dựng nông thôn mới

Bích Ngọc

NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

37. Một số kết quả tính toán chỉ số giá tiêu dùng từ nguồn dữ liệu lớn tại thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thanh Bình - Lê Thị Thanh Loan

VUI VUI... THỐNG KÊ

QUỐC TẾ

40. Dịch tả lợn châu Phi: Biện pháp ứng phó của một số quốc gia trên thế giới

Thu Hương

NAM ĐỊNH - TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI HỢP TÁC ĐẦU TƯ

43. Ngành ngân hàng tỉnh Nam Định làm tốt vai trò là kênh cung cấp vốn chủ lực cho nền kinh tế

44. Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định hướng tới xây dựng kho bạc điện tử

Trịnh Trung Long

45. Ngành Y tế Nam Định: Không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân

Trung Long

46. Ngành Giáo dục Nam Định: Những dấu ấn nổi bật

Trọng Linh

50. Xã Nam Vân: Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VỤ BẢN: NỖ LỰC HẾT MÌNH, ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA NGÀNH Y TẾ NAM ĐỊNH



Khuôn viên Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản luôn xanh - sạch - đẹp.

Những năm qua, Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã phấn đấu không ngừng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị trên các phương diện: Y tế dự phòng; Thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; khám, chữa bệnh; Dân số - KHHGD... góp phần không nhỏ vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn huyện và các vùng lân cận.

Trao đổi với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện, bác sỹ chuyên khoa II Đào Văn Dương, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản, cho biết: "Chúng tôi luôn tâm niệm, là người thầy thuốc, mỗi phút giây giành giật sự sống cho bệnh nhân chính là trách nhiệm, là hạnh phúc của những người được vinh dự khoác trên mình tấm áo blu trắng. Vì vậy, trong nhiều năm qua, đơn vị luôn đặt vấn đề y đức và chất lượng điều trị lên hàng đầu, công tác khám chữa bệnh luôn được nâng cao về chất lượng; ứng dụng tiến bộ, thành tựu khoa học kỹ thuật vào quy trình xét nghiệm và công tác điều trị, quản lý bệnh nhân, đưa công nghệ thông tin vào quy trình đón tiếp bệnh nhân, giảm thiểu thời gian chờ đợi, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh; thái độ ứng xử tạo được niềm tin cho người dân trên địa bàn..."

Để đạt được điều đó, Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản thường xuyên tạo điều kiện, cũng như cử cán bộ, y bác sỹ

đi học tập tại các Trường Đại học Y, các bệnh viện chuyên ngành tuyến Trung ương, tuyển tình để nâng cao trình độ, tiếp nhận và nhận chuyển giao các kỹ thuật, kiến thức y tế hiện đại. Cùng với đó, Trung tâm cũng thường xuyên tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm giữa các đồng nghiệp tại các khoa, phòng, trong các buổi giao ban, hội chẩn... để cùng nhau nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Mặt khác, bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, Trung tâm đã đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng khuôn viên các khoa, phòng, khu điều trị, cùng các hạng mục sân, đường, bồn hoa, cây cảnh khang trang, xanh - sạch - đẹp; mua sắm trang thiết bị đầy đủ nhằm phục vụ tốt nhất công tác khám, chữa bệnh. Nhiều kỹ thuật mới được thực hiện để phục vụ người bệnh tốt hơn như: Mổ nội soi ruột thừa, chụp X-quang kỹ thuật số. Hiện, Trung tâm đã thực hiện được trên 90% kỹ thuật theo phân tuyến và một số phẫu thuật vượt tuyến như: Bướu cổ, thoát vị, u nang buồng trứng, cắt tử cung, viêm ruột thừa, mổ đẻ lần 1, 2... Năm 2018, có trên 68 nghìn lượt bệnh nhân đến khám tại Trung tâm, đạt 98% KH; tổng số bệnh nhân điều trị nội trú 8,4 nghìn lượt, đạt 98% KH; tổng số ngày điều trị nội trú 58,23 ngày; tổng số phẫu thuật 284 ca...

Bên cạnh công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, Trung tâm Y tế

huyện Vụ Bản cũng thường xuyên chú trọng tới công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, công tác phòng chống dịch bệnh và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn. Bằng nhiều hình thức phong phú, thiết thực. Trung tâm đã triển khai nhiều đợt tuyên truyền, cổ động về phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, phòng chống dịch bệnh theo mùa, vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe cộng đồng. Tăng cường chỉ đạo trạm y tế tuyến xã, thị trấn chủ động truyền thông, giám sát dịch bệnh, dự phòng trong công tác phòng chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế như: Tiêm chủng mở rộng luôn được Trung tâm triển khai tích cực, bảo đảm an toàn và chất lượng. Năm 2018, toàn huyện có 98,8% trẻ em dưới một tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin; Tỷ lệ phụ nữ khám thai trên 3 lần cơ bản đạt chỉ tiêu đề ra; Công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em được triển khai thực hiện thường xuyên ở 18/18 xã, thị trấn. Đến nay, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi về cân nặng theo tuổi còn 11,72%, về chiều cao theo tuổi là 13,78%. Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản cũng là một trong những đơn vị tích cực trong công tác phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm luôn chú trọng đẩy mạnh công tác truyền thông, các hoạt động can thiệp, tư vấn chăm sóc, hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cho người bị nhiễm HIV/AIDS...

Bước sang năm 2019, tin tưởng rằng, với sự đoàn kết nhất trí, kỷ cương, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đồng thời, đóng góp cho sự nghiệp phát triển chung của ngành Y tế tỉnh Nam Định, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và phát triển kinh tế trên địa bàn./.

Trọng Nghĩa

QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN GIAO NHÂN

Luôn đồng hành và phát triển cùng các thành viên



Phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện trong buổi làm việc với Lãnh đạo Quỹ Tín dụng Nhân dân Giao Nhân

Quỹ Tín dụng nhân dân (TDND) Giao Nhân được thành lập năm 2007, trải qua 12 năm hoạt động, Quỹ đã từng bước mở rộng địa bàn phục vụ, liên tục tăng trưởng cả về quy mô nguồn vốn và chất lượng tín dụng, trở thành địa chỉ tin cậy để người dân trên địa bàn tham gia làm thành viên hoặc vay vốn để phát triển kinh tế.

Gần dân, vì dân phục vụ

Quỹ tín dụng nhân dân Giao Nhân hiện đang hoạt động trên địa bàn 2 xã Giao Nhân và Giao Long, là các xã có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hoạt động sản xuất kinh doanh, giao thương khá sôi động. Vì vậy, nhu cầu về vốn cho sản xuất là rất lớn. Đây là cơ hội tốt để các tổ chức tín dụng đẩy mạnh hoạt động.

Luôn đặt sự an toàn lên hàng đầu, Quỹ TDND Giao Nhân thực hiện các bước, quy trình cho vay rất chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nam Định. Để cạnh tranh với hệ thống các ngân hàng, ngay từ khi thành lập, Quỹ đã quan tâm tới công tác chăm sóc, phục vụ khách hàng, thành viên. Trong giao tiếp với khách hàng, Quỹ lấy thái độ ân cần, gần gũi để tạo niềm tin. Xác định thời gian của khách hàng là vàng, trong quá trình xét duyệt dự án, cán bộ tín dụng hỗ trợ người dân làm thủ tục hành chính cần thiết, xử lý công việc công tâm, "làm hết việc, không hết giờ", tất cả vì lợi ích và sự hài lòng của khách hàng, thành viên. Với thế mạnh là sự am hiểu địa bàn, nắm rõ tình hình tài chính, năng lực của từng hộ gia đình, nên việc thẩm định và ra quyết định cho vay được thực hiện nhanh chóng, giúp người dân an tâm, tin tưởng và lựa chọn vay vốn tại Quỹ.

Nhờ có nguồn vốn của Quỹ, nhiều gia đình, hộ kinh doanh có dòng tài chính ổn định để mở rộng sản xuất kinh doanh, tìm kiếm và nắm bắt cơ hội để làm giàu trên chính quê hương. Bên cạnh đó, các lĩnh vực có thế mạnh của Giao Nhân và Giao Long là nuôi trồng, khai thác đánh bắt hải sản, dịch vụ thương mại, sản xuất nông nghiệp cũng được đầu tư, tạo ra nhiều công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho nhân dân.

Theo ông Phạm Đình Lệ - Chủ tịch UBND xã Giao Nhân, do nhân dân trong xã tiếp cận được các nguồn vốn "chính thống" từ một tổ chức tín dụng hoạt động bài bản theo đúng quy định của Pháp luật như tại Quỹ TDND Giao Nhân nên các đối tượng cho vay nặng lãi, núp bóng các tổ chức dịch vụ, thương mại trên địa bàn xã đã không còn "đất sống". Vấn nạn "ngân hàng cột điện" - hình thức tín dụng đen - yếu tố tiềm ẩn gây mất ổn định, an ninh trật tự trên địa bàn xã đã bị đẩy lùi.

Tăng trưởng nguồn vốn và phát triển ổn định

Bằng những giải pháp tổng thể, Quỹ giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững về cả quy mô nguồn vốn lẫn dư nợ cho vay (bình quân khoảng 17-20%). Đặc biệt, năm 2018, dư nợ đạt 69,45 tỷ đồng, tăng 28,77 % so với năm trước. Số thành viên tham gia quỹ mở rộng lên là 666 thành viên, góp phần đảm bảo nguồn vốn huy động tại

chỗ (huy động trong thành viên đạt 60%). Đời sống của người lao động được nâng lên rõ rệt, thu nhập bình quân khoảng 7 triệu/người/tháng.

Bên cạnh đó, Quỹ còn đặc biệt quan tâm tới việc xây dựng tổ chức và hoàn thiện bộ máy theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả. Quỹ TDND Giao Nhân đã bố trí, tổ chức thành các Ban, các phòng chuyên môn, theo đúng quy định hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nam Định. Từ ngày đầu thành lập, Quỹ TDND Giao Nhân đã xây dựng cơ chế tuyển dụng cán bộ trẻ có năng lực, trình độ, đồng thời tạo điều kiện để tất cả cán bộ của Quỹ đi học tập các chương trình đào tạo dài hạn các chuyên ngành kế toán, ngân hàng - tài chính hoặc tham gia khóa học, tập huấn ngắn hạn, bồi dưỡng nghiệp vụ phục vụ hoạt động của Quỹ TDND.

Với đóng góp cho sự phát triển của các địa phương, Quỹ TDND Giao Nhân mong muốn các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nam Định tiếp tục theo sát, đồng hành, hỗ trợ và có cơ chế, chính sách quản lý hiệu quả để những Quỹ TDND hoạt động tốt, duy trì được chất lượng tín dụng, được giữ nguyên phạm vi hoạt động (không phải thu hẹp địa bàn). Điều này đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững cho các thành viên đang vay vốn của Quỹ./.

Đình Long